

Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức Học kỳ đầu năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 47 - Hệ ĐHCQ (CT Song ngành Tích hợp [SN TH]),
- + Khóa 48 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT Chất lượng cao; CT SN TH),
- + Khóa 49 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),
- + Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (CT Tiếng Việt; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),

Ban Đào tạo kính đề nghị Quý Thầy/Cô quản lý môn học và Trưởng đơn vị tiếp tục triển khai và hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này;

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần, Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo thông báo cho Quý Thầy/Cô và Sinh viên biết, đồng thời thường xuyên truy cập Dashboard cá nhân/Portal UEH để cập nhật thông tin lịch giảng, lịch học đầy đủ và chính xác nhất;

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Ban Đào tạo;

Trân trọng.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- B. TCKHĐT; B. QTHT;
- B. CSNH, P. TTPC;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, B.ĐT.

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GĐ V...	Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đổi mới sáng tạo)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY
 (Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt	
+ Khóa 47, 48,49,50 ĐHCQ	04/11/24 – 15/12/24	16/12/24 – 23/12/24	24/12/24 – 25/12/24	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/12/24

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ CHÍNH QUY
HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2025
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 47 HỆ ĐHCQ_CT SONG NGÀNH TÍCH HỢP (HỌC KỲ 8) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 18/05/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025_Điều chỉnh; bổ sung (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 12/02/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

Các lớp Khóa 47 ĐHCQ_CT song ngành tích hợp (SN TH) đi thực tập tốt nghiệp theo Kế hoạch của Ban Đào tạo
Riêng CT Song ngành Quản lý công & Luật và quản trị địa phương sẽ đi thực tập tốt nghiệp vào HK cuối năm 2025

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 47 ĐHCQ (Chương trình Song ngành tích hợp)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PMLL1, PMLL2	2

SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 47

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thương mại quốc tế		3	25D1LAW51106501	8	PMLL1.K4 7,PMLL2.K 47	2	5	07g10 - 11g30	N2-103	10/03/25 - 12/05/25	
Luật tổ tụng hành chính		2	25D1LAW51102201	8	PMLL1.K4 7,PMLL2.K 47	3	5	07g10 - 11g30	N2-103	08/04/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53501401	8	PMLL1.K4 7,PMLL2.K 47	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam với lớp HP 25D1LAW51109601

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Luật tổ tụng dân sự với lớp HP 25D1LAW51102001

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Luật cạnh tranh với lớp HP 25D1LAW51102101

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý với lớp HP 25D1LAW51109901

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Luật môi trường với lớp HP 25D1LAW51103201

PMLL1, PMLL2 K47 học chung HP Luật tổ tụng hình sự với lớp HP 25D1LAW51101901

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 48 HỆ ĐHCQ_CT CHUẨN (HỌC KỲ 6) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 18/05/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025_Điều chỉnh; bổ sung (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 12/02/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Chương trình Chuẩn)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD001	1
2	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI001	1
3	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS001	1
4	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE001	1
5	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI001,BI002	2
6	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER001	1
7	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE001	1
8	TÀI CHÍNH CÔNG	PF001	1
9	THUẾ TRONG KINH DOANH	TB001	1
10	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG	HQ001,HQ002	2
11	TÀI CHÍNH	FN001,FN002	2
12	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI001	1
13	BẢO HIỂM	IN001	1
	SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH	INFN1	1
14	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF001	1
15	QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH	RM001	1
16	NGÂN HÀNG	NH001,NH002	2
17	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT001	1
18	NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ	ND001	1
19	NGÂN HÀNG QUỐC TẾ	NQ001	1
20	KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG	AE001,AE002	2
21	QUẢN TRỊ LỮ HÀNH	LH001,LH002	2
22	QUẢN TRỊ DU THUYỀN	CR001	1
23	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS001,KS002	2
24	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK001	1
25	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN001,KN002,KN003,KN004,KN005,KN006,KN007,KN008	8
26	KẾ TOÁN CÔNG	KO001	1
27	KIỂM TOÁN	AU001	1
28	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW	ICA01	1
29	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM001,KM002,KM003	3
30	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB001,IB002,IB003,IB004	4
31	NGOẠI THƯƠNG	FT001,FT002	2
32	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM001,LM002	2

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
33	MARKETING	MR001,MR002	2
34	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR001	1
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB1	1
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM1	1
35	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV001	1
36	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA001,VA002	2
37	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR001,HR002	2
38	BẤT ĐỘNG SẢN	RE001,RE002,RE003	3
39	LUẬT KINH DOANH	LK001,LK002,LK003	3
40	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ001	1
41	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV001,AV002,AV003,AV004	4
42	QUẢN LÝ CÔNG	PM001	1
	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PMLL1	1
43	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC001,SC002,SC003	3
44	QUẢN TRỊ	AD001,AD002,AD003,AD004	4
45	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	CL001,CL002	2
46	QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP	EM001,EM002	2
47	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	BV001,BV002	2
48	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK001	1
49	TOÁN TÀI CHÍNH	FM001,FM002	2
50	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS001	1

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500801	50	FN001	2	5	07g10 - 11g30	N2-201	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/04/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500802	50	FN002	3	5	07g10 - 11g30	N2-201	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501001	50	FN001	2	5	12g45 - 17g05	N2-201	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	10/01/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501002	50	FN002	3	5	12g45 - 17g05	N2-201	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/01/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501601	50	FN001	2	5	07g10 - 11g30	N2-201	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	14/02/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501602	50	FN002	3	5	07g10 - 11g30	N2-201	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502401	50	FN001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502402	50	FN002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503801	50	FN001	4	5	12g45 - 17g05	B2-507	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	21/02/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503802	50	FN002	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-508	22/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508901	50	HPTC.I.FN. 1	4	5	12g45 - 17g05	B2-202	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	02/05/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508902	50	HPTC.I.FN. 2	5	5	12g45 - 17g05	B2-202	13/03/25 - 15/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500701	50	HPTC.I.FN. 1	4	5	07g10 - 11g30	B2-202	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	09/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500702	50	HPTC.I.FN. 2	5	5	07g10 - 11g30	B2-202	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508801	50	HPTC.I.FN. 1	2	5	12g45 - 17g05	N2-201	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	18/04/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502001	50	HPTC.I.FN. 2	3	5	12g45 - 17g05	N2-201	18/03/25 - 13/05/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502002	50	HPTC.I.FN. 1bs	2	5	12g45 - 17g05	N2-504	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	25/04/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500601	50	HPTC.I.FN. 1	4	5	07g10 - 11g30	B2-202	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	28/02/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500602	50	HPTC.I.FN. 2	5	5	07g10 - 11g30	B2-202	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	01/03/25	

CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chứng khoán có thu nhập cố định		3	25D1FIN50501301	52	FI001	6	5	07g10 - 11g30	B2-202	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích tài chính		3	25D1FIN50509602	52	FI001	2	5	12g45 - 17g05	N2-511	06/01/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-201	08/01/25 - 12/03/25	
Quản lý danh mục đầu tư		3	25D1FIN50501901	52	FI001	4	5	07g10 - 11g30	N2-201	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	05/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502417	52	FI001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500713	52	FI001	6	5	07g10 - 11g30	B2-202	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược đầu tư toàn cầu		3	25D1FIN50507901	52	HPTC.I.FI.1	4	5	12g45 - 17g05	N2-201	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	13/01/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508914	52	HPTC.I.FI.1	6	5	12g45 - 17g05	B2-202	03/01/25 - 14/03/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500613	42	HPTC.I.FI.1	4	5	12g45 - 17g05	N2-201	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	28/04/25	

NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 48 + SONG NGÀNH BẢO HIỂM & TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị doanh nghiệp bảo hiểm		3	25D1FIN50502701	60	IN001,INF N1.K48	2	5	07g10 - 11g30	B1-702	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	09/01/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608401	60	IN001,INF N1.K48	5	5	07g10 - 11g30	B2-412	02/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-410	07/01/25 - 11/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502416	60	IN001,INF N1.K48	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Định phí		3	25D1FIN50502401	60	IN001,INF N1.K48	3	5	12g45 - 17g05	B2-410	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500813	40	INFN1.K48	7	5	12g45 - 17g05	B2-202	22/03/25 - 17/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508913	60	HPTC.I.IN. 1,INFN1.K 48	7	5	07g10 - 11g30	B2-410	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích tài chính		3	25D1FIN50509601	60	HPTC.I.IN. 1,INFN1.K 48	7	5	07g10 - 11g30	B2-410	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501613	60	HPTC.I.IN. 1,INFN1.K 48	3	5	07g10 - 11g30	B2-410	18/03/25 - 13/05/25	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược và hệ thống giao dịch		3	25D1FIN50509801	60	IF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-410	04/01/25 - 15/03/25	
Chiến lược đầu tư toàn cầu		3	25D1FIN50507902	60	IF001	5	5	07g10 - 11g30	N2-201	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502419	60	IF001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Điều tiết các định chế tài chính		3	25D1FIN50509702	60	IF001	5	5	07g10 - 11g30	N2-201	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuyển giá quốc tế		3	25D1FIN50509901	60	HPTC.I.IF. 1	7	5	12g45 - 17g05	B2-410	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích rủi ro và mô hình hóa		3	25D1FIN50508702	60	HPTC.I.IF. 1	5	5	12g45 - 17g05	N2-201	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	07/01/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh nghiệp		3	25D1FIN50509001	60	HPTC.I.IF. 1	5	5	12g45 - 17g05	N2-201	13/03/25 - 15/05/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích rủi ro và mô hình hóa		3	25D1FIN50508701	45	RM001	6	5	12g45 - 17g05	N2-201	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502418	45	RM001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509206	45	RM001	6	5	12g45 - 17g05	N2-201	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chứng khoán có thu nhập cố định		3	25D1FIN50501302	45	HPTC.I.R M.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-201	03/01/25 - 14/03/25	
Quản lý danh mục đầu tư		3	25D1FIN50501902	45	HPTC.I.R M.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-201	21/03/25 - 16/05/25	
Điều tiết các định chế tài chính		3	25D1FIN50509701	45	HPTC.I.R M.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-202	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-206	15/01/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán ngân hàng		3	25D1BAN50601201	50	NH001	7	5	12g45 - 17g05	B2-203	04/01/25 - 15/03/25	
Kế toán ngân hàng		3	25D1BAN50601202	50	NH002	2	5	12g45 - 17g05	B2-203	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	08/01/25	
Kinh doanh ngoại hối		3	25D1BAN50603201	50	NH001	5	5	07g45 - 12g05	N2-202	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	14/01/25	
Kinh doanh ngoại hối		3	25D1BAN50603202	50	NH002	6	5	07g45 - 12g05	N2-202	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích tín dụng và quản trị cho vay		3	25D1BAN50600701	50	NH001	5	5	07g45 - 12g05	N2-202	13/03/25 - 15/05/25	
Phân tích tín dụng và quản trị cho vay		3	25D1BAN50600702	50	NH002	6	5	07g45 - 12g05	N2-202	21/03/25 - 16/05/25	
Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609101	50	NH001	7	5	07g10 - 11g30	B2-202	22/03/25 - 17/05/25	
Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609102	50	NH002	2	5	07g10 - 11g30	B2-202	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/05/25	
Quản trị ngân hàng		3	25D1BAN50601101	50	NH001	7	5	12g45 - 17g05	B2-203	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị ngân hàng		3	25D1BAN50601102	50	NH002	2	5	12g45 - 17g05	B2-203	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	23/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502420	50	NH001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502421	50	NH002	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ chuỗi khối và tiền mã hóa		3	25D1BAN50609601	50	HPTC.I.NH .2	2	5	07g10 - 11g30	B2-202	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	15/01/25	
Hoạch định tài chính cá nhân		3	25D1BAN50601301	50	HPTC.I.NH .1	5	5	12g45 - 17g05	N2-202	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	07/01/25	
Hoạch định tài chính cá nhân		3	25D1BAN50601302	50	HPTC.I.NH .2	6	5	12g45 - 17g05	N2-202	03/01/25 - 14/03/25	
Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng		3	25D1BAN50608901	50	HPTC.I.NH .1	5	5	12g45 - 17g05	N2-202	13/03/25 - 15/05/25	
Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng		3	25D1BAN50608902	50	HPTC.I.NH .2	6	5	12g45 - 17g05	N2-202	21/03/25 - 16/05/25	
Quản lý bán hàng tại các định chế tài chính		3	25D1BAN50609501	50	HPTC.I.NH .1	7	5	07g10 - 11g30	B2-202	04/01/25 - 15/03/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Core Banking		2	25D1BAN50606503	25	CB.ND.1	4	5	12g45 - 17g05	B2-105	02/04/25 - 14/05/25	Hủy
Core Banking		2	25D1BAN50606504	25	CB.ND.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-105	03/04/25 - 15/05/25	Hủy
Luật ngân hàng - chứng khoán		2	25D1BAN50608601	50	ND001	4	5	07g10 - 11g30	B2-203	02/04/25 - 14/05/25	
Ngân hàng đầu tư nâng cao		3	25D1BAN50609801	50	ND001	2	5	12g45 - 17g05	N2-202	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	14/02/25	
Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609103	50	ND001	4	5	07g10 - 11g30	B2-203	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	17/01/25	
Quản lý quỹ đầu tư		3	25D1BAN50600401	50	ND001	4	5	12g45 - 17g05	B2-512	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-104	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502423	50	ND001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh NH,TC		3	25D1BAN50604101	50	HPTC.I.ND .1	3	5	07g45 - 12g05	N2-410	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						6	5	07g45 - 12g05	N2-502	21/02/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600801	50	HPTC.I.ND .1	2	5	07g45 - 12g05	N2-202	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	07/02/25	
Tài trợ dự án		3	25D1BAN50603801	50	HPTC.I.ND .1	2	5	07g45 - 12g05	N2-202	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	09/05/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Core Banking		2	25D1BAN50606505	25	CB.NQ.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-105	03/04/25 - 15/05/25	Hủy
Core Banking		2	25D1BAN50606506	25	CB.NQ.2	4	5	07g10 - 11g30	B2-105	02/04/25 - 14/05/25	
Kế toán ngân hàng		3	25D1BAN50601204	50	NQ001	5	5	07g10 - 11g30	B2-203	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	18/01/25	
Quản trị ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50607401	50	NQ001	3	5	07g45 - 12g05	N2-202	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502424	50	NQ001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Thị trường ngoại hối quốc tế		3	25D1BAN50607201	50	NQ001	3	5	12g45 - 17g05	N2-202	18/03/25 - 13/05/25	
Tiêu chuẩn thực hành ngân hàng quốc tế		2	25D1BAN50607301	50	NQ001	3	5	12g45 - 17g05	N2-202	07/01/25 - 25/02/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Digital marketing trong lĩnh vực ngân hàng		3	25D1BAN50607601	50	HPTC.I.NQ .1	5	5	12g45 - 17g05	B2-203	13/03/25 - 15/05/25	
Fintech trong ngân hàng		3	25D1BAN50607501	50	HPTC.I.NQ .1	5	5	12g45 - 17g05	B2-203	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	11/01/25	
Quản trị ngân quỹ ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50607701	50	HPTC.I.NQ .1	3	5	07g45 - 12g05	N2-202	18/03/25 - 13/05/25	

CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định tài chính cá nhân		3	25D1BAN50601303	22	TT001	3	5	12g45 - 17g05	B2-202	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-206	09/01/25	
Luật chứng khoán		2	25D1BAN50603101	22	TT001	3	5	07g10 - 11g30	B2-202	08/04/25 - 13/05/25	
Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609104	22	TT001	3	5	07g10 - 11g30	B2-202	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-206	16/01/25	
Quản lý quỹ đầu tư		3	25D1BAN50600402	22	TT001	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502425	22	TT001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ tài chính - ngân hàng		3	25D1BAN50610101	22	HPTC.I.TT. 1	7	5	12g45 - 17g05	N2-201	22/03/25 - 17/05/25	
Quản lý bán hàng tại các định chế tài chính		3	25D1BAN50609502	22	HPTC.I.TT. 1	7	5	12g45 - 17g05	B1-403	04/01/25 - 15/03/25	Đổi ph.học Hủy
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600901	22	HPTC.I.TT. 1	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	04/01/25 - 15/03/25	Đổi ph.học

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính phủ điện tử		3	25D1PUM51205101	45	PF001	3	5	12g45 - 17g05	N2-301	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích chính sách công		3	25D1PUF50401001	45	PF001	3	5	12g45 - 17g05	N2-301	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-511	22/02/25	
Quản lý tài khóa và soạn lập ngân sách		3	25D1PUF50401201	45	PF001	3	5	07g10 - 11g30	N2-302	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608701	45	PF001	5	5	12g45 - 17g05	A309	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A302	11/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024111	45	PF001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tài chính chính quyền địa phương		3	25D1PUF50401101	45	PF001	3	5	07g10 - 11g30	N2-302	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-511	01/03/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Định giá và quản lý tài sản Công		3	25D1PUF50401401	45	HPTC.LPF.1	5	5	12g45 - 17g05	A309	13/03/25 - 15/05/25	Hủy

CHUYÊN NGÀNH THUẾ TRONG KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024112	55	TB001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thực hành thuế		3	25D1TAX50404301	55	TB001	5	5	12g45 - 17g05	N2-303	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	18/02/25	
Đạo đức Thuế		3	25D1TAX50402101	55	TB001	5	5	12g45 - 17g05	N2-303	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán thuế		2	25D1TAX50406401	55	HPTC.I.TB. 1	7	5	07g10 - 11g30	N2-304	04/01/25 - 22/02/25	
Thuế Xuất - Nhập khẩu		2	25D1TAX50406601	55	HPTC.I.TB. 1	7	5	12g45 - 17g05	N2-304	22/03/25 - 26/04/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản lý rủi ro tuân thủ thuế		3	25D1TAX50402801	55	HPTC.II.T B.1	7	5	07g10 - 11g30	N2-304	22/03/25 - 17/05/25	
Thuế đối với hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp		3	25D1TAX50404401	55	HPTC.II.T B.1	7	5	12g45 - 17g05	N2-304	04/01/25 - 15/03/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại		3	25D1CUS50403401	56	HQ001	6	5	07g10 - 11g30	N2-301	21/03/25 - 16/05/25	
Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại		3	25D1CUS50403402	56	HQ002	7	5	07g10 - 11g30	N2-303	22/03/25 - 17/05/25	
Di trú quốc tế: chính sách và luật pháp		2	25D1CUS50406001	56	HQ001	6	5	12g45 - 17g05	N2-302	21/03/25 - 25/04/25	
Di trú quốc tế: chính sách và luật pháp		2	25D1CUS50406002	56	HQ002	7	5	12g45 - 17g05	N2-303	22/03/25 - 26/04/25	
Nguyên lý kiểm hóa		3	25D1CUS50403301	56	HQ001	6	5	07g10 - 11g30	N2-301	03/01/25 - 14/03/25	
Nguyên lý kiểm hóa		3	25D1CUS50403302	56	HQ002	7	5	12g45 - 17g05	N2-303	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Nhập môn định giá hải quan		3	25D1CUS50403601	56	HQ001	6	5	12g45 - 17g05	N2-302	03/01/25 - 14/03/25	
Nhập môn định giá hải quan		3	25D1CUS50403602	56	HQ002	7	5	07g10 - 11g30	N2-303	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024109	56	HQ001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024110	56	HQ002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600907	56	HQ001	2	5	12g45 - 17g05	A217	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A201	15/01/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600908	56	HQ002	3	5	12g45 - 17g05	A313	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A201	09/01/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quy định vận tải hàng hải và hàng không		3	25D1CUS50406101	56	HPTC.I.HQ .1	2	5	12g45 - 17g05	A217	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A201	07/05/25	
Thuế Xuất - Nhập khẩu		3	25D1TAX50401901	56	HPTC.I.HQ .2	3	5	12g45 - 17g05	A313	18/03/25 - 13/05/25	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024100	60	AE002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502499	60	AE001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Thị trường tiền tệ và thị trường vốn		3	25D1BAN50600201	60	AE001	2	5	07g10 - 11g30	B2-411	06/01/25 - 10/03/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	B1-404	10/01/25	
Thị trường tiền tệ và thị trường vốn		3	25D1BAN50600202	60	AE002	3	5	07g10 - 11g30	B2-410	07/01/25 - 11/03/25	Đổi ph.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	11/01/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 trong 2 nhóm: 1/ Nhóm Kinh tế vĩ mô; 2/ Nhóm Kinh tế vi mô – Mỗi nhóm chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50107801	60	HPTC.MA C.AE.2	3	5	12g45 - 17g05	N1-501	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô – Hủy
Hệ thống tài chính thể chế và thị trường		3	25D1ECO50107901	60	HPTC.MA C.AE.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-406	02/01/25 - 06/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô- Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	15/02/25	
Kinh tế vĩ mô quốc tế		3	25D1ECO50107701	60	HPTC.MA C.AE.2	3	5	12g45 - 17g05	N1-501	07/01/25 - 11/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô – Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	08/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách thương mại và công nghiệp		3	25D1ECO50107001	60	HPTC.MIC .AE.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-412	06/01/25 - 10/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô – Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	14/02/25	
Kinh tế học tổ chức ngành		3	25D1ECO50107101	60	HPTC.MIC .AE.1	2	5	12g45 - 17g05	N1-406	17/03/25 - 12/05/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	25/04/25	
Phân tích hành vi người tiêu dùng		3	25D1ECO50107301	60	HPTC.MIC .AE.1	4	5	12g45 - 17g05	N1-502	08/01/25 - 12/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	21/02/25	
Chính sách thương mại và công nghiệp		3	25D1ECO50107002	60	HPTC.MIC .AE.2bs	3	5	12g45 - 17g05	B1-708	07/01/25 - 11/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô- Bổ sung
						7	5	12g45 - 17g05	B2-504	15/02/25	
Kinh tế học tổ chức ngành		3	25D1ECO50107102	60	HPTC.MIC .AE.2bs	3	5	12g45 - 17g05	N2-107	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô- Bổ sung
Phân tích hành vi người tiêu dùng		3	25D1ECO50107302	60	HPTC.MIC .AE.2bs	5	5	12g45 - 17g05	N2-502	02/01/25 - 06/03/25	Nhóm Kinh tế vĩ mô- Bổ sung
						7	5	12g45 - 17g05	N2-502	08/02/25	

HP TỰ CHỌN UEH 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dữ liệu lớn và ứng dụng		3	25D1INF50907901	60	HPTC.TD3. AE.1	2	5	07g10 - 11g30	N1-301	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	N1-306	09/05/25	
Đầu tư tài chính		3	25D1FIN50500501	60	HPTC.TD3. AE.2	3	5	07g10 - 11g30	N1-501	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Quảng cáo		3	25D1MAR50303703	60	HPTC.TD3. AE.2bs	4	5	07g10 - 11g30	N2-107	08/01/25 - 12/03/25	Bổ sung
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	08/03/25	

HP TỰ CHỌN UEH 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319309	60	HPTC.TD2. AE.2bs	5	5	07g10 - 11g30	N2-307	02/01/25 - 06/03/25	Bổ sung
						7	5	07g10 - 11g30	N2-201	15/02/25	

NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 48 + SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 + SONG
 NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (SCM)		2	25D1INF50906101	55	AR001	4	5	12g45 - 17g05	B2-508	08/01/25 - 26/02/25	Hủy
Marketing kinh doanh nông nghiệp		3	25D1ECO50115301	55	AR001,ARI B1.K48,AR LM1.K48	2	5	12g45 - 17g05	B2-301	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	14/02/25	
Marketing và quản trị xuất khẩu nông sản		3	25D1ECO50115001	55	AR001,ARI B1.K48,AR LM1.K48	2	5	07g10 - 11g30	B2-203	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	17/01/25	
Nghiên cứu thị trường nông nghiệp		3	25D1ECO50114901	55	AR001,ARI B1.K48,AR LM1.K48	2	5	07g10 - 11g30	B2-203	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	18/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502494	55	AR001,ARI B1.K48,AR LM1.K48	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1
 Chon 1 học phần

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản lý thu mua nông sản		3	25D1ECO50115401	55	HPTC.I.AR .1,ARIB1.K 48	4	5	07g10 - 11g30	B2-301	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	28/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2
 Chon 1 học phần

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách nông nghiệp và thực phẩm		3	25D1ECO50115601	55	HPTC.II.A R.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-301	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	21/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức trong kinh doanh		3	25D1BUS50318405	35	ARLM1.K4 8	7	5	07g10 - 11g30	B2-406	04/01/25 - 15/03/25	
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319308	35	ARLM1.K4 8	7	5	12g45 - 17g05	B2-412	22/03/25 - 17/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313013	35	ARLM1.K4 8	7	5	07g10 - 11g30	B2-406	22/03/25 - 17/05/25	
Thiết kế giải pháp chuỗi cung ứng, logistics		3	25D1BUS50319103	35	ARLM1.K4 8	7	5	12g45 - 17g05	B2-502	04/01/25 - 15/03/25	

ARIB1 K48 học chung HP Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng với lớp HP 25D1BUS50318301

ARIB1 K48 học chung HP Phân tích kinh doanh với lớp HP 25D1BUS50318001

ARIB1 K48 học chung HP Marketing quốc tế với lớp HP 25D1MAR50301904

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược và Kế hoạch kinh doanh		3	25D1ECO50101901	50	IV001	5	5	12g45 - 17g05	N2-301	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502495	50	IV001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110301	50	IV001	5	5	07g10 - 11g30	N2-301	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	18/02/25	
Thực hành thẩm định dự án		3	25D1ECO50101601	50	IV001	5	5	07g10 - 11g30	N2-301	13/03/25 - 15/05/25	
Đánh giá tác động các chương trình và dự án		3	25D1ECO50118501	50	IV001	5	5	12g45 - 17g05	N2-301	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900601	50	HPTC.IV. 1	7	5	07g10 - 11g30	B2-512	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Kế hoạch và chính sách công		3	25D1ECO50101702	50	HPTC.IV. 1bs	7	5	07g10 - 11g30	N2-410	22/03/25 - 17/05/25	Bổ sung

HP TỰ CHỌN TỰ DO 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích và quản lý đầu tư nâng cao		3	25D1ECO50118301	50	HPTC.TD2. IV.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-301	04/01/25 - 15/03/25	

CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị tài sản trí tuệ		3	25D1ECO50114401	45	VA001	7	5	12g45 - 17g05	N1-403	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị tài sản trí tuệ		3	25D1ECO50114402	45	VA002	2	5	07g10 - 11g30	N2-301	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	17/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024103	45	VA001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024104	45	VA002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thẩm định giá máy - thiết bị		3	25D1ECO50104801	45	VA001	3	5	07g10 - 11g30	A114	07/01/25 - 11/03/25	Đôi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	A201	09/01/25	
Thẩm định giá máy - thiết bị		3	25D1ECO50104802	45	VA002	4	5	12g45 - 17g05	A114	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A303	07/02/25	
Thẩm định giá tài sản vô hình		3	25D1ECO50105001	45	VA001	3	5	07g10 - 11g30	A114	18/03/25 - 13/05/25	
Thẩm định giá tài sản vô hình		3	25D1ECO50105002	45	VA002	4	5	12g45 - 17g05	A114	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A211	09/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110305	45	VA001	7	5	07g10 - 11g30	N2-301	22/03/25 - 17/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110306	45	VA002	2	5	12g45 - 17g05	N2-203	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	25/04/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bất động sản		3	25D1ECO50105701	45	HPTC.I.VA .1	7	5	07g10 - 11g30	N2-301	04/01/25 - 15/03/25	
Thẩm định giá đầu tư		3	25D1ECO50114501	45	HPTC.I.VA .2	2	5	12g45 - 17g05	N2-203	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	10/01/25	

NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Bảo hiểm xã hội		3	25D1ECO50103201	55	HR001	3	5	07g10 - 11g30	A104a	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	08/02/25	
Bảo hiểm xã hội		3	25D1ECO50103202	55	HR002	4	5	07g10 - 11g30	A104a	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	A211	13/01/25	
Hoạch định và tuyển dụng nguồn nhân lực		2	25D1ECO50116201	55	HR001	3	5	07g10 - 11g30	A104a	08/04/25 - 13/05/25	
Hoạch định và tuyển dụng nguồn nhân lực		2	25D1ECO50116202	55	HR002	4	5	07g10 - 11g30	A212	02/04/25 - 14/05/25	Đôi ph.học
Phát triển nguồn nhân lực		2	25D1ECO50103301	55	HR001	5	5	07g10 - 11g30	A104a	03/04/25 - 15/05/25	
Phát triển nguồn nhân lực		2	25D1ECO50103302	55	HR002	6	5	07g10 - 11g30	A104a	11/04/25 - 16/05/25	
Quan hệ lao động		3	25D1ECO50102601	55	HR001	5	5	12g45 - 17g05	A104a	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	18/01/25	
Quan hệ lao động		3	25D1ECO50102602	55	HR002	6	5	12g45 - 17g05	A114	03/01/25 - 14/03/25	Đôi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024101	55	HR001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024102	55	HR002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Tâm lý học quản lý		3	25D1ECO50102201	55	HR001	5	5	07g10 - 11g30	A104a	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	11/01/25	
Tâm lý học quản lý		3	25D1ECO50102202	55	HR002	6	5	07g10 - 11g30	A104a	03/01/25 - 14/03/25	
Tiền lương và phúc lợi		3	25D1ECO50103101	55	HR001	3	5	12g45 - 17g05	A104a	18/03/25 - 13/05/25	
Tiền lương và phúc lợi		3	25D1ECO50103102	55	HR002	4	5	12g45 - 17g05	A104a	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	A303	05/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích con người		2	25D1ECO50116901	55	HPTC.I.HR .1	5	5	12g45 - 17g05	A104a	03/04/25 - 15/05/25	
Ứng dụng kỹ thuật số trong QTNL		2	25D1ECO50116601	55	HPTC.I.HR .2	6	5	12g45 - 17g05	A104a	11/04/25 - 16/05/25	

NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502491	45	RE001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502492	45	RE002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502493	45	RE003	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

NHÁNH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN - HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Doanh nghiệp bất động sản		3	25D1ECO50118001	65	HPTC.PTB DS.I.RE.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-402	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	18/01/25	
Phát triển bất động sản nâng cao		3	25D1ECO50117901	65	HPTC.PTB DS.I.RE.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-402	18/03/25 - 13/05/25	

NHÁNH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN - HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201706	65	HPTC.PTB DS.II.RE.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-402	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	08/02/25	
Marketing dịch vụ		3	25D1MAR50303103	65	HPTC.PTB DS.II.RE.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-402	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Marketing kỹ thuật số		3	25D1MAR50303301	65	HPTC.PTB DS.II.RE.2	7	5	07g10 - 11g30	A217	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích thị trường bất động sản		3	25D1ECO50106001	65	HPTC.PTB DS.II.RE.2	7	5	07g10 - 11g30	A217	04/01/25 - 15/03/25	

NHÁNH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN - HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phương pháp định lượng nâng cao		3	25D1ECO50117501	65	HPTC.DTB DS.I.RE.1	3	5	07g10 - 11g30	N2-104	18/03/25 - 13/05/25	
Thẩm định giá bất động sản		3	25D1ECO50117601	65	HPTC.DTB DS.I.RE.1	3	5	12g45 - 17g05	N2-104	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	18/01/25	

NHÁNH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN - HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích và quản trị rủi ro bất động sản		3	25D1ECO50117701	65	HPTC.DTB DS.II.RE.1	3	5	12g45 - 17g05	N2-104	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị tài sản bất động sản		3	25D1ECO50105801	65	HPTC.DTB DS.II.RE.1	3	5	07g10 - 11g30	N2-104	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	08/02/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500301	65	HPTC.DTB DS.II.RE.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-402	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-109	11/01/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500714	65	HPTC.DTB DS.II.RE.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-402	13/03/25 - 15/05/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201301	55	AD001	2	5	07g10 - 11g30	N2-203	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	17/01/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201302	55	AD002	3	5	07g10 - 11g30	N2-203	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	08/02/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201303	55	AD003	4	5	07g10 - 11g30	N2-202	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	20/01/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201304	55	AD004	5	5	07g10 - 11g30	N2-203	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502454	55	AD001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502455	55	AD002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502456	55	AD003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502457	55	AD004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201601	55	AD001	2	5	07g10 - 11g30	N2-203	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	02/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201602	55	AD002	3	5	07g10 - 11g30	N2-203	18/03/25 - 13/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201603	55	AD003	2	5	12g45 - 17g05	N2-511	10/02/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-202	19/03/25 - 14/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201604	55	AD004	5	5	07g10 - 11g30	N2-203	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 trong 4 nhóm: 1/ Nhóm Quản trị gia; 2/ Nhóm Quản trị gia nguồn nhân lực; 3/ Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV; 4/ Nhóm Khởi nghiệp – Mỗi nhóm chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211401	55	HPTC.QTG .AD.2	5	5	07g10 - 11g30	B2-205	13/03/25 - 15/05/25	Nhóm Quản trị gia
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211402	55	HPTC.QTG .AD.4bs	7	5	07g10 - 11g30	B2-402	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm Quản trị gia – Đối ph.học
Văn hóa tổ chức		3	25D1MAN50212601	55	HPTC.QTG .AD.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-205	13/03/25 - 15/05/25	Nhóm Quản trị gia
Văn hóa tổ chức		3	25D1MAN50212602	55	HPTC.QTG .AD.4bs	7	5	12g45 - 17g05	B2-205	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm Quản trị gia
Đạo đức kinh doanh		3	25D1MAN50202101	55	HPTC.QTG .AD.2	5	5	07g10 - 11g30	B2-205	02/01/25 - 06/03/25	Nhóm Quản trị gia
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	18/01/25	
Đạo đức kinh doanh		3	25D1MAN50202102	55	HPTC.QTG .AD.4bs	7	5	07g10 - 11g30	B2-205	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm Quản trị gia

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị thủ lao lao động		3	25D1MAN50204101	55	HPTC.NNL .AD.4	6	5	12g45 - 17g05	B2-501	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm Quản trị gia nguồn nhân lực – Đối tg.học
Tuyển dụng và đào tạo		3	25D1MAN50203901	55	HPTC.NNL .AD.4	7	5	12g45 - 17g05	B2-202	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm Quản trị gia nguồn nhân lực- Đối tg.học
Đánh giá thực hiện công việc		3	25D1MAN50204001	55	HPTC.NNL .AD.4	7	5	07g10 - 11g30	B2-204	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm Quản trị gia nguồn nhân lực

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chất lượng dịch vụ		3	25D1MAN50202501	55	HPTC.SX. AD.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-205	08/01/25 - 12/03/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV – Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/02/25	
Quản trị chất lượng dịch vụ		3	25D1MAN50202502	55	HPTC.SX. AD.3bs	6	5	07g10 - 11g30	B2-205	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV
Quản trị điều hành 2		3	25D1MAN50212701	55	HPTC.SX. AD.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-205	19/03/25 - 14/05/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV – Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	11/04/25	
Quản trị điều hành 2		3	25D1MAN50212702	55	HPTC.SX. AD.3bs	6	5	07g10 - 11g30	B2-205	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV – Hủy
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212801	55	HPTC.SX. AD.1	4	5	12g45 - 17g05	B2-203	19/03/25 - 14/05/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV – Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	04/04/25	
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212802	55	HPTC.SX. AD.3bs	6	5	12g45 - 17g05	B2-204	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm Quản trị gia điều hành SX/DV – Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị doanh nghiệp nhỏ		3	25D1MAN50203501	55	HPTC.KN. AD.3	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm Khởi nghiệp – Hủy
Quản trị khởi nghiệp		3	25D1MAN50203801	55	HPTC.KN. AD.3	6	5	12g45 - 17g05	B2-202	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm Khởi nghiệp – Hủy
Quản trị sáng tạo và đổi mới		3	25D1MAN50203701	55	HPTC.KN. AD.3	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm Khởi nghiệp – Hủy

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ thuật quản trị chất lượng II		3	25D1MAN50202701	45	CL001	4	5	12g45 - 17g05	N2-202	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	13/01/25	
Kỹ thuật quản trị chất lượng II		3	25D1MAN50202702	45	CL002	5	5	12g45 - 17g05	N2-203	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	21/01/25	
Phương pháp 6 sigma		3	25D1MAN50202901	45	CL001	4	5	12g45 - 17g05	N2-202	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	28/04/25	
Phương pháp 6 sigma		3	25D1MAN50202902	45	CL002	5	5	12g45 - 17g05	N2-203	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502467	45	CL001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502468	45	CL002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng		3	25D1MAN50203001	45	CL001	4	5	07g10 - 11g30	N2-203	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	05/05/25	
Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng		3	25D1MAN50203002	45	CL002	5	5	07g10 - 11g30	N2-204	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 trong 2 nhóm: 1/ Nhóm 1; 2/ Nhóm 2 – Mỗi nhóm chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)		3	25D1MAN50203401	45	HPTC.I.CL. 1	6	5	12g45 - 17g05	B2-205	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm 1
Quản trị dự án		3	25D1MAN50203103	45	HPTC.I.CL. 1	6	5	07g10 - 11g30	B2-301	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm 1
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212806	45	HPTC.I.CL. 1	6	5	12g45 - 17g05	B2-205	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm 1

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201703	45	HPTC.II.C L.2	7	5	07g10 - 11g30	B2-301	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm 2
Lãnh đạo		3	25D1MAN50201801	45	HPTC.II.C L.2	7	5	12g45 - 17g05	B2-301	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm 2
Phát triển kỹ năng quản trị		3	25D1MAN50201901	45	HPTC.II.C L.2	7	5	12g45 - 17g05	B2-301	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm 2

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhượng quyền kinh doanh		3	25D1MAN50205501	45	EM001	2	5	12g45 - 17g05	B2-205	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-206	22/01/25	
Nhượng quyền kinh doanh		3	25D1MAN50205502	45	EM002	3	5	12g45 - 17g05	B2-204	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502469	45	EM001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502470	45	EM002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211406	45	EM001	2	5	12g45 - 17g05	B1-803	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	07/05/25	
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211407	45	EM002	3	5	12g45 - 17g05	B2-204	18/03/25 - 13/05/25	Hủy

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing khởi nghiệp		3	25D1MAR50310401	45	HPTC.IEM .1bs	6	5	07g10 - 11g30	N2-509	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1MAN50205401	45	HPTC.IEM .1	6	5	07g10 - 11g30	N2-204	21/03/25 - 16/05/25	
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1MAN50205402	45	HPTC.IEM .2	7	5	07g10 - 11g30	N2-203	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901301	45	HPTC.IEM .1	6	5	07g10 - 11g30	N1-301	03/01/25 - 14/03/25	Hủy
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901302	45	HPTC.IEM .2	7	5	07g10 - 11g30	N1-301	04/01/25 - 15/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ sinh thái khởi nghiệp		3	25D1MAN50204301	45	HPTC.II.E M.1	6	5	12g45 - 17g05	N2-204	03/01/25 - 14/03/25	Hủy
Hệ sinh thái khởi nghiệp		3	25D1MAN50204302	45	HPTC.II.E M.2	7	5	12g45 - 17g05	N2-203	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201704	45	HPTC.II.E M.1	6	5	12g45 - 17g05	N2-204	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201705	45	HPTC.II.E M.2	7	5	12g45 - 17g05	N2-203	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Quản trị doanh nghiệp nhỏ		3	25D1MAN50203502	45	HPTC.II.E M.1bs	6	5	12g45 - 17g05	N2-512	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Quản trị khởi nghiệp		3	25D1MAN50203802	45	HPTC.II.E M.2bs	7	5	12g45 - 17g05	N2-404	22/03/25 - 17/05/25	Đổi ph.học

NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế y tế trong chăm sóc sức khỏe		3	25D1MAN50214201	55	BV001	7	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế y tế trong chăm sóc sức khỏe		3	25D1MAN50214202	55	BV002	2	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	10/01/25	
Quản trị dự án		3	25D1MAN50203101	55	BV001	7	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị dự án		3	25D1MAN50203102	55	BV002	2	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	09/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502465	55	BV001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502466	55	BV002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201701	55	HPTC.I.QB .1	3	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	18/03/25 - 13/05/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25D1MAN50201702	55	HPTC.I.QB .2	4	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	25/04/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25D1MAN50201201	55	HPTC.I.QB .1	3	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						5	5	12g45 - 17g05	C(2.02)	09/01/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25D1MAN50201202	55	HPTC.I.QB .2	4	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	17/01/25	
Quản lý dinh dưỡng bệnh viện		3	25D1MAN50214501	55	HPTC.I.QB .2bs	2	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	02/05/25	
Quản trị dược trong bệnh viện		3	25D1MAN50214401	55	HPTC.I.QB .1bs	7	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị rủi ro trong chăm sóc sức khỏe		3	25D1MAN50208101	55	HPTC.I.QB .1	3	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						5	5	12g45 - 17g05	C(2.02)	16/01/25	
Quản trị rủi ro trong chăm sóc sức khỏe		3	25D1MAN50208102	55	HPTC.I.QB .2	4	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	C(2.02)	07/02/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_LH		5	25D1TOU51510401	55	LH001	Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch (COB)					
Kiến tập_LH		5	25D1TOU51510402	55	LH002						
Quản trị bán sản phẩm lữ hành		3	25D1TOU51501801	55	LH001	3	5	12g45 - 17g05	N2-502	11/03/25 - 06/05/25	
Quản trị bán sản phẩm lữ hành		3	25D1TOU51501802	55	LH002	4	5	12g45 - 17g05	N2-502	12/03/25 - 14/05/25	
Quản trị vận hành tour		3	25D1TOU51501601	55	LH001	3	5	07g45 - 12g05	N2-502	11/03/25 - 06/05/25	
Quản trị vận hành tour		3	25D1TOU51501602	55	LH002	4	5	07g45 - 12g05	N2-502	12/03/25 - 14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024107	55	LH001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024108	55	LH002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tâm lý du khách		3	25D1TOU51502301	55	HPTC.I.LH .2	6	5	07g45 - 12g05	N2-502	14/03/25 - 09/05/25	
Tiếp thị lữ hành		3	25D1TOU51509501	55	HPTC.I.LH .1	5	5	07g45 - 12g05	N2-502	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Du lịch có trách nhiệm		3	25D1TOU51510101	55	HPTC.II.L H.1	5	5	12g45 - 17g05	N2-502	13/03/25 - 15/05/25	
Phát triển du lịch bền vững		3	25D1TOU51510201	55	HPTC.II.L H.2	6	5	12g45 - 17g05	N2-502	14/03/25 - 09/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 **[Chọn 1 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Du lịch trọn gói		3	25D1TOU51510001	55	HPTC.III.L H.2	2	5	07g45 - 12g05	N2-502	10/03/25 - 12/05/25	
Ứng dụng điện toán trong du lịch		3	25D1TOU51501201	55	HPTC.III.L H.1	7	5	07g45 - 12g05	N2-502	15/03/25 - 10/05/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DU THUYỀN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_CR		5	25D1TOU51511201	45	CR001	Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch (COB)					
Quản trị bán dịch vụ du thuyền		3	25D1TOU51502801	45	CR001	5	5	12g45 - 17g05	N2-302	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị tiền sảnh		3	25D1HOT51502901	45	CR001	5	5	07g45 - 12g05	N2-302	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024106	45	CR001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sáng tạo dịch vụ		3	25D1TOU51503301	45	HPTC.I.CR .1	7	5	07g45 - 12g05	N2-302	15/03/25 - 10/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chia sẻ đầu tư		3	25D1TOU51507801	45	HPTC.II.C R.1	7	5	12g45 - 17g05	N2-302	15/03/25 - 10/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị xếp hàng		3	25D1TOU51507501	45	HPTC.III.C R.1	3	5	12g45 - 17g05	N2-409	11/03/25 - 06/05/25	Đổi tg.học

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược kinh doanh hiệu khách		3	25D1TOU51507101	55	KS001	6	5	12g45 - 17g05	N2-501	14/03/25 - 09/05/25	
Chiến lược kinh doanh hiệu khách		3	25D1TOU51507102	55	KS002	7	5	12g45 - 17g05	N2-501	15/03/25 - 10/05/25	
Kiến tập_KS		5	25D1TOU51508101	55	KS001	Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch (COB)					
Kiến tập_KS		5	25D1TOU51508102	55	KS002						
Quản trị tiền sảnh		3	25D1HOT51502902	55	KS001	6	5	07g45 - 12g05	N2-501	14/03/25 - 09/05/25	
Quản trị tiền sảnh		3	25D1HOT51502903	55	KS002	7	5	07g45 - 12g05	N2-501	15/03/25 - 10/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024131	55	KS001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024132	55	KS002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị xếp hàng		3	25D1TOU51507502	55	HPTC.I.KS. 1	2	5	07g45 - 12g05	N2-501	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếp thị số ngành hiệu khách		3	25D1TOU51507601	55	HPTC.I.KS. 2	3	5	07g45 - 12g05	N2-501	11/03/25 - 06/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn và an ninh khách sạn		3	25D1HOT51504001	55	HPTC.II.K S.1	2	5	12g45 - 17g05	N2-501	10/03/25 - 12/05/25	
Phân tích đầu tư khách sạn		3	25D1HOT51504501	55	HPTC.II.K S.2	4	5	12g45 - 17g05	N2-408	12/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị bar		3	25D1TOU51504401	55	HPTC.III.K S.1	4	5	07g45 - 12g05	N2-501	12/03/25 - 14/05/25	
Quản trị câu lạc bộ		3	25D1TOU51504201	55	HPTC.III.K S.2	5	5	07g45 - 12g05	N2-501	13/03/25 - 15/05/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_SK		5	25D1EVE51508901	55	SK001	Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch (COB)					
Quản trị bán dịch vụ sự kiện		3	25D1EVE51505401	55	SK001	4	5	12g45 - 17g05	N2-503	12/03/25 - 14/05/25	
Quản trị dự án		3	25D1HOT51501901	55	SK001	2	5	12g45 - 17g05	N2-503	10/03/25 - 12/05/25	
Quản trị rủi ro sự kiện		3	25D1EVE51505901	55	SK001	2	5	07g45 - 12g05	N2-503	10/03/25 - 12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024133	55	SK001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị sự kiện đặc biệt		3	25D1EVE51505701	55	HPTC.I.SK. 1	4	5	07g45 - 12g05	N2-503	12/03/25 - 14/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị thu mua trong sự kiện		3	25D1EVE51508701	55	HPTC.II.S K.1	6	5	12g45 - 17g05	N2-503	14/03/25 - 09/05/25	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301301	50	IB001	3	5	12g45 - 17g05	N1-401	18/03/25 - 13/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301302	50	IB002	4	5	12g45 - 17g05	N1-401	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	05/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301303	50	IB003	5	5	12g45 - 17g05	N1-401	13/03/25 - 15/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301304	50	IB004	6	5	12g45 - 17g05	N1-401	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313001	50	IB001	5	5	12g45 - 17g05	B2-204	13/03/25 - 15/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313002	50	IB002	6	5	12g45 - 17g05	B2-203	21/03/25 - 16/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313003	50	IB003	7	5	12g45 - 17g05	B2-204	22/03/25 - 17/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313004	50	IB004	2	5	12g45 - 17g05	B2-204	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	N1-707	07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502430	50	IB001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502431	50	IB002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502432	50	IB003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502433	50	IB004	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302201	50	IB001	3	5	12g45 - 17g05	N1-401	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	11/01/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302202	50	IB002	4	5	12g45 - 17g05	N1-401	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	20/01/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302203	50	IB003	5	5	12g45 - 17g05	N1-401	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	14/01/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302204	50	IB004	6	5	12g45 - 17g05	N1-401	03/01/25 - 14/03/25	Hủy

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing quốc tế		3	25D1MAR50301901	50	HPTC.I.IB. 1	3	5	07g10 - 11g30	N1-401	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	18/01/25	
Marketing quốc tế		3	25D1MAR50301902	50	HPTC.I.IB. 2	4	5	07g10 - 11g30	N1-401	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	13/01/25	
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319301	50	HPTC.I.IB. 3	5	5	07g10 - 11g30	N1-401	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	07/01/25	
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319302	50	HPTC.I.IB. 4	6	5	07g10 - 11g30	N1-401	03/01/25 - 14/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức trong kinh doanh		3	25D1BUS50318401	50	HPTC.II.IB .1,ARIB1.K 48	3	5	07g10 - 11g30	N1-401	18/03/25 - 13/05/25	
Hành vi tổ chức trong kinh doanh		3	25D1BUS50318402	50	HPTC.II.IB .2	4	5	07g10 - 11g30	N1-401	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	28/04/25	
Quản trị đa văn hóa		3	25D1BUS50304501	50	HPTC.II.IB .3	5	5	07g10 - 11g30	N1-401	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị đa văn hóa		3	25D1BUS50304502	50	HPTC.II.IB .4	6	5	07g10 - 11g30	N1-401	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301701	50	HPTC.III.I B.1	5	5	12g45 - 17g05	B2-204	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	08/02/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301702	50	HPTC.III.I B.2	6	5	12g45 - 17g05	B2-203	03/01/25 - 14/03/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25D1BUS50318501	50	HPTC.III.I B.3	7	5	12g45 - 17g05	B2-204	04/01/25 - 15/03/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25D1BUS50318502	50	HPTC.III.I B.4	2	5	12g45 - 17g05	B2-204	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N1-707	08/01/25	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301314	45	FT001	7	5	12g45 - 17g05	N1-401	22/03/25 - 17/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301315	45	FT002	2	5	07g10 - 11g30	N1-403	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	09/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313010	45	FT001	3	5	12g45 - 17g05	B2-203	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	09/01/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313011	45	FT002	4	5	07g10 - 11g30	B2-204	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502451	45	FT001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502452	45	FT002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302209	45	FT001	7	5	12g45 - 17g05	N1-401	04/01/25 - 15/03/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302210	45	FT002	2	5	07g10 - 11g30	N1-403	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	17/01/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing toàn cầu		3	25D1MAR50318601	45	HPTC.I.FT. 1	7	5	07g10 - 11g30	N1-401	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị marketing		3	25D1MAR50301801	45	HPTC.I.FT. 2	2	5	12g45 - 17g05	N1-403	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	02/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị dịch vụ		3	25D1COM50304101	45	HPTC.II.FT .2	2	5	12g45 - 17g05	N1-403	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/02/25	
Vận tải và bảo hiểm		3	25D1BUS50312301	45	HPTC.II.FT .1	7	5	07g10 - 11g30	N1-401	04/01/25 - 15/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312206	45	HPTC.III.F T.1	3	5	12g45 - 17g05	B2-203	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị bán hàng		3	25D1COM50318802	45	HPTC.III.F T.2	4	5	07g10 - 11g30	B2-410	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	B1-404	25/04/25	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301309	40	KM001	3	5	07g10 - 11g30	N1-403	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	18/01/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301310	40	KM002	4	5	07g10 - 11g30	N1-403	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	20/01/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301311	40	KM003	5	5	07g10 - 11g30	N1-403	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/01/25	
ERP (SCM)		2	25D1BUS50313101	40	KM001	5	5	12g45 - 17g05	B2-101	02/01/25 - 20/02/25	
ERP (SCM)		2	25D1BUS50313102	40	KM002	6	5	12g45 - 17g05	B2-101	03/01/25 - 21/02/25	
ERP (SCM)		2	25D1BUS50313103	40	KM003	7	5	12g45 - 17g05	B2-101	12/04/25 - 17/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313005	40	KM001	5	5	07g10 - 11g30	B2-204	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	11/01/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313006	40	KM002	6	5	07g10 - 11g30	B2-203	03/01/25 - 14/03/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313007	40	KM003	7	5	07g10 - 11g30	B2-203	04/01/25 - 15/03/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312201	40	KM001	3	5	07g10 - 11g30	N1-403	18/03/25 - 13/05/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312202	40	KM002	4	5	07g10 - 11g30	N1-403	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	05/05/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312203	40	KM003	5	5	07g10 - 11g30	N1-403	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị bán lẻ		3	25D1COM50304301	40	KM001	3	5	12g45 - 17g05	N1-403	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị bán lẻ		3	25D1COM50304302	40	KM002	4	5	12g45 - 17g05	N1-403	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	13/01/25	
Quản trị bán lẻ		3	25D1COM50304303	40	KM003	5	5	12g45 - 17g05	N1-403	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502440	40	KM001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502441	40	KM002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502442	40	KM003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319303	40	HPTC.I.K M.3	7	5	07g10 - 11g30	B2-203	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302401	40	HPTC.I.K M.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-204	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302402	40	HPTC.I.K M.2	6	5	07g10 - 11g30	B2-203	21/03/25 - 16/05/25	

NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502445	50	LM001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502446	50	LM002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Thiết kế giải pháp chuỗi cung ứng, logistics		3	25D1BUS50319101	50	LM001	2	5	12g45 - 17g05	N1-401	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	10/01/25	
Thiết kế giải pháp chuỗi cung ứng, logistics		3	25D1BUS50319102	50	LM002	3	5	12g45 - 17g05	N1-406	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	01/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị bán hàng		3	25D1COM50318801	50	HPTC.I.LM .1	2	5	12g45 - 17g05	N1-401	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	09/05/25	
Quản trị bán lẻ		3	25D1COM50304304	50	HPTC.I.LM .2	3	5	12g45 - 17g05	N1-406	18/03/25 - 13/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319305	50	HPTC.II.L M.2	3	5	07g10 - 11g30	N1-406	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	22/02/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301705	50	HPTC.II.L M.1	2	5	07g10 - 11g30	N1-401	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	02/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ và đổi mới trong quản lý chuỗi cung ứng		3	25D1BUS50319201	50	HPTC.III.L M.1	2	5	07g10 - 11g30	N1-401	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	17/01/25	
ERP trong quản trị sản xuất		3	25D1INF50905201	50	HPTC.III.L M.2	3	5	07g10 - 11g30	N1-301	18/03/25 - 13/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 4 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị sự thay đổi		3	25D1MAN50201401	50	HPTC.IV.L M.1	4	5	12g45 - 17g05	B2-203	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/02/25	
Quản trị đa văn hóa		3	25D1BUS50304505	50	HPTC.IV.L M.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-202	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	15/02/25	

NGÀNH MARKETING KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing quốc tế		3	25D1MAR50301903	60	MR001	6	5	12g45 - 17g05	N2-207	21/03/25 - 16/05/25	Đôi ph.học
Marketing quốc tế		3	25D1MAR50301904	60	MR002,AR IB1.K48	7	5	12g45 - 17g05	N2-207	22/03/25 - 17/05/25	Đôi ph.học
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319306	60	MR001	6	5	12g45 - 17g05	N2-203	03/01/25 - 14/03/25	
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319307	60	MR002	7	5	12g45 - 17g05	N2-207	04/01/25 - 15/03/25	Đôi ph.học
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313008	60	MR001	2 4	5 5	07g10 - 11g30 12g45 - 17g05	B2-410 B2-412	17/03/25 - 12/05/25 07/05/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313009	60	MR002	3	5	07g10 - 11g30	B2-411	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502447	60	MR001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502448	60	MR002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ		3	25D1MAR50303101	60	HPTC.I.M R.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-203	03/01/25 - 14/03/25	
Quan hệ công chúng		3	25D1MAR50303801	60	HPTC.I.M R.1bs	6	5	07g10 - 11g30	N2-207	03/01/25 - 14/03/25	Đôi ph.học
Quảng cáo		3	25D1MAR50303701	60	HPTC.I.M R.2	7	5	07g10 - 11g30	N2-202	04/01/25 - 15/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kinh doanh		3	25D1MAR50303001	60	HPTC.II.M R.2	7	5	07g10 - 11g30	N2-202	22/03/25 - 17/05/25	
Marketing xã hội		3	25D1MAR50320401	60	HPTC.II.M R.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-203	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị và phát triển sản phẩm mới		3	25D1MAR50303501	60	HPTC.II.M R.1bs	6	5	07g10 - 11g30	N2-103	21/03/25 - 16/05/25	Hủy

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712201	60	KN001	3	5	12g45 - 17g05	N2-203	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	08/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712202	60	KN002	4	5	12g45 - 17g05	N2-203	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-511	20/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712203	60	KN003	5	5	12g45 - 17g05	N2-204	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	11/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712204	60	KN004	6	5	12g45 - 17g05	N2-301	03/01/25 - 14/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712205	60	KN005	7	5	12g45 - 17g05	N2-204	04/01/25 - 15/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712206	60	KN006	2	5	07g45 - 12g05	N2-204	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	07/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712207	60	KN007	3	5	07g45 - 12g05	N2-204	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	18/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712208	60	KN008	4	5	07g45 - 12g05	N2-204	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	17/02/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704601	60	KN001	3	5	12g45 - 17g05	N2-203	18/03/25 - 13/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704602	60	KN002	4	5	12g45 - 17g05	N2-203	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-511	21/04/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704603	60	KN003	5	5	12g45 - 17g05	N2-204	13/03/25 - 15/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704604	60	KN004	6	5	12g45 - 17g05	N2-301	21/03/25 - 16/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704605	60	KN005	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	22/03/25 - 17/05/25	Đôi ph.học
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704606	60	KN006	2	5	07g45 - 12g05	N2-204	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/04/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704607	60	KN007	3	5	07g45 - 12g05	N2-204	18/03/25 - 13/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704608	60	KN008	4	5	07g45 - 12g05	N2-204	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	21/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502471	60	KN001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502472	60	KN002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502473	60	KN003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502474	60	KN004	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502475	60	KN005	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502476	60	KN006	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502477	60	KN007	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502478	60	KN008	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN **[Chọn 3 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712401	60	HPTC.I.KN .1	5	5	07g10 - 11g30	B2-410	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-412	18/01/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712402	60	HPTC.I.KN .2	6	5	07g10 - 11g30	B2-410	03/01/25 - 14/03/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712403	60	HPTC.I.KN .3	7	5	07g10 - 11g30	B2-411	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712404	60	HPTC.I.KN .4	2	5	07g10 - 11g30	B2-411	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	15/01/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712405	60	HPTC.I.KN .5	3	5	07g10 - 11g30	B2-402	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	16/01/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712406	60	HPTC.I.KN .6	4	5	12g45 - 17g05	B2-410	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	14/02/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712407	60	HPTC.I.KN .7	5	5	12g45 - 17g05	B2-411	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	11/01/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712408	60	HPTC.I.KN .8	6	5	12g45 - 17g05	B2-411	03/01/25 - 14/03/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707701	60	HPTC.I.KN .1	5	5	07g10 - 11g30	B2-410	13/03/25 - 15/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707702	60	HPTC.I.KN .2	6	5	07g10 - 11g30	B2-410	21/03/25 - 16/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707703	60	HPTC.I.KN .3	7	5	07g10 - 11g30	B2-411	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707704	60	HPTC.I.KN .4	2	5	07g10 - 11g30	B2-411	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	07/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707705	60	HPTC.I.KN .5	3	5	07g10 - 11g30	B2-402	18/03/25 - 13/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707706	60	HPTC.I.KN .6	4	5	12g45 - 17g05	B2-410	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	09/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707707	60	HPTC.I.KN .7	5	5	12g45 - 17g05	B2-411	13/03/25 - 15/05/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707708	60	HPTC.I.KN .8	6	5	12g45 - 17g05	B2-411	21/03/25 - 16/05/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712501	60	HPTC.I.KN .1	5	5	12g45 - 17g05	B2-410	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-412	11/01/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712502	60	HPTC.I.KN .2	6	5	12g45 - 17g05	B2-410	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712503	60	HPTC.I.KN .3	7	5	12g45 - 17g05	B2-411	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712504	60	HPTC.I.KN .4	2	5	12g45 - 17g05	B2-410	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	22/01/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712601	48	HPTC.I.PT DL.KN.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-103	10/03/25 - 12/05/25	Hủy
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712602	48	HPTC.I.PT DL.KN.2	2	5	12g45 - 17g05	B2-103	10/03/25 - 12/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712603	48	HPTC.I.PT DL.KN.3	3	5	07g10 - 11g30	B2-103	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712604	48	HPTC.I.PT DL.KN.4	3	5	12g45 - 17g05	B2-103	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712605	48	HPTC.I.PT DL.KN.5	4	5	07g10 - 11g30	B2-103	12/03/25 - 14/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712606	48	HPTC.I.PT DL.KN.6	4	5	12g45 - 17g05	B2-103	12/03/25 - 14/05/25	Hủy
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712607	48	HPTC.I.PT DL.KN.7	5	5	07g10 - 11g30	B2-508	13/03/25 - 15/05/25	Đổi ph.học
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712608	48	HPTC.I.PT DL.KN.8	5	5	12g45 - 17g05	B2-512	13/03/25 - 15/05/25	Đổi ph.học
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712609	48	HPTC.I.PT DL.KN.9	6	5	07g10 - 11g30	B2-103	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712610	48	HPTC.I.PT DL.KN.10	6	5	12g45 - 17g05	B2-103	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712611	48	HPTC.I.PT DL.KN.11	7	5	07g10 - 11g30	B2-103	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712612	48	HPTC.I.PT DL.KN.12	7	5	12g45 - 17g05	B2-103	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501614	60	HPTC.I.KN .5	3	5	12g45 - 17g05	B2-411	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501615	60	HPTC.I.KN .6	4	5	07g10 - 11g30	B2-410	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	02/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600902	60	HPTC.I.KN .7	5	5	07g10 - 11g30	B2-411	13/03/25 - 15/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600903	60	HPTC.I.KN .8	6	5	07g10 - 11g30	B2-411	21/03/25 - 16/05/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán công quốc tế		3	25D1ACC50704101	50	KO001	7	5	12g45 - 17g05	N2-301	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm soát nội bộ khu vực công		3	25D1ACC50711701	50	KO001	7	5	07g10 - 11g30	N2-204	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính khu vực công		3	25D1ACC50704001	50	KO001	7	5	12g45 - 17g05	N2-301	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502489	50	KO001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán		3	25D1ACC50707901	50	HPTC.I.KO .1	3	5	07g10 - 11g30	B2-203	07/01/25 - 11/03/25	Đôi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B2-502	06/02/25	
Kiểm toán nội bộ khu vực công		3	25D1ACC50711901	50	HPTC.I.KO .1	7	5	07g10 - 11g30	N2-204	22/03/25 - 17/05/25	
Kỹ năng lãnh đạo trong khu vực công		3	25D1PUM51200801	50	HPTC.I.KO .1	3	5	07g10 - 11g30	B2-203	18/03/25 - 13/05/25	

NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401601	60	AU001	2	5	12g45 - 17g05	N2-104	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-107	17/01/25	
Kế toán quốc tế 2		3	25D1ACC50703101	60	AU001	2	5	07g45 - 12g05	N2-104	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	10/01/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25D1ACC50712701	60	AU001	2	5	07g45 - 12g05	N2-104	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	09/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502485	60	AU001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khai phá dữ liệu		3	25D1INF50904301	60	HPTC.I.AU .1	4	5	12g45 - 17g05	B2-507	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	07/02/25	
Phân tích dữ liệu		3	25D1MAT50801001	60	HPTC.I.AU .1	4	5	07g10 - 11g30	B2-411	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B2-407	25/04/25	
Phân tích dữ liệu với Python		3	25D1INF50909101	60	HPTC.I.AU .1	4	5	12g45 - 17g05	B2-507	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	02/05/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201310	60	HPTC.I.AU .1	4	5	07g10 - 11g30	B2-411	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B2-412	14/02/25	
Thuế Quốc tế		3	25D1TAX50402201	60	HPTC.I.AU .1	3	5	07g10 - 11g30	N1-406	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Kế toán công		3	25D1ACC50706503	60	HPTC.I.AU .1	3	5	12g45 - 17g05	N2-410	18/03/25 - 13/05/25	Bổ sung

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nguyên tắc thuế [EN_]	EN	4	25D1ACC50718101	25	ICA01	3	5	07g10 - 11g30	B1-705	07/01/25 - 08/04/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502490	25	ICA01	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25D1TAX50402601	25	HPTC.I.IC A.1	5	5	12g45 - 17g05	B1-805	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600906	25	HPTC.I.IC A.1	5	5	07g10 - 11g30	B1-705	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT		3	25D1ACC50712301	25	HPTC.I.IC A.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-103	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						7	5	07g10 - 11g30	B2-507	01/03/25	

NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_LA		2	25D1LAW51111101	40	LK001	Kiến tập theo lịch của Khoa Luật (CELG)					
Kiến tập_LA		2	25D1LAW51111102	40	LK002						
Kiến tập_LA		2	25D1LAW51111103	40	LK003						
Luật thương mại quốc tế 1		3	25D1LAW51101101	40	LK001	6	5	12g45 - 17g05	B2-504	03/01/25 - 14/03/25	
Luật thương mại quốc tế 1		3	25D1LAW51101102	40	LK002	7	5	12g45 - 17g05	B2-503	04/01/25 - 15/03/25	
Luật thương mại quốc tế 1		3	25D1LAW51101103	40	LK003	2	5	12g45 - 17g05	B2-504	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-206	12/02/25	
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101901	40	LK001,PM LL1.K47,P MLL2.K47	6	5	12g45 - 17g05	B2-504	11/04/25 - 16/05/25	
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101902	40	LK002	7	5	12g45 - 17g05	B2-503	12/04/25 - 17/05/25	
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101903	40	LK003	2	5	12g45 - 17g05	B2-504	31/03/25 - 12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024118	40	LK001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024119	40	LK002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024120	40	LK003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Ứng dụng CNTT trong ngành luật		2	25D1INF50908801	40	LK001	6	5	07g10 - 11g30	B2-512	11/04/25 - 16/05/25	
Ứng dụng CNTT trong ngành luật		2	25D1INF50908802	40	LK002	7	5	07g10 - 11g30	B2-512	04/01/25 - 22/02/25	
Ứng dụng CNTT trong ngành luật		2	25D1INF50908803	40	LK003	2	5	07g10 - 11g30	B2-101	31/03/25 - 12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thuế trong kinh doanh		2	25D1LAW51110801	40	HPTC.I.LK .1	4	5	12g45 - 17g05	N2-301	08/01/25 - 26/02/25	
Luật thuế trong kinh doanh		2	25D1LAW51110802	40	HPTC.I.LK .2	5	5	12g45 - 17g05	N2-307	02/01/25 - 20/02/25	
Luật thuế trong kinh doanh		2	25D1LAW51110803	40	HPTC.I.LK .3	6	5	12g45 - 17g05	N2-304	03/01/25 - 21/02/25	Hủy
Luật thương mại quốc tế 2		2	25D1LAW511101201	40	HPTC.I.LK .1bs	4	5	12g45 - 17g05	N2-301	19/03/25 - 23/04/25	
Luật trọng tài thương mại		2	25D1LAW51102701	40	HPTC.I.LK .1	4	5	07g10 - 11g30	N2-302	08/01/25 - 26/02/25	Hủy
Luật trọng tài thương mại		2	25D1LAW51102702	40	HPTC.I.LK .2	5	5	07g10 - 11g30	N2-304	02/01/25 - 20/02/25	
Luật trọng tài thương mại		2	25D1LAW51102703	40	HPTC.I.LK .3	6	5	07g10 - 11g30	N2-303	03/01/25 - 21/02/25	Hủy
Luật đầu tư		2	25D1LAW51102801	40	HPTC.I.LK .1	4	5	07g10 - 11g30	N2-302	19/03/25 - 23/04/25	
Luật đầu tư		2	25D1LAW51102802	40	HPTC.I.LK .2	5	5	07g10 - 11g30	N2-304	20/03/25 - 24/04/25	
Luật đầu tư		2	25D1LAW51102803	40	HPTC.I.LK .3	6	5	07g10 - 11g30	N2-303	21/03/25 - 25/04/25	Hủy
Luật đấu thầu và đấu giá		2	25D1LAW51110901	40	HPTC.I.LK .2bs	5	5	12g45 - 17g05	N2-307	20/03/25 - 24/04/25	Hủy
Pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan		2	25D1LAW51111001	40	HPTC.I.LK .3bs	6	5	12g45 - 17g05	N2-304	21/03/25 - 25/04/25	Hủy

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_LQ		2	25D1LAW51105701	50	LQ001	Kiến tập theo lịch của Khoa Luật (CELG)					
Logistics quốc tế		3	25D1BUS50310701	50	LQ001	7	5	07g10 - 11g30	N2-307	04/01/25 - 15/03/25	
Luật thương mại quốc tế 2		2	25D1LAW51101203	50	LQ001	7	5	12g45 - 17g05	N2-307	04/01/25 - 22/02/25	
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101906	50	LQ001	7	5	12g45 - 17g05	N2-307	22/03/25 - 26/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024123	50	LQ001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp		2	25D1LAW51110101	50	HPTC.II.LQ .1	7	5	07g10 - 11g30	N2-307	22/03/25 - 26/04/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 4 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật cạnh tranh trong nền thương mại tự do		2	25D1LAW51104801	50	HPTC.II.L Q.1	3	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	18/03/25 - 22/04/25	
Luật thương mại điện tử		2	25D1LAW51106301	50	HPTC.II.L Q.1	3	5	07g10 - 11g30	C(0.02)	07/01/25 - 25/02/25	
Pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan		2	25D1LAW51110301	50	HPTC.II.L Q.1	3	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	07/01/25 - 25/02/25	
Phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)		2	25D1LAW51110401	50	HPTC.II.L Q.1	3	5	12g45 - 17g05	C(0.02)	18/03/25 - 22/04/25	

NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 48 + SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905906	50	PM001,PM LL1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-512	02/04/25 - 14/05/25	
Luật khiếu nại tố cáo		2	25D1LAW51106801	50	PM001,PM LL1.K48	2	5	07g10 - 11g30	B2-205	06/01/25 - 24/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024117	50	PM001,PM LL1.K48	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 4 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích và đánh giá chương trình		3	25D1ECO50109501	50	HPTC.I.PM .1	2	5	07g10 - 11g30	B2-205	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	25/04/25	
Phương pháp nghiên cứu trong khu vực công		3	25D1PUM51200901	50	HPTC.I.PM .1,PMLL1. K48	2	5	12g45 - 17g05	B2-302	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	18/04/25	
Quản trị thay đổi khu vực công		3	25D1PUM51205401	50	HPTC.I.PM .1	4	5	07g10 - 11g30	B2-501	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	11/04/25	
Đạo đức trong khu vực công		3	25D1PUM51201001	50	HPTC.I.PM .1	2	5	12g45 - 17g05	B2-302	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	10/01/25	

PMLL1 K48 học chung HP Luật dân sự 1 với lớp HP 25D1LAW51100503
PMLL1 K48 học chung HP Các học thuyết pháp lý với lớp HP 25D1LAW51100401
PMLL1 K48 học chung HP Tài chính Công với lớp HP 25D1PUF50400201

NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuyển đổi số trong kinh doanh		3	25D1TEC55002901	65	TI001	5	5	12g45 - 17g05	V.11	09/01/25 - 13/03/25	Đổi tg.học
						6	5	12g45 - 17g05	V.11	17/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024134	65	TI001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Đổi mới sáng tạo công nghệ		3	25D1TEC55001101	65	TI001	2	5	07g10 - 11g30	V.11	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	V.11	25/04/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn Nhóm Đổi mới sáng tạo bao gồm 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị tài sản sở hữu trí tuệ		3	25D1TEC55001401	65	HPTC.DM ST.TL.1	4	5	07g10 - 11g30	V.11	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	V.11	02/05/25	
Văn hóa đổi mới sáng tạo		3	25D1TEC55000901	65	HPTC.DM ST.TL.1	2	5	12g45 - 17g05	V.11	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	V.11	10/01/25	
Đổi mới sáng tạo xã hội		3	25D1TEC55001201	65	HPTC.DM ST.TL.1	2	5	12g45 - 17g05	V.11	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	V.11	09/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn Nhóm Kinh doanh]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1TEC55003401	65	HPTC.KD. TL.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-202	17/03/25 - 24/03/25	Bổ sung
						2	5	12g45 - 17g05	B2-206	31/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	18/04/25	

NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25D1INF50908501	50	DS001	6	5	07g10 - 11g30	B2-511	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309544	50	DS001	4	5	07g10 - 11g30	N2-203	08/01/25 - 26/02/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024127	50	DS001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Tính toán hiệu suất cao		3	25D1INF50907701	50	DS001	6	5	07g10 - 11g30	B2-511	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dữ liệu lớn và ứng dụng		3	25D1INF50907904	50	HPTC.I.DS. 1	6	5	12g45 - 17g05	B2-512	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ và đổi mới		3	25D1INF50904101	50	HPTC.II.D S.1	6	5	12g45 - 17g05	B2-512	03/01/25 - 14/03/25	

NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử		3	25D1INF50902801	31	EE001.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-512	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-511	18/01/25	
Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử		3	25D1INF50902802	31	EE001.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-103	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-511	04/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024129	62	EE001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 4 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi người tiêu dùng		3	25D1MAR50302102	62	HPTC.I.EE. 1	3	5	12g45 - 17g05	B2-411	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	08/03/25	
Hệ thống thanh toán điện tử		3	25D1INF50903001	62	HPTC.I.EE. 1	3	5	12g45 - 17g05	B2-507	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317602	62	HPTC.I.EE. 1	3	5	07g10 - 11g30	B2-412	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	01/03/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302405	62	HPTC.I.EE. 1	3	5	07g10 - 11g30	B2-412	18/03/25 - 13/05/25	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dữ liệu lớn và ứng dụng		3	25D1INF50907902	45	BI001	7	5	12g45 - 17g05	N1-301	22/03/25 - 17/05/25	
Dữ liệu lớn và ứng dụng		3	25D1INF50907903	45	BI002	2	5	12g45 - 17g05	B2-511	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	N1-306	23/04/25	
Giới thiệu về quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50909401	45	BI001	7	5	12g45 - 17g05	N1-301	04/01/25 - 15/03/25	
Giới thiệu về quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50909402	45	BI002	2	5	12g45 - 17g05	N1-301	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-306	22/01/25	
Phát triển ứng dụng web		3	25D1INF50901401	45	BI001	7	5	07g10 - 11g30	N1-303	22/03/25 - 17/05/25	
Phát triển ứng dụng web		3	25D1INF50901402	45	BI002	2	5	07g10 - 11g30	N1-303	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-306	07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024125	45	BI001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024126	45	BI002	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901304	45	BI001	7	5	07g10 - 11g30	N1-303	04/01/25 - 15/03/25	
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901305	45	BI002	2	5	07g10 - 11g30	N1-303	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-306	15/01/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kê toán tài chính		3	25D1ACC50700202	45	HPTC.I.BI. 1	5	5	07g10 - 11g30	A315	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302404	45	HPTC.I.BI. 2	6	5	07g10 - 11g30	A315	21/03/25 - 16/05/25	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP mã nguồn mở		3	25D1INF50908401	35	ER001	3	5	07g10 - 11g30	B2-512	18/03/25 - 13/05/25	
ERP trong quản trị tài chính		3	25D1INF50905101	35	ER001	3	5	07g10 - 11g30	B2-512	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-104	13/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905907	35	ER001,CTL L01.K49	3	5	12g45 - 17g05	B2-102	07/01/25 - 25/02/25	Hủy
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317601	35	ER001	7	5	07g10 - 11g30	N1-402	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25D1MAN50201402	35	ER001	7	5	07g10 - 11g30	N1-402	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024124	35	ER001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ và đổi mới		3	25D1INF50904102	55	SE001	4	5	07g10 - 11g30	B2-511	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	09/05/25	
Khai phá dữ liệu		3	25D1INF50904305	55	SE001	4	5	07g10 - 11g30	B2-508	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	17/01/25	
Máy học		3	25D1INF50904401	55	SE001	2	5	12g45 - 17g05	B2-508	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024128	55	SE001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến trúc phần mềm hướng dịch vụ		3	25D1INF50902201	55	HPTC.I.SE. 1	5	5	12g45 - 17g05	B2-512	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	10/01/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25D1INF50908502	55	HPTC.II.SE .1	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	13/03/25 - 15/05/25	

CHUYÊN NGÀNH THÔNG KÊ KINH DOANH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự báo trong kinh tế và kinh doanh		3	25D1STA50801801	60	TK001	3	5	07g10 - 11g30	N2-303	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	22/02/25	
Hệ thống thống kê quốc gia		2	25D1STA50806401	60	TK001	3	5	12g45 - 17g05	N2-204	18/03/25 - 22/04/25	
Khai thác dữ liệu kinh doanh		3	25D1MAT50801501	60	TK001	3	5	07g10 - 11g30	N2-208	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Phân tích dữ liệu thị trường		3	25D1STA50802101	60	TK001	3	5	12g45 - 17g05	N2-204	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	01/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024114	60	TK001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi người tiêu dùng		3	25D1MAR50302101	60	HPTC.I.TK .1	5	5	07g10 - 11g30	A210	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						7	5	12g45 - 17g05	A314	11/01/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị thương hiệu		3	25D1MAR50302901	60	HPTC.II.T K.1	5	5	07g10 - 11g30	A210	13/03/25 - 15/05/25	

CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại		3	25D1BAN50600601	45	FM001	4	5	07g45 - 12g05	N2-301	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	24/02/25	
Ngân hàng thương mại		3	25D1BAN50600602	45	FM002	5	5	07g45 - 12g05	N2-303	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	25/02/25	
Phân tích dữ liệu đa biến		3	25D1STA50802001	45	FM001	4	5	12g45 - 17g05	N2-208	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	03/03/25	
Phân tích dữ liệu đa biến		3	25D1STA50802002	45	FM002	5	5	12g45 - 17g05	N2-304	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						3	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/03/25	
Phân tích kỹ thuật trong tài chính		3	25D1MAT50803801	45	FM001	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	14/04/25	
Phân tích kỹ thuật trong tài chính		3	25D1MAT50803802	45	FM002	5	5	07g10 - 11g30	N2-303	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024115	45	FM001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024116	45	FM002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	Đổi tg.học
Ứng dụng tin học trong tài chính		3	25D1MAT50801601	45	FM001	6	5	07g10 - 11g30	A114	21/03/25 - 16/05/25	
Ứng dụng tin học trong tài chính		3	25D1MAT50801602	45	FM002	7	5	07g10 - 11g30	A306	22/03/25 - 17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 **[Chọn 1 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nguyên lý thẩm định giá		3	25D1ECO50104601	45	HPTC.I.FM .1	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	18/03/25 - 13/05/25	Đổi tg.học
Thị trường tiền tệ và thị trường vốn		3	25D1BAN50600203	45	HPTC.I.FM .2	5	5	12g45 - 17g05	N2-304	13/03/25 - 15/05/25	Hủy

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 **[Chọn 1 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khai thác dữ liệu kinh doanh		3	25D1MAT50801502	45	HPTC.II.F M.1	6	5	07g10 - 11g30	A114	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích dữ liệu bảo hiểm		3	25D1MAT50806901	45	HPTC.II.F M.2	7	5	07g10 - 11g30	A306	04/01/25 - 15/03/25	Hủy

CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700201	40	AS001	6	5	12g45 - 17g05	N2-303	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309543	40	AS001	2	5	07g10 - 11g30	A306	31/03/25 - 12/05/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024113	40	AS001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tài chính doanh nghiệp dành cho chuyên viên định phí (Phần 2)		2	25D1FIN50509401	40	AS001	6	5	12g45 - 17g05	N2-303	21/03/25 - 25/04/25	
Thống kê lập mô hình rủi ro 2		3	25D1STA50808001	40	AS001	6	5	07g10 - 11g30	N2-302	03/01/25 - 14/03/25	
Toán bảo hiểm ngắn hạn 2		3	25D1MAT50805001	40	AS001	6	5	07g10 - 11g30	N2-302	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích chuỗi thời gian		3	25D1MAT50806701	40	HPTC.I.AS. 1	2	5	07g10 - 11g30	A306	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A211	15/01/25	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biên dịch thương mại		3	25D1ENG51305001	42	AV001	6	5	07g10 - 11g30	N2-204	03/01/25 - 14/03/25	
Biên dịch thương mại		3	25D1ENG51305002	42	AV002	6	5	12g45 - 17g05	N2-307	03/01/25 - 14/03/25	
Biên dịch thương mại		3	25D1ENG51305003	42	AV003	6	5	07g10 - 11g30	N2-304	03/01/25 - 14/03/25	
Biên dịch thương mại		3	25D1ENG51305004	42	AV004	6	5	12g45 - 17g05	N2-309	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng Nghe TATM 6		2	25D1LIS51301401	42	AV001	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	06/01/25 - 10/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-412	08/02/25 - 15/02/25	
Kỹ năng Nghe TATM 6		2	25D1LIS51301402	42	AV002	2	5	12g45 - 17g05	B2-502	06/01/25 - 10/02/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-501	08/02/25 - 15/02/25	
Kỹ năng Nghe TATM 6		2	25D1LIS51301403	42	AV003	7	5	07g10 - 11g30	B2-302	04/01/25 - 11/01/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-503	06/01/25 - 10/02/25	
Kỹ năng Nghe TATM 6		2	25D1LIS51301404	42	AV004	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	06/01/25 - 10/02/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-501	11/01/25 - 18/01/25	
Kỹ năng Nói TATM 6		2	25D1SPE51302001	42	AV001	5	5	12g45 - 17g05	N2-308	03/04/25 - 15/05/25	
Kỹ năng Nói TATM 6		2	25D1SPE51302002	42	AV002	5	5	07g10 - 11g30	N2-307	03/04/25 - 15/05/25	
Kỹ năng Nói TATM 6		2	25D1SPE51302003	42	AV003	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	02/04/25 - 14/05/25	
Kỹ năng Nói TATM 6		2	25D1SPE51302004	42	AV004	5	5	12g45 - 17g05	B2-504	03/04/25 - 15/05/25	
Kỹ năng Viết học thuật		3	25D1WRI51307101	42	AV001	4	5	07g10 - 11g30	B2-503	19/03/25 - 14/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	03/05/25	
Kỹ năng Viết học thuật		3	25D1WRI51307102	42	AV002	4	5	07g10 - 11g30	N2-512	19/03/25 - 14/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-303	10/05/25	
Kỹ năng Viết học thuật		3	25D1WRI51307103	42	AV003	4	5	12g45 - 17g05	B2-503	19/03/25 - 14/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-208	10/05/25	
Kỹ năng Viết học thuật		3	25D1WRI51307104	42	AV004	4	5	12g45 - 17g05	N2-302	19/03/25 - 14/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	03/05/25	
Kỹ năng Đọc TATM 6		2	25D1REA51302601	42	AV001	3	5	07g10 - 11g30	B2-501	07/01/25 - 18/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-412	22/02/25	
Kỹ năng Đọc TATM 6		2	25D1REA51302602	42	AV002	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	07/01/25 - 18/02/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-501	22/02/25	
Kỹ năng Đọc TATM 6		2	25D1REA51302603	42	AV003	3	5	07g10 - 11g30	B2-504	07/01/25 - 18/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-302	18/01/25	
Kỹ năng Đọc TATM 6		2	25D1REA51302604	42	AV004	7	5	12g45 - 17g05	B2-501	04/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-408	07/01/25 - 18/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh (EN)	EN	3	25D1LAW51100201	42	AV001	6	5	12g45 - 17g05	N2-512	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh (EN)	EN	3	25D1LAW51100202	42	AV002	6	5	07g10 - 11g30	N2-307	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh (EN)	EN	3	25D1LAW51100203	42	AV003	6	5	12g45 - 17g05	N2-308	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh (EN)	EN	3	25D1LAW51100204	42	AV004	6	5	07g10 - 11g30	N2-308	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502426	42	AV001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502427	42	AV002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502428	42	AV003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502429	42	AV004	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 **[Chọn 1 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị nguồn nhân lực - EN	EN	3	25D1MAN50211601	42	HPTC.I.AV .1	5	5	07g10 - 11g30	N2-512	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực - EN	EN	3	25D1MAN50211602	42	HPTC.I.AV .2	5	5	12g45 - 17g05	N2-512	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị xuất nhập khẩu- EN	EN	3	25D1BUS50316401	42	HPTC.I.AV .3	5	5	12g45 - 17g05	N2-103	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị xuất nhập khẩu- EN	EN	3	25D1BUS50316402	42	HPTC.I.AV .4	4	5	07g10 - 11g30	N2-303	19/03/25 - 14/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-511	26/04/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 **[Chọn 1 học phần]**

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn		3	25D1ENG51304801	42	HPTC.II.A V.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-501	17/03/25 - 12/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	10/05/25	
Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch và Khách sạn		3	25D1ENG51304802	42	HPTC.II.A V.2	2	5	12g45 - 17g05	B2-410	17/03/25 - 12/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-310	03/05/25	
Tiếng Anh chuyên ngành Logistics		3	25D1ENG51304701	42	HPTC.II.A V.3	2	5	07g10 - 11g30	B2-307	17/03/25 - 12/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-208	03/05/25	
Tiếng Anh chuyên ngành Logistics		3	25D1ENG51304702	42	HPTC.II.A V.4	2	5	12g45 - 17g05	B2-301	17/03/25 - 12/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-310	10/05/25	

CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ mới trong truyền thông		3	25D1MED54802501	45	DD001	2	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/01/25 - 24/02/25	Đổi tg.học
						5	5	12g45 - 17g05	B1-508	13/02/25 - 27/02/25	
Dự án 3: Tổ chức sự kiện thực chiến		3	25D1MED54801301	45	DD001	2	5	12g45 - 17g05	B1-405	06/01/25 - 24/02/25	Đổi tg.học
						4	5	12g45 - 17g05	B1-803	12/02/25 - 26/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-701	14/02/25 - 28/02/25	
Seminar 3: Xu hướng hiện tại về truyền thông xã hội		1	25D1MED54802001	45	DD001	3	5	12g45 - 17g05	B2-506	11/02/25 - 25/02/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024138	45	DD001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Thực tập - TTS		3	25D1MED54803901	45	DD001	Thực tập theo lịch của Khoa Thiết kế truyền thông (CTD)					

CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 48

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách đô thị		3	25D1ARC51204401	50	HPTC.IV.S C.2	CN	5	12g45 - 17g05	B1-702	12/01/25 - 23/03/25	
Kinh tế đô thị mới và Marketing thành phố		3	25D1ARC51203301	51	HPTC.I.SC. 1	4	5	12g45 - 17g05	B1-403	19/03/25 - 21/05/25	
Kinh tế đô thị mới và Marketing thành phố		3	25D1ARC51203302	50	HPTC.I.SC. 2	6	5	12g45 - 17g05	B1-704	21/03/25 - 16/05/25	
Mô hình thông tin xây dựng		3	25D1ARC51204101	51	HPTC.III.S C.1	5	5	07g10 - 11g30	B2-510	09/01/25 - 17/04/25	
Quản lý và bảo tồn di sản văn hoá		3	25D1ARC51204301	51	HPTC.IV.S C.1	7	5	12g45 - 17g05	B1-702	04/01/25 - 29/03/25	
Seminar: Công nghệ và đô thị thông minh		2	25D1ARC51203701	51	HPTC.II.S C.1	4	5	07g10 - 11g30	B1-804	19/03/25 - 23/04/25	
Seminar: Tư duy thiết kế		2	25D1ARC51203501	50	HPTC.II.S C.2	6	5	07g10 - 11g30	B1-704	21/03/25 - 25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024135	35	SC001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024136	35	SC002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024137	35	SC003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Tập sự - SC		3	25D1ARC51204901	21	K48.SC.TS. 01	Tập sự theo lịch của Viện Đô thị thông minh và quản lý (CTD)					
Tập sự - SC		3	25D1ARC51204902	21	K48.SC.TS. 02						
Tập sự - SC		3	25D1ARC51204903	21	K48.SC.TS. 03						
Tập sự - SC		3	25D1ARC51204904	21	K48.SC.TS. 04						
Tập sự - SC		3	25D1ARC51204905	21	K48.SC.TS. 05						
Tiếp cận bền vững và Di chuyển thông minh		3	25D1ARC51204201	50	HPTC.III.S C.2	2	5	07g10 - 11g30	B2-306	06/01/25 - 31/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án Kiến trúc và đô thị thông minh		6	25D1ARC51202901	25	K48.DAKT DTTM.01	4	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	05/03/25 - 09/07/25	
						4	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	05/03/25 - 09/07/25	
Đồ án đô thị thông minh		6	25D1ARC51203001	26	K48.DADT TM.01	3	5	07g10 - 11g30	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
Đồ án đô thị thông minh		6	25D1ARC51203002	25	K48.DADT TM.02	3	5	07g10 - 11g30	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
Đồ án đô thị thông minh		6	25D1ARC51203003	25	K48.DADT TM.03	3	5	07g10 - 11g30	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	18/02/25 - 17/06/25	
Đồ án đô thị thông minh		6	25D1ARC51203004	25	K48.DADT TM.04	6	5	07g10 - 11g30	B2-215	21/02/25 - 20/06/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-215	21/02/25 - 20/06/25	

LỊCH HỌC HP KHỞI NGHIỆP KINH DOANH KHÓA 48_CT CHUẨN

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300205	690	KNKD.005	2	4	17g45 - 21g10	A116	03/03/25 - 10/03/25	
						4	4	17g45 - 21g10	A116	05/03/25	
						6	4	17g45 - 21g10	A116	07/03/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300206	690	KNKD.006	3	4	17g45 - 21g10	A116	04/03/25 - 11/03/25	
						5	4	17g45 - 21g10	A116	06/03/25	
						7	4	17g45 - 21g10	A116	08/03/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300207	690	KNKD.007	2	4	17g45 - 21g10	A116	31/03/25	
						4	4	17g45 - 21g10	A116	02/04/25 - 09/04/25	
						6	4	17g45 - 21g10	A116	04/04/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300208	690	KNKD.008	3	4	17g45 - 21g10	A116	01/04/25 - 08/04/25	
						5	4	17g45 - 21g10	A116	03/04/25	
						7	4	17g45 - 21g10	A116	05/04/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300209	690	KNKD.009	2	4	17g45 - 21g10	A116	05/05/25 - 12/05/25	
						4	4	17g45 - 21g10	A116	07/05/25	
						6	4	17g45 - 21g10	A116	09/05/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300210	690	KNKD.010	3	4	17g45 - 21g10	A116	06/05/25 - 13/05/25	
						5	4	17g45 - 21g10	A116	08/05/25	
						7	4	17g45 - 21g10	A116	10/05/25	

DANH SÁCH PHÂN BỐ LỚP SV VÀO CÁC LỚP HP KHỞI NGHIỆP KINH DOANH KHÓA 48_CT CHUẨN

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP	LỚP SV
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300205	690	KNKD.005	AD001, AD002, AD003, AD004, AV001, AV002, AV003, AV004, BV001, BV002, CL001, CL002, EM001, EM002, TI001
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300206	690	KNKD.006	AE001, AE002, AR001, ARIB1, ARLM1, AS001, HR001, HR002, IV001, PF001, RE001, RE002, RE003, TB001, VA001, VA002
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300207	690	KNKD.007	AU001, KN001, KN002, KN003, KN004, KN005, KN006, KN007, KN008, KO001, LK001, LK002, LK003
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300208	690	KNKD.008	BI001, BI002, DS001, EE001, ER001, FM001, FM002, HQ001, HQ002, NH001, NH002, NQ001, SE001, TK001, TT001
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300209	690	KNKD.009	CR001, FI001, FN001, FN002, IF001, IN001, INFN1, KS001, KS002, LH001, LH002, LQ001, ND001, RM001, SK001
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300210	690	KNKD.010	FT001, FT002, IB001, IB002, IB003, IB004, KM001, KM002, KM003, LM001, LM002, MR001, MR002, PM001, PMLL1

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 48 HỆ ĐHCQ_CT CHẤT LƯỢNG CAO (HỌC KỲ 6) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 18/05/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025_Điều chỉnh; bổ sung (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 12/02/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Chương trình Chất lượng cao)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	KINH TẾ ĐẦU TƯ (TV)	IVC01, IVC02, IVC03	3
2	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN (TV)	VAC01	1
3	QUẢN TRỊ (TA)	ADC01, ADC02	2
4	QUẢN TRỊ (TV)	ADC03, ADC04, ADC05, ADC06, ADC07	5
5	TÀI CHÍNH (TA)	FNC01, FNC02, FNC03	3
6	TÀI CHÍNH (TV)	FNC04, FNC05, FNC06, FNC07, FNC08, FNC09, FNC10, FNC11, FNC12, FNC13	10
7	NGÂN HÀNG (TV)	NHC01	1
8	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (TA)	KNC01	1
9	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (TV)	KNC02, KNC03, KNC04, KNC05, KNC06	5
10	KINH DOANH QUỐC TẾ (TA)	IBC01, IBC02	2
11	KINH DOANH QUỐC TẾ (TV)	IBC03, IBC04, IBC05, IBC06	4
12	NGOẠI THƯƠNG (TA)	FTC01	1
13	KINH DOANH THƯƠNG MẠI (TV)	KMC01, KMC02	2
14	MARKETING (TV)	MRC01, MRC02	2
15	KIỂM TOÁN (TV)	AUC01, AUC02, AUC03	3
16	LUẬT KINH DOANH (TV)	LKC01, LKC02	2
17	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (TV)	EEC01	1

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lãnh đạo	EN	3	25D1MAN50210201	50	ADC01	6	5	07g10 - 11g30	B1-804	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502463	50	ADC01	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Triển khai chiến lược	EN	3	25D1MAN50210001	50	ADC01	6	5	07g10 - 11g30	B1-804	21/03/25 - 16/05/25	
Lãnh đạo	EN	3	25D1MAN50210202	50	ADC02	7	5	07g10 - 11g30	B1-804	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502464	50	ADC02	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Triển khai chiến lược	EN	3	25D1MAN50210002	50	ADC02	7	5	07g10 - 11g30	B1-804	22/03/25 - 17/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 trong 2 nhóm: 1/ Nhóm General Managers (GM); 2/ Nhóm Production – Service – Operation Managers (PS); mỗi nhóm chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25D1MAN50210701	50	HPTC.GM. ADCE.1	2	5	07g10 - 11g30	B1-803	06/01/25 - 10/03/25	Nhóm GM
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	12/02/25	
Tư duy thiết kế trong kinh doanh	EN	3	25D1MAN50210401	50	HPTC.GM. ADCE.1	2	5	07g10 - 11g30	B1-803	17/03/25 - 12/05/25	Nhóm GM Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	09/04/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	EN	3	25D1MAN50210702	50	HPTC.GM. ADCE.2	3	5	07g10 - 11g30	B1-804	07/01/25 - 11/03/25	Nhóm GM
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	13/02/25	
Tư duy thiết kế trong kinh doanh	EN	3	25D1MAN50210402	50	HPTC.GM. ADCE.2	3	5	07g10 - 11g30	B1-804	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm GM

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chất lượng dịch vụ	EN	3	25D1MAN50211001	50	HPTC.PS.A DCE.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-701	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm PS
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	EN	3	25D1BUS50321701	50	HPTC.PS.A DCE.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-701	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm PS Hủy
Quản trị chất lượng dịch vụ	EN	3	25D1MAN50211002	50	HPTC.PS.A DCE.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm PS Hủy
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	EN	3	25D1BUS50321702	50	HPTC.PS.A DCE.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm PS Hủy

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201305	50	ADC03	2	5	12g45 - 17g05	B1-802	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502458	50	ADC03	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201605	50	ADC03	2	5	12g45 - 17g05	B1-802	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	25/04/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201306	50	ADC04	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-508	11/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502459	50	ADC04	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201606	50	ADC04	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201307	50	ADC05	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	17/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502460	50	ADC05	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201607	50	ADC05	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	14/04/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201308	50	ADC06	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	18/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502461	50	ADC06	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201608	50	ADC06	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201309	50	ADC07	7	5	12g45 - 17g05	B1-803	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502462	50	ADC07	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Triển khai chiến lược		3	25D1MAN50201609	50	ADC07	7	5	12g45 - 17g05	B1-803	22/03/25 - 17/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 trong 2 nhóm: 1/ Nhóm Quản trị gia; 2/ Nhóm Quản trị điều hành SX/DV; mỗi nhóm chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211403	50	HPTC.QTG .ADC.5	6	5	12g45 - 17g05	B1-804	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm Quản trị gia
Văn hóa tổ chức		3	25D1MAN50212603	50	HPTC.QTG .ADC.5	6	5	07g10 - 11g30	B1-803	03/01/25 - 14/03/25	Nhóm Quản trị gia
Đạo đức kinh doanh		3	25D1MAN50202103	50	HPTC.QTG .ADC.5	6	5	12g45 - 17g05	B1-804	21/03/25 - 16/05/25	Nhóm Quản trị gia
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211404	50	HPTC.QTG .ADC.6	7	5	12g45 - 17g05	B1-802	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm Quản trị gia
Văn hóa tổ chức		3	25D1MAN50212604	50	HPTC.QTG .ADC.6	7	5	07g10 - 11g30	B1-803	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm Quản trị gia
Đạo đức kinh doanh		3	25D1MAN50202104	50	HPTC.QTG .ADC.6	7	5	12g45 - 17g05	B1-802	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm Quản trị gia
Tư duy thiết kế trong kinh doanh		3	25D1MAN50211405	50	HPTC.QTG .ADC.7bs	3	5	12g45 - 17g05	B1-803	07/01/25 - 11/03/25	Nhóm Quản trị gia
						5	5	07g10 - 11g30	B1-806	13/02/25	
Văn hóa tổ chức		3	25D1MAN50212605	50	HPTC.QTG .ADC.7bs	3	5	07g10 - 11g30	B1-803	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm Quản trị gia
Đạo đức kinh doanh		3	25D1MAN50202105	50	HPTC.QTG .ADC.7bs	3	5	12g45 - 17g05	B1-803	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm Quản trị gia

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chất lượng dịch vụ		3	25D1MAN50202503	50	HPTC.SX. ADC.3	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	19/03/25 - 14/05/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV - Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	02/05/25	
Quản trị điều hành 2		3	25D1MAN50212703	50	HPTC.SX. ADC.3	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	08/01/25 - 12/03/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV – Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	17/01/25	
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212803	50	HPTC.SX. ADC.3	4	5	07g10 - 11g30	B1-801	19/03/25 - 14/05/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	09/05/25	
Quản trị chất lượng dịch vụ		3	25D1MAN50202504	50	HPTC.SX. ADC.4	5	5	12g45 - 17g05	B1-804	13/03/25 - 15/05/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
Quản trị điều hành 2		3	25D1MAN50212704	50	HPTC.SX. ADC.4	5	5	12g45 - 17g05	B1-804	02/01/25 - 06/03/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
						7	5	07g10 - 11g30	B1-508	18/01/25	
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212804	50	HPTC.SX. ADC.4	5	5	07g10 - 11g30	B1-803	02/01/25 - 06/03/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
						7	5	07g10 - 11g30	B1-508	08/02/25	
Quản trị chất lượng dịch vụ		3	25D1MAN50202505	50	HPTC.SX. ADC.7	3	5	12g45 - 17g05	B1-804	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
Quản trị điều hành 2		3	25D1MAN50212705	50	HPTC.SX. ADC.7	3	5	12g45 - 17g05	B1-804	07/01/25 - 11/03/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV
						5	5	07g10 - 11g30	B1-806	06/02/25	
Thiết lập và mô hình hóa quy trình trong doanh nghiệp		3	25D1MAN50212805	50	HPTC.SX. ADC.7	3	5	07g10 - 11g30	B1-802	18/03/25 - 13/05/25	Nhóm QTG điều hành SX/DV Hủy

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	EN	3	25D1FIN50505201	40	FNC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-707	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	18/04/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao	EN	3	25D1FIN50510801	40	FNC01	2	5	12g45 - 17g05	B1-707	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	10/01/25	
Quản trị rủi ro tài chính	EN	3	25D1FIN50505001	40	FNC01	6	5	12g45 - 17g05	B1-806	03/01/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-707	06/01/25 - 10/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502413	40	FNC01	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	Đổi tg.học
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	EN	3	25D1FIN50505202	40	FNC02	3	5	07g10 - 11g30	B1-707	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao	EN	3	25D1FIN50510802	40	FNC02	3	5	12g45 - 17g05	B1-707	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	11/01/25	
Quản trị rủi ro tài chính	EN	3	25D1FIN50505002	40	FNC02	7	5	12g45 - 17g05	B1-806	04/01/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-707	07/01/25 - 11/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502414	40	FNC02	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	EN	3	25D1FIN50505203	40	FNC03	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	21/04/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao	EN	3	25D1FIN50510803	40	FNC03	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	17/02/25	
Quản trị rủi ro tài chính	EN	3	25D1FIN50505003	40	FNC03	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	10/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502415	40	FNC03	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tài Chính khởi nghiệp	EN	3	25D1FIN50511201	40	HPTC.I.FN CE.1	4	5	12g45 - 17g05	B1-707	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	09/05/25	
Tài chính hành vi	EN	3	25D1FIN50505601	40	HPTC.I.FN CE.1	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	02/05/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm	EN	3	25D1FIN50511001	40	HPTC.I.FN CE.1	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	17/01/25	
Đầu tư bất động sản	EN	3	25D1FIN50511101	40	HPTC.I.FN CE.1	4	5	12g45 - 17g05	B1-707	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	07/02/25	
Định giá doanh nghiệp	EN	3	25D1FIN50505301	40	HPTC.I.FN CE.1	6	5	07g10 - 11g30	B1-505	21/03/25 - 16/05/25	Đổi tg.học
Tài Chính khởi nghiệp	EN	3	25D1FIN50511202	40	HPTC.I.FN CE.2	5	5	12g45 - 17g05	B1-707	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Tài chính hành vi	EN	3	25D1FIN50505602	40	HPTC.I.FN CE.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	13/03/25 - 15/05/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm	EN	3	25D1FIN50511002	40	HPTC.I.FN CE.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	08/02/25	
Đầu tư bất động sản	EN	3	25D1FIN50511102	40	HPTC.I.FN CE.2	5	5	12g45 - 17g05	B1-707	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	18/01/25	
Định giá doanh nghiệp	EN	3	25D1FIN50505302	40	HPTC.I.FN CE.2	3	5	12g45 - 17g05	B1-708	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Công nghệ tài chính	EN	3	25D1FIN50511301	40	HPTC.I.FN CE.3	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	21/03/25 - 16/05/25	
Tài chính hành vi	EN	3	25D1FIN50505603	40	HPTC.I.FN CE.3	6	5	07g10 - 11g30	B1-706	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Thực hành quản trị rủi ro công ty	EN	3	25D1FIN50511401	40	HPTC.I.FN CE.3	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	03/01/25 - 14/03/25	Hủy
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm	EN	3	25D1FIN50511003	40	HPTC.I.FN CE.3	6	5	07g10 - 11g30	B1-706	03/01/25 - 14/03/25	
Định giá doanh nghiệp	EN	3	25D1FIN50505303	40	HPTC.I.FN CE.3	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	14/04/25	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500803	43	FNC04	4	5	07g10 - 11g30	B1-808	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	28/04/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501003	43	FNC04	4	5	12g45 - 17g05	B1-808	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	13/01/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501603	43	FNC04	4	5	07g10 - 11g30	B1-808	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	20/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502403	43	FNC04	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503803	43	FNC04	7	5	12g45 - 17g05	B2-101	04/01/25 - 15/03/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500804	43	FNC05	5	5	07g10 - 11g30	B1-808	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501004	43	FNC05	5	5	12g45 - 17g05	B1-808	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	07/01/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501604	43	FNC05	5	5	07g10 - 11g30	B1-808	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502404	43	FNC05	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503804	43	FNC05	2	5	07g10 - 11g30	B2-101	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-103	14/01/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500805	43	FNC06	6	5	07g10 - 11g30	B1-807	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501005	43	FNC06	6	5	12g45 - 17g05	B1-807	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501605	43	FNC06	6	5	07g10 - 11g30	B1-807	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502405	43	FNC06	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503805	43	FNC06	3	5	07g10 - 11g30	B2-101	07/01/25 - 11/03/25	Đôi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	B2-102	05/03/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500806	43	FNC07	7	5	07g10 - 11g30	B1-807	22/03/25 - 17/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501006	43	FNC07	7	5	12g45 - 17g05	B1-807	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501606	43	FNC07	7	5	07g10 - 11g30	B1-807	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502406	43	FNC07	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503806	43	FNC07	4	5	07g10 - 11g30	B2-101	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-507	09/01/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500807	43	FNC08	2	5	12g45 - 17g05	B1-807	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	25/04/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501007	43	FNC08	6	5	07g10 - 11g30	B1-806	03/01/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-807	06/01/25 - 10/03/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501607	43	FNC08	2	5	12g45 - 17g05	B1-807	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502407	43	FNC08	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503807	43	FNC08	5	5	07g10 - 11g30	B2-101	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	14/02/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500808	43	FNC09	3	5	12g45 - 17g05	B1-807	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501008	43	FNC09	3	5	07g10 - 11g30	B1-807	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501608	43	FNC09	7	5	07g10 - 11g30	B1-806	04/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-807	07/01/25 - 11/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502408	43	FNC09	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503808	43	FNC09	6	5	12g45 - 17g05	B2-101	21/03/25 - 16/05/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500809	43	FNC10	4	5	12g45 - 17g05	B1-708	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	05/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501009	43	FNC10	4	5	07g10 - 11g30	B1-708	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	28/04/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501609	43	FNC10	2	5	07g10 - 11g30	B1-806	06/01/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-708	08/01/25 - 12/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502409	43	FNC10	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503809	43	FNC10	7	5	07g10 - 11g30	B2-101	22/03/25 - 17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500810	43	FNC11	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501010	43	FNC11	5	5	07g10 - 11g30	B1-708	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501610	43	FNC11	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	07/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502410	43	FNC11	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503810	43	FNC11	2	5	12g45 - 17g05	B2-101	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	B2-510	06/05/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500811	43	FNC12	6	5	12g45 - 17g05	B1-707	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501011	43	FNC12	6	5	07g10 - 11g30	B1-707	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501611	43	FNC12	6	5	12g45 - 17g05	B1-707	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502411	43	FNC12	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503811	43	FNC12	3	5	12g45 - 17g05	B2-101	18/03/25 - 13/05/25	
Hoạch định ngân sách vốn đầu tư		3	25D1FIN50500812	43	FNC13	7	5	12g45 - 17g05	B1-707	22/03/25 - 17/05/25	
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25D1FIN50501012	43	FNC13	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501612	43	FNC13	7	5	12g45 - 17g05	B1-707	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502412	43	FNC13	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tài chính định lượng		3	25D1FIN50503812	43	FNC13	4	5	12g45 - 17g05	B2-101	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-510	08/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508909	43	HPTC.I.FN C.10	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	03/01/25 - 14/03/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500709	43	HPTC.I.FN C.10	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1FIN50510202	43	HPTC.I.FN C.10	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509202	43	HPTC.I.FN C.10	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	03/01/25 - 14/03/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500609	43	HPTC.I.FN C.10	4	5	07g10 - 11g30	B1-708	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	13/01/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508910	43	HPTC.I.FN C.11	7	5	12g45 - 17g05	B1-708	04/01/25 - 15/03/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500710	43	HPTC.I.FN C.11	7	5	12g45 - 17g05	B1-708	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1FIN50510203	43	HPTC.I.FN C.11	7	5	07g10 - 11g30	B1-708	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509203	43	HPTC.I.FN C.11	7	5	07g10 - 11g30	B1-708	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500610	43	HPTC.I.FN C.11	5	5	07g10 - 11g30	B1-708	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	14/01/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508911	43	HPTC.I.FN C.12	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	06/01/25 - 10/03/25	Đổi ph.học
						4	5	07g10 - 11g30	B1-702	08/01/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500711	43	HPTC.I.FN C.12	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B1-806	07/05/25	
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1FIN50510204	43	HPTC.I.FN C.12	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B1-806	23/04/25	
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509204	43	HPTC.I.FN C.12	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	06/01/25 - 10/03/25	Đổi ph.học Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B1-702	15/01/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500611	43	HPTC.I.FN C.12	5	5	12g45 - 17g05	B1-508	02/01/25 - 06/03/25	Đổi tg.học Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B1-508	19/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508912	43	HPTC.I.FN C.13	5	5	07g10 - 11g30	B1-806	02/01/25	Hủy
						3	5	12g45 - 17g05	B1-708	07/01/25 - 11/03/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500712	43	HPTC.I.FN C.13	3	5	12g45 - 17g05	B1-708	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1FIN50510205	43	HPTC.I.FN C.13	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509205	43	HPTC.I.FN C.13	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-806	09/01/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500612	43	HPTC.I.FN C.13	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	04/01/25 - 15/03/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508903	43	HPTC.I.FN C.4	6	5	12g45 - 17g05	B1-808	21/03/25 - 16/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500703	43	HPTC.I.FN C.4	6	5	07g10 - 11g30	B1-808	21/03/25 - 16/05/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508802	43	HPTC.I.FN C.4	6	5	12g45 - 17g05	B1-808	03/01/25 - 14/03/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502003	43	HPTC.I.FN C.4	5	5	07g10 - 11g30	B1-701	13/03/25 - 15/05/25	Đổi tg.học
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500603	43	HPTC.I.FN C.4	4	5	12g45 - 17g05	B1-808	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	05/05/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508904	43	HPTC.I.FN C.5	7	5	12g45 - 17g05	B1-808	22/03/25 - 17/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500704	43	HPTC.I.FN C.5	7	5	07g10 - 11g30	B1-808	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508803	43	HPTC.I.FN C.5	7	5	12g45 - 17g05	B1-808	04/01/25 - 15/03/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502004	43	HPTC.I.FN C.5	7	5	07g10 - 11g30	B1-808	22/03/25 - 17/05/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500604	43	HPTC.I.FN C.5	5	5	12g45 - 17g05	B1-808	13/03/25 - 15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508905	43	HPTC.I.FN C.6	2	5	12g45 - 17g05	B1-808	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	23/04/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500705	43	HPTC.I.FN C.6	2	5	07g10 - 11g30	B1-808	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	08/01/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508804	43	HPTC.I.FN C.6	2	5	12g45 - 17g05	B1-808	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	22/01/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502005	43	HPTC.I.FN C.6	2	5	07g10 - 11g30	B1-808	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	07/05/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500605	43	HPTC.I.FN C.6	6	5	12g45 - 17g05	B1-807	21/03/25 - 16/05/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508906	43	HPTC.I.FN C.7	3	5	12g45 - 17g05	B1-808	18/03/25 - 13/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500706	43	HPTC.I.FN C.7	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	16/01/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508805	43	HPTC.I.FN C.7	3	5	12g45 - 17g05	B1-808	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	06/02/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502006	43	HPTC.I.FN C.7	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	18/03/25 - 13/05/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500606	43	HPTC.I.FN C.7	7	5	12g45 - 17g05	B1-807	22/03/25 - 17/05/25	
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508907	43	HPTC.I.FN C.8	4	5	12g45 - 17g05	B1-807	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	09/05/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500707	43	HPTC.I.FN C.8	4	5	07g10 - 11g30	B1-807	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	17/01/25	
Vốn cổ phần tư nhân và vốn đầu tư mạo hiểm		3	25D1FIN50508806	43	HPTC.I.FN C.8	4	5	12g45 - 17g05	B1-807	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	07/02/25	
Đầu tư bất động sản		3	25D1FIN50502007	43	HPTC.I.FN C.8	4	5	07g10 - 11g30	B1-807	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	02/05/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500607	43	HPTC.I.FN C.8	2	5	07g10 - 11g30	B1-807	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	18/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ tài chính		3	25D1FIN50508908	43	HPTC.I.FN C.9	5	5	12g45 - 17g05	B1-807	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	11/01/25	
Tài chính hành vi		3	25D1FIN50500708	43	HPTC.I.FN C.9	5	5	12g45 - 17g05	B1-807	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Tài chính khởi nghiệp		3	25D1FIN50510201	43	HPTC.I.FN C.9	5	5	07g10 - 11g30	B1-807	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Thực hành quản trị rủi ro công ty		3	25D1FIN50509201	43	HPTC.I.FN C.9	5	5	07g10 - 11g30	B1-807	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	18/01/25	
Định giá doanh nghiệp		3	25D1FIN50500608	43	HPTC.I.FN C.9	3	5	07g10 - 11g30	B1-807	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	08/02/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Core Banking		2	25D1BAN50606501	19	CB.NHC.1	3	5	12g45 - 17g05	B2-105	08/04/25 - 13/05/25	
Core Banking		2	25D1BAN50606502	19	CB.NHC.2	6	5	12g45 - 17g05	B2-105	11/04/25 - 16/05/25	
Kế toán ngân hàng		3	25D1BAN50601203	40	NHC01	3	5	07g10 - 11g30	B1-706	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-806	16/01/25	
Kinh doanh ngoại hối		3	25D1BAN50603203	40	NHC01	7	5	12g45 - 17g05	B1-706	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích tín dụng và quản trị cho vay (EN)	EN	3	25D1BAN50602801	40	NHC01	7	5	12g45 - 17g05	B1-706	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị ngân hàng (EN)	EN	3	25D1BAN50603001	40	NHC01	3	5	07g10 - 11g30	B1-706	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502422	40	NHC01	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing ngân hàng		3	25D1BAN50601801	40	HPTC.I.NH C.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-706	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị ngân quỹ		3	25D1BAN50601501	40	HPTC.I.NH C.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-706	04/01/25 - 15/03/25	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế	EN	3	25D1BUS50321301	35	IBC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-706	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	21/02/25	
Mô phỏng kinh doanh	EN	3	25D1BUS50307901	35	IBC01	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	11/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502438	35	IBC01	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế	EN	3	25D1BUS50321302	35	IBC02	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	01/03/25	
Mô phỏng kinh doanh	EN	3	25D1BUS50307902	35	IBC02	5	5	07g10 - 11g30	B1-706	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502439	35	IBC02	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức trong kinh doanh	EN	3	25D1BUS50321401	35	HPTC.I.IB CE.1	2	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	14/02/25	
Quản trị đa văn hóa	EN	3	25D1BUS50309101	35	HPTC.I.IB CE.2	3	5	12g45 - 17g05	B1-706	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	22/02/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nghiên cứu marketing	EN	3	25D1BUS50321501	35	HPTC.II.IB CE.1	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/01/25 - 12/03/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B1-806	28/02/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số	EN	3	25D1BUS50321601	35	HPTC.II.IB CE.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-706	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	15/02/25	

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301305	48	IBC03	5	5	07g10 - 11g30	B1-801	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	11/02/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320101	48	IBC03	7	5	07g10 - 11g30	B1-801	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502434	48	IBC03	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302205	48	IBC03	5	5	07g10 - 11g30	B1-801	13/03/25 - 15/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301306	48	IBC04	6	5	07g10 - 11g30	B1-801	03/01/25 - 14/03/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320102	48	IBC04	2	5	07g10 - 11g30	B1-801	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	15/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502435	48	IBC04	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302206	48	IBC04	6	5	07g10 - 11g30	B1-801	21/03/25 - 16/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301307	48	IBC05	7	5	07g10 - 11g30	B1-802	04/01/25 - 15/03/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320103	48	IBC05	3	5	07g10 - 11g30	B1-801	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	09/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502436	48	IBC05	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302207	48	IBC05	7	5	07g10 - 11g30	B1-802	22/03/25 - 17/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301308	48	IBC06	2	5	12g45 - 17g05	B1-801	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	21/02/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320104	48	IBC06	4	5	12g45 - 17g05	B1-801	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	28/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502437	48	IBC06	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thương mại quốc tế		3	25D1COM50302208	48	IBC06	2	5	12g45 - 17g05	B1-801	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	28/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing quốc tế (EN)	EN	3	25D1MAR50309601	48	HPTC.I.IB C.3	5	5	12g45 - 17g05	B1-801	13/03/25 - 15/05/25	
Marketing quốc tế (EN)	EN	3	25D1MAR50309602	48	HPTC.I.IB C.4	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	21/03/25 - 16/05/25	Hủy
Marketing kỹ thuật số (EN)	EN	3	25D1MAR50310201	48	HPTC.I.IB C.5	7	5	12g45 - 17g05	B1-801	22/03/25 - 17/05/25	
Marketing kỹ thuật số (EN)	EN	3	25D1MAR50310202	48	HPTC.I.IB C.6	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	11/04/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức trong kinh doanh		3	25D1BUS50318403	48	HPTC.II.IB C.3	5	5	12g45 - 17g05	B1-801	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	14/01/25	
Hành vi tổ chức trong kinh doanh		3	25D1BUS50318404	48	HPTC.II.IB C.4	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị đa văn hóa		3	25D1BUS50304503	48	HPTC.II.IB C.5	7	5	12g45 - 17g05	B1-801	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị đa văn hóa		3	25D1BUS50304504	48	HPTC.II.IB C.6	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	14/02/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301703	48	HPTC.III.I BC.3	7	5	07g10 - 11g30	B1-801	22/03/25 - 17/05/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301704	48	HPTC.III.I BC.4	2	5	07g10 - 11g30	B1-801	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	16/04/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25D1BUS50318503	48	HPTC.III.I BC.5	3	5	07g10 - 11g30	B1-801	18/03/25 - 13/05/25	
Thương mại trong kỷ nguyên số		3	25D1BUS50318504	48	HPTC.III.I BC.6	4	5	12g45 - 17g05	B1-801	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-806	04/04/25	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế	EN	3	25D1BUS50321303	30	FTC01	3	5	07g10 - 11g30	B1-805	18/03/25 - 13/05/25	
Mô phỏng kinh doanh	EN	3	25D1BUS50307903	30	FTC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-805	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	08/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502453	30	FTC01	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị dịch vụ	EN	3	25D1COM50315501	30	HPTC.I.FT C.1	3	5	12g45 - 17g05	B1-805	18/03/25 - 13/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Mua hàng và cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50314601	30	HPTC.II.FT C.1	3	5	12g45 - 17g05	B1-805	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-806	15/03/25	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301312	50	KMC01	3	5	12g45 - 17g05	B1-801	18/03/25 - 13/05/25	
ERP (SCM)		2	25D1BUS50313104	48	KMC01	5	5	07g10 - 11g30	B2-101	03/04/25 - 15/05/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320105	50	KMC01	5	5	12g45 - 17g05	B1-802	13/03/25 - 15/05/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312204	50	KMC01	3	5	12g45 - 17g05	B1-801	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	22/02/25	
Quản trị bán lẻ (EN)	EN	3	25D1COM50310601	50	KMC01	3	5	07g10 - 11g30	B1-802	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502443	50	KMC01	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Dự án kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50301313	50	KMC02	4	5	12g45 - 17g05	B1-802	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	21/04/25	
ERP (SCM)		2	25D1BUS50313105	48	KMC02	6	5	07g10 - 11g30	B2-101	11/04/25 - 16/05/25	
Mô phỏng kinh doanh (EN)	EN	3	25D1BUS50320106	50	KMC02	6	5	12g45 - 17g05	B1-802	21/03/25 - 16/05/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312205	50	KMC02	4	5	12g45 - 17g05	B1-802	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	10/02/25	
Quản trị bán lẻ (EN)	EN	3	25D1COM50310602	50	KMC02	4	5	07g10 - 11g30	B1-801	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	20/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502444	50	KMC02	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kỷ nguyên số		3	25D1MAR50319304	50	HPTC.I.K MC.1	5	5	12g45 - 17g05	B1-802	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-806	01/03/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302403	50	HPTC.I.K MC.2	6	5	12g45 - 17g05	B1-802	03/01/25 - 14/03/25	

NGÀNH MARKETING KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing quốc tế (EN)	EN	3	25D1MAR50309603	50	MRC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-802	13/03/25 - 15/05/25	
Marketing trong kỷ nguyên số (EN)	EN	3	25D1MAR50320501	50	MRC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-802	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502449	50	MRC01	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Marketing quốc tế (EN)	EN	3	25D1MAR50309604	50	MRC02	6	5	12g45 - 17g05	B1-803	21/03/25 - 16/05/25	
Marketing trong kỷ nguyên số (EN)	EN	3	25D1MAR50320502	50	MRC02	6	5	12g45 - 17g05	B1-803	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502450	50	MRC02	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ		3	25D1MAR50303102	50	HPTC.I.M RC.1	5	5	12g45 - 17g05	B1-803	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Quảng cáo		3	25D1MAR50303702	50	HPTC.I.M RC.2	6	5	07g10 - 11g30	B1-802	21/03/25 - 16/05/25	
Quan hệ công chúng		3	25D1MAR50303802	50	HPTC.I.M RC.2bs	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	21/03/25 - 16/05/25	Đổi ph.học

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing trong kinh doanh		3	25D1MAR50303002	50	HPTC.II.M RC.1	5	5	12g45 - 17g05	B1-803	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	11/02/25	
Marketing xã hội		3	25D1MAR50320402	50	HPTC.II.M RC.2	6	5	07g10 - 11g30	B1-802	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị và phát triển sản phẩm mới		3	25D1MAR50303502	50	HPTC.II.M RC.2bs	6	5	07g10 - 11g30	B1-805	03/01/25 - 14/03/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48 CLC (TA)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán	EN	3	25D1ACC50716301	25	KNC01	4	5	07g10 - 11g30	B1-805	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	24/02/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	EN	3	25D1ACC50716101	25	KNC01	4	5	07g10 - 11g30	B1-805	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	31/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502484	25	KNC01	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 3 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	EN	3	25D1ACC50716401	25	HPTC.I.KN CE.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-805	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm soát nội bộ	EN	3	25D1ACC50716601	25	HPTC.I.KN CE.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-805	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán	EN	3	25D1ACC50716701	25	HPTC.I.KN CE.1	6	5	07g10 - 11g30	B2-102	21/03/25 - 16/05/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712209	48	KNC02	5	5	07g10 - 11g30	B1-804	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	18/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309501	48	KNC02	5	5	12g45 - 17g05	B1-507	03/04/25 - 15/05/25	Hủy
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704609	48	KNC02	5	5	07g10 - 11g30	B1-804	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502479	48	KNC02	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712210	48	KNC03	6	5	07g10 - 11g30	B1-507	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309502	48	KNC03	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	11/04/25 - 16/05/25	Hủy
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704610	48	KNC03	6	5	07g10 - 11g30	B1-507	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502480	48	KNC03	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712211	48	KNC04	7	5	07g10 - 11g30	B1-507	04/01/25 - 15/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309503	48	KNC04	7	5	12g45 - 17g05	B1-509	12/04/25 - 17/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704611	48	KNC04	7	5	07g10 - 11g30	B1-507	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502481	48	KNC04	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712212	48	KNC05	2	5	12g45 - 17g05	B1-804	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309504	48	KNC05	2	5	07g10 - 11g30	B1-507	31/03/25 - 12/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704612	48	KNC05	2	5	12g45 - 17g05	B1-804	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	28/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502482	48	KNC05	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Kế toán tài chính nâng cao 2		3	25D1ACC50712213	48	KNC06	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-508	15/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309505	48	KNC06	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	08/04/25 - 13/05/25	
Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS		3	25D1ACC50704613	48	KNC06	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502483	48	KNC06	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712409	48	HPTC.I.KN C.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707709	48	HPTC.I.KN C.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712505	48	HPTC.I.KN C.2	7	5	07g10 - 11g30	B1-803	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501616	48	HPTC.I.KN C.2bs	7	5	07g10 - 11g30	B1-805	22/03/25 - 17/05/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712410	48	HPTC.I.KN C.3	2	5	12g45 - 17g05	B1-803	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	02/04/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707710	48	HPTC.I.KN C.3	2	5	12g45 - 17g05	B1-803	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	19/02/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712506	48	HPTC.I.KN C.3	2	5	07g10 - 11g30	B1-706	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	26/03/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25D1FIN50501617	48	HPTC.I.KN C.3bs	2	5	07g10 - 11g30	B1-805	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	12g45 - 17g05	B1-806	19/03/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712411	48	HPTC.I.KN C.4	3	5	12g45 - 17g05	B1-507	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707711	48	HPTC.I.KN C.4	3	5	12g45 - 17g05	B1-507	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	20/02/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712507	48	HPTC.I.KN C.4	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	18/03/25 - 13/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600904	48	HPTC.I.KN C.4bs	3	5	07g10 - 11g30	B1-803	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-806	27/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712412	48	HPTC.I.KN C.5	4	5	07g10 - 11g30	B1-802	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	18/04/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707712	48	HPTC.I.KN C.5	4	5	07g10 - 11g30	B1-802	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	14/02/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712508	48	HPTC.I.KN C.5	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	11/04/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600905	48	HPTC.I.KN C.5bs	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	04/04/25	
Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		3	25D1ACC50712413	48	HPTC.I.KN C.6	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707713	48	HPTC.I.KN C.6	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-508	22/02/25	
Kiểm toán công nghệ thông tin		3	25D1ACC50712509	48	HPTC.I.KN C.6	5	5	12g45 - 17g05	B1-509	13/03/25 - 15/05/25	Hủy
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712613	48	HPTC.I.PT DL.KNC.1	6	5	07g10 - 11g30	B2-103	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712614	48	HPTC.I.PT DL.KNC.2	6	5	12g45 - 17g05	B2-103	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712615	48	HPTC.I.PT DL.KNC.3	7	5	07g10 - 11g30	B2-103	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích dữ liệu trong kế toán		3	25D1ACC50712616	48	HPTC.I.PT DL.KNC.4	7	5	12g45 - 17g05	B2-103	04/01/25 - 15/03/25	

NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401602	40	AUC01	5	5	12g45 - 17g05	B1-407	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quốc tế 2		3	25D1ACC50703102	40	AUC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-509	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	04/03/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25D1ACC50712702	40	AUC01	5	5	12g45 - 17g05	B1-407	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-806	25/02/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702001	40	AUC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-509	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502486	40	AUC01	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401603	40	AUC02	6	5	12g45 - 17g05	B1-509	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán quốc tế 2		3	25D1ACC50703103	40	AUC02	6	5	07g10 - 11g30	B1-509	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25D1ACC50712703	40	AUC02	6	5	12g45 - 17g05	B1-509	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702002	40	AUC02	6	5	07g10 - 11g30	B1-509	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502487	40	AUC02	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401604	40	AUC03	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán quốc tế 2		3	25D1ACC50703104	40	AUC03	7	5	07g10 - 11g30	B1-509	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25D1ACC50712704	40	AUC03	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702003	40	AUC03	7	5	07g10 - 11g30	B1-509	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502488	40	AUC03	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khai phá dữ liệu		3	25D1INF50904302	40	HPTC.I.AU C.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-102	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Phân tích dữ liệu		3	25D1MAT50801002	40	HPTC.I.AU C.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-703	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học Hủy
Phân tích dữ liệu với Python		3	25D1INF50909102	40	HPTC.I.AU C.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-102	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201311	40	HPTC.I.AU C.1	7	5	12g45 - 17g05	B1-805	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Khai phá dữ liệu		3	25D1INF50904303	40	HPTC.I.AU C.2	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	12/02/25	
Phân tích dữ liệu		3	25D1MAT50801003	40	HPTC.I.AU C.2	2	5	12g45 - 17g05	B1-805	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-806	22/01/25	
Phân tích dữ liệu với Python		3	25D1INF50909103	40	HPTC.I.AU C.2	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B2-511	23/04/25	
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201312	40	HPTC.I.AU C.2	2	5	12g45 - 17g05	B1-805	17/03/25 - 12/05/25	Hủy
						4	5	07g10 - 11g30	B1-806	16/04/25	
Khai phá dữ liệu		3	25D1INF50904304	40	HPTC.I.AU C.3	3	5	07g10 - 11g30	B2-102	07/01/25 - 11/03/25	Hủy
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	13/02/25	
Phân tích dữ liệu với Python		3	25D1INF50909104	40	HPTC.I.AU C.3	3	5	07g10 - 11g30	B2-102	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Quản trị rủi ro doanh nghiệp		3	25D1MAN50201313	40	HPTC.I.AU C.3	3	5	12g45 - 17g05	B1-705	18/03/25 - 13/05/25	Hủy
Thuế Quốc tế		3	25D1TAX50402202	40	HPTC.I.AU C.3	3	5	12g45 - 17g05	B1-705	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-806	20/02/25	

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 48 CLC (TV) + CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh (EN)	EN	3	25D1ECO50112701	40	IVC01	2	5	12g45 - 17g05	B1-507	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-508	25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502496	40	IVC01	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110302	40	IVC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-506	17/01/25	
Thực hành thẩm định dự án		3	25D1ECO50101602	40	IVC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-508	02/05/25	
Đánh giá tác động các chương trình và dự án (EN)	EN	3	25D1ECO50119301	40	IVC01	2	5	12g45 - 17g05	B1-507	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-407	10/01/25	
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh (EN)	EN	3	25D1ECO50112702	40	IVC02	3	5	12g45 - 17g05	B1-407	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502497	40	IVC02	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110303	40	IVC02	3	5	07g10 - 11g30	B1-407	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-508	18/01/25	
Thực hành thẩm định dự án		3	25D1ECO50101603	40	IVC02	3	5	07g10 - 11g30	B1-407	18/03/25 - 13/05/25	
Đánh giá tác động các chương trình và dự án (EN)	EN	3	25D1ECO50119302	40	IVC02	3	5	12g45 - 17g05	B1-407	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-508	11/01/25	
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh (EN)	EN	3	25D1ECO50112703	40	IVC03	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	24/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502498	40	IVC03	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110304	40	IVC03	4	5	07g10 - 11g30	B1-509	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	03/03/25	
Thực hành thẩm định dự án		3	25D1ECO50101604	40	IVC03	2	5	12g45 - 17g05	B1-806	17/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-509	19/03/25 - 14/05/25	
Đánh giá tác động các chương trình và dự án (EN)	EN	3	25D1ECO50119303	40	IVC03	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-806	10/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900602	40	HPTC.I.IV C.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-101	19/03/25 - 14/05/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-102	09/05/25	
Thẩm định tín dụng		3	25D1BAN50609701	40	HPTC.I.IV C.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-407	13/03/25 - 15/05/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900603	40	HPTC.I.IV C.2bs	5	5	07g10 - 11g30	B2-102	13/03/25 - 15/05/25	
Kế hoạch và chính sách công		3	25D1ECO50101701	40	HPTC.I.IV C.3	6	5	07g10 - 11g30	B1-407	21/03/25 - 16/05/25	

HP TỰ CHỌN TỰ DO 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích và quản lý đầu tư nâng cao		3	25D1ECO50118302	40	HPTC.TD2. IVC.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-410	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-506	07/02/25	
Phân tích và quản lý đầu tư nâng cao		3	25D1ECO50118303	40	HPTC.TD2. IVC.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-407	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-508	08/02/25	
Phân tích và quản lý đầu tư nâng cao		3	25D1ECO50118304	40	HPTC.TD2. IVC.3	6	5	07g10 - 11g30	B1-407	03/01/25 - 14/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị tài sản trí tuệ		3	25D1ECO50114403	20	VAC01	5	5	12g45 - 17g05	B1-805	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	04/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024105	20	VAC01	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Thẩm định giá máy - thiết bị		3	25D1ECO50104803	20	VAC01	7	5	07g10 - 11g30	B1-705	04/01/25 - 15/03/25	
Thẩm định giá tài sản vô hình		3	25D1ECO50105003	20	VAC01	7	5	07g10 - 11g30	B1-705	22/03/25 - 17/05/25	
Thực hành quản trị dự án		3	25D1ECO50110307	20	VAC01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN Chọn 1 học phần

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bất động sản		3	25D1ECO50105702	20	HPTC.I.VA C.1	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-806	25/02/25	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kiến tập_LA		2	25D1LAW51111104	35	LKC01	Kiến tập theo lịch của Khoa Luật (CELG)					
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101904	35	LKC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-705	06/01/25 - 24/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024121	35	LKC01	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tư pháp quốc tế (EN)	EN	3	25D1LAW51107801	35	LKC01	2	5	07g10 - 11g30	B1-705	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-508	09/05/25	
Kiến tập_LA		2	25D1LAW51111105	35	LKC02	Kiến tập theo lịch của Khoa Luật (CELG)					
Luật tố tụng hình sự		2	25D1LAW51101905	35	LKC02	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	02/01/25 - 13/02/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-407	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024122	35	LKC02	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tư pháp quốc tế (EN)	EN	3	25D1LAW51107802	35	LKC02	5	5	07g10 - 11g30	B1-805	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thương mại quốc tế 2		2	25D1LAW51101202	35	HPTC.I.LK C.1	2	5	12g45 - 17g05	B1-705	31/03/25 - 12/05/25	
Luật trọng tài thương mại		2	25D1LAW51102704	35	HPTC.I.LK C.2	5	5	12g45 - 17g05	B1-705	03/04/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN: [Chọn 1 trong 2 nhóm: 1/ Nhóm Luật kinh tế số; 2/ Nhóm Pháp luật đầu tư kinh doanh; mỗi nhóm chọn 8 TC]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thương mại điện tử		3	25D1LAW51103901	35	HPTC.LKT S.LKC.2	7	5	07g10 - 11g30	B1-506	22/03/25 - 17/05/25	Nhóm Luật kinh tế số
Pháp luật và nền kinh tế số		2	25D1LAW51110701	35	HPTC.LKT S.LKC.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-406	22/03/25 - 26/04/25	Nhóm Luật kinh tế số
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901303	35	HPTC.LKT S.LKC.2	7	5	07g10 - 11g30	B2-511	04/01/25 - 15/03/25	Nhóm Luật kinh tế số

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh bất động sản		2	25D1LAW51103401	35	HPTC.PLD TKD.LKC. 1	4	5	12g45 - 17g05	B1-705	08/01/25 - 26/02/25	Nhóm Pháp luật đầu tư kinh doanh
Luật đầu tư		2	25D1LAW51102804	35	HPTC.PLD TKD.LKC. 1	4	5	07g10 - 11g30	B1-506	02/04/25 - 14/05/25	Nhóm Pháp luật đầu tư kinh doanh
Luật đấu thầu và đấu giá		2	25D1LAW51110902	35	HPTC.PLD TKD.LKC. 1	4	5	12g45 - 17g05	B1-705	02/04/25 - 14/05/25	Nhóm Pháp luật đầu tư kinh doanh
Luật môi trường		2	25D1LAW51103201	35	HPTC.PLD TKD.LKC. 1,PMLL1.K 47,PMLL2. K47	4	5	07g10 - 11g30	B1-506	08/01/25 - 26/02/25	Nhóm Pháp luật đầu tư kinh doanh

NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48 CLC (TV)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử		3	25D1INF50902803	45	EEC01	2	5	12g45 - 17g05	B2-103	06/01/25 - 03/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	19/02/25 - 26/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535024130	45	EEC01	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 4 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi người tiêu dùng		3	25D1MAR50302103	45	HPTC.I.EE C.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-403	21/03/25 - 16/05/25	
Hệ thống thanh toán điện tử		3	25D1INF50903002	45	HPTC.I.EE C.1	7	5	12g45 - 17g05	B1-405	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317603	45	HPTC.I.EE C.1	6	5	07g10 - 11g30	B1-405	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25D1COM50302406	45	HPTC.I.EE C.1	7	5	12g45 - 17g05	B1-405	04/01/25 - 15/03/25	

LỊCH HỌC HP KHỞI NGHIỆP KINH DOANH KHÓA 48_CT CHẤT LƯỢNG CAO

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300201	500	CLC.KNK D.001	2	4	17g45 - 21g10	A116	06/01/25 - 13/01/25	
						4	4	17g45 - 21g10	A116	08/01/25	
						6	4	17g45 - 21g10	A116	10/01/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300202	500	CLC.KNK D.002	3	4	17g45 - 21g10	A116	07/01/25 - 14/01/25	
						5	4	17g45 - 21g10	A116	09/01/25	
						7	4	17g45 - 21g10	A116	11/01/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300203	500	CLC.KNK D.003	2	4	17g45 - 21g10	A116	17/02/25 - 24/02/25	
						4	4	17g45 - 21g10	A116	19/02/25	
						6	4	17g45 - 21g10	A116	21/02/25	
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300204	500	CLC.KNK D.004	3	4	17g45 - 21g10	A116	18/02/25 - 25/02/25	
						5	4	17g45 - 21g10	A116	20/02/25	
						7	4	17g45 - 21g10	A116	22/02/25	

DANH SÁCH PHÂN BỐ LỚP SV VÀO CÁC LỚP HP KHỞI NGHIỆP KINH DOANH KHÓA 48_CT CHẤT LƯỢNG CAO

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP	LỚP SV
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300201	500	CLC.KNK D.001	ADC01, ADC02, ADC03, ADC04, ADC05, ADC06, ADC07, AUC01, AUC02, AUC03, EEC01
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300202	500	CLC.KNK D.002	FNC01, FNC02, FNC03, FNC04, FNC05, FNC06, FNC07, FNC08, FNC09, FNC10, FNC11, FNC12, FNC13
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300203	500	CLC.KNK D.003	FTC01, IBC01, IBC02, IBC03, IBC04, IBC05, IBC06, KMC01, KMC02, MRC01, MRC02, NHC01, VAC01
Khởi nghiệp kinh doanh		1	25D1BUS53300204	500	CLC.KNK D.004	IVC01, IVC02, IVC03, KNC01, KNC02, KNC03, KNC04, KNC05, KNC06, LKC01, LKC02

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 49 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 4) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 18/05/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025_Điều chỉnh; bổ sung (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 12/02/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 49 ĐHCQ**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
1	AN TOÀN THÔNG TIN	CY0001		
2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	IT0001		
3	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER0001		
4	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI0001		
5	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE0001		
6	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS0001		
7	KHOA HỌC MÁY TÍNH	CS0001		
8	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001, EE0002	EEP001, EEP002	
9	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS0001	ASP001	
10	TOÁN TÀI CHÍNH	FM0001		
11	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK0001		
12	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD0001	DDP001	DDF001
13	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC0001, SC0002	SCP001	
14	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	FE0001	FEP001	
15	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	TIP001	
16	CÔNG NGHỆ LOGISTICS	LT0001	LTP001	
17	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	RAP001	

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
18	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ		ACCP01, ICAP01	
19	KẾ TOÁN CÔNG	KO0001		
20	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008, KN009	KNP001, KNP002, KNP003	KNF001
	SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ	KN0001		
21	KIỂM TOÁN	AU0001, AU0002	AUP001, AUP002	AUF001
22	CÔNG NGHỆ MARKETING		MTP001	
23	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005, IB0006	IBP001, IBP002, IBP003, IBP004	IBF001, IBF002, IBF003, IBF004
24	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM0001, KM0002	KMP001, KMP002	KMF001
25	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001	LMP001	LMF001
26	MARKETING	MR0001, MR0002	MRP001	MRF001
27	KINH DOANH SỐ	DB0001	DBP001	
28	QUẢN TRỊ	AD0001, AD0002, AD0003, AD0004, AD0005, AD0006, AD0007, AD0008	ADP001, ADP002, ADP003, ADP004, ADP005	ADF001, ADF002
29	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	BV0001	BVP001	
30	QUẢN TRỊ KHỎI NGHIỆP	EM0001	EMP001	
31	BẢO HIỂM	IN0001		
	SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH	INFN01		
32	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI0001		
33	TÀI CHÍNH	FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005	FNP001, FNP002, FNP003, FNP004	FNF001, FNF002
34	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF0001	IFP001, IFP002	
35	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	TS0001, TS0002	TSP001	
36	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	KSP001	
37	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK0001	SKP001	
38	NGÂN HÀNG	NH0001, NH0002, NH0003	NHP001, NHP002	NHF001
39	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT0001	TTP001	

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_CHUẨN	CT_TA BP	CT_TA TP
40	BẤT ĐỘNG SẢN	RE0001, RE0002		
41	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001		
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB01		
	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM1		
42	KINH TẾ	ECO001	ECOP01	
43	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV0001, IV0002	IVP001, IVP002	
44	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR0001, HR0002, HR0003		
45	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA0001	VAP001	
46	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ0001	LQP001	
47	LUẬT KINH TẾ	EL0001, EL0002	ELP001, ELP002	
48	QUẢN LÝ CÔNG	PM0001	PMP001	
	SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	PMLL01		
49	TÀI CHÍNH CÔNG	PF0001, PF0002		
50	THUẾ	TA0001, TA0002		
51	KINH TẾ CHÍNH TRỊ	CT0001		
	SONG NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG	CTLL01		
52	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001, AV0002, AV0003		
	SONG NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI VÀ QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH	AVTS01		

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ICAEW_Kế toán tài chính và lập báo cáo 2 (ICAEW ACA-FAR)	EN	3	25D1ACC50723001	15	ICAP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-406	02/01/25 - 06/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-407	13/01/25	
ICAEW_Kế toán tài chính và lập báo cáo 3 (ICAEW ACA-FAR)	EN	3	25D1ACC50723101	15	ICAP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-406	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502267	15	ICAP01	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

ICAP01 K49 học chung HP Phân tích báo cáo tài chính với lớp HP 25D1ACC50702007

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ACCA_Báo cáo tài chính 2 (ACCA-F7)	EN	3	25D1ACC50724101	48	ACCP01	6	5	12g45 - 17g05	B1-502	21/03/25 - 16/05/25	
ACCA_Quản trị tài chính 1 (ACCA-F9)	EN	3	25D1ACC50724001	48	ACCP01	6	5	07g10 - 11g30	B1-703	03/01/25 - 14/03/25	
ACCA_Quản trị tài chính 2 (ACCA - F9)	EN	3	25D1ACC50724301	48	ACCP01	6	5	07g10 - 11g30	B1-703	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán công		3	25D1ACC50706501	60	ACCP01,IC AP01	4	5	07g10 - 11g30	B1-403	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-108	21/04/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905909	60	ACCP01,IC AP01	7	5	07g10 - 11g30	B2-507	04/01/25 - 22/02/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25D1ACC50719701	60	ACCP01,IC AP01	6	5	12g45 - 17g05	B1-502	03/01/25 - 14/03/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122029	60	ACCP01,IC AP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-402	12/04/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502266	48	ACCP01	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600909	60	HPTC.I.CC A.ICA.1	4	5	07g10 - 11g30	B1-403	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	13/01/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600913	60	HPTC.I.CC A.ICA.1bs	4	5	07g10 - 11g30	B1-708	08/01/25 - 12/03/25	Bổ sung
						2	5	12g45 - 17g05	B2-402	13/01/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ chế tài chính kế toán công		3	25D1ACC50711501	50	KO0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	19/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học
						5	5	07g45 - 12g05	N2-304	08/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701410	50	KO0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-309	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán công 2		3	25D1ACC50711601	50	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-311	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702510	50	KO0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-307	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-511	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502260	50	KO0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25D1ACC50719801	50	KO0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-307	18/03/25 - 13/05/25	

[CT SN TH] SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP – THUẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002502	60	KN0001	5	5	12g45 - 17g05	B1-503	02/01/25 - 13/02/25	Đôi ph.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	18/01/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701409	60	KN0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-403	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719909	60	KN0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-403	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-407	15/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720009	60	KN0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-403	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719609	60	KN0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-403	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-407	08/03/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905908	60	KN0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-507	10/04/25 - 15/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-508	10/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905951	60	KN0001bs	5	5	12g45 - 17g05	B2-103	10/04/25 - 15/05/25	Bổ sung
						7	5	12g45 - 17g05	B2-104	10/05/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702509	60	KN0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-403	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-407	01/03/25	
Luật doanh nghiệp		3	25D1LAW51103701	60	KN0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-403	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502259	60	KN0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701401	55	KN0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-105	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	09/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719901	55	KN0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-105	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	17/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720001	55	KN0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-105	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	25/04/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719601	55	KN0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-105	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	10/01/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702501	55	KN0002	4	5	07g45 - 12g05	N2-104	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	02/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502247	55	KN0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701402	55	KN0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-105	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719902	55	KN0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-105	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	22/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720002	55	KN0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-105	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719602	55	KN0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-105	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	15/02/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702502	55	KN0003	5	5	07g45 - 12g05	N2-104	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502248	55	KN0003	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701403	55	KN0004	4	5	12g45 - 17g05	N2-104	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	05/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719903	55	KN0004	4	5	12g45 - 17g05	N2-104	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	20/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720003	55	KN0004	4	5	07g45 - 12g05	N2-105	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	28/04/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719603	55	KN0004	4	5	07g45 - 12g05	N2-105	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	13/01/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702503	55	KN0004	6	5	07g45 - 12g05	N2-104	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502249	55	KN0004	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701404	55	KN0005	5	5	12g45 - 17g05	N2-104	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719904	55	KN0005	5	5	12g45 - 17g05	N2-104	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	07/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720004	55	KN0005	5	5	07g45 - 12g05	N2-105	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719604	55	KN0005	5	5	07g45 - 12g05	N2-105	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	14/01/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702504	55	KN0005	7	5	07g45 - 12g05	N2-104	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502250	55	KN0005	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701405	55	KN0006	6	5	12g45 - 17g05	N2-104	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719905	55	KN0006	6	5	12g45 - 17g05	N2-104	03/01/25 - 14/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720005	55	KN0006	6	5	07g45 - 12g05	N2-105	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719605	55	KN0006	6	5	07g45 - 12g05	N2-105	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702505	55	KN0006	2	5	07g45 - 12g05	N2-106	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-107	07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502251	55	KN0006	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701406	55	KN0007	7	5	12g45 - 17g05	N2-104	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719906	55	KN0007	7	5	12g45 - 17g05	N2-104	04/01/25 - 15/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720006	55	KN0007	7	5	07g45 - 12g05	N2-105	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719606	55	KN0007	7	5	07g45 - 12g05	N2-105	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702506	55	KN0007	3	5	07g45 - 12g05	N2-106	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502252	55	KN0007	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701407	55	KN0008	2	5	07g45 - 12g05	N2-207	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	02/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719907	55	KN0008	2	5	07g45 - 12g05	N2-207	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	14/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720007	55	KN0008	2	5	12g45 - 17g05	N2-106	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	18/04/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719607	55	KN0008	2	5	12g45 - 17g05	N2-106	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	07/02/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702507	55	KN0008	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502253	55	KN0008	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán		3	25D1ACC50701408	55	KN0009	3	5	07g45 - 12g05	N2-207	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50719908	55	KN0009	3	5	07g45 - 12g05	N2-207	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-107	18/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS		3	25D1ACC50720008	55	KN0009	3	5	12g45 - 17g05	N2-106	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719608	55	KN0009	3	5	12g45 - 17g05	N2-106	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-107	11/01/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50702508	55	KN0009	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502254	55	KN0009	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25D1ACC50715501	50	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-303	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						2	5	07g10 - 11g30	B2-207	05/05/25	
Kế toán quản trị	EN	3	25D1ACC50720801	50	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-303	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-206	20/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720901	50	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-301	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						2	5	07g10 - 11g30	B2-207	28/04/25	
Kế toán tài chính theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720701	50	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-301	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-206	13/01/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25D1ACC50715701	50	KNP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-208	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502255	50	KNP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25D1ACC50715502	50	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-303	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quản trị	EN	3	25D1ACC50720802	50	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-303	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-108	14/01/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720902	50	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720702	50	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-108	21/01/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25D1ACC50715702	50	KNP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-311	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502256	50	KNP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25D1ACC50715503	50	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	B2-304	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán quản trị	EN	3	25D1ACC50720803	50	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	B2-304	03/01/25 - 14/03/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720903	50	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	B2-303	21/03/25 - 16/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-303	03/01/25 - 14/03/25	
Kế toán tài chính theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720703	50	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	B2-303	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25D1ACC50715703	50	KNP003	2	5	12g45 - 17g05	B1-402	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	02/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502257	50	KNP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002501	30	KNF001	5	5	12g45 - 17g05	B2-501	02/01/25 - 13/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	17/01/25	
Hệ thống thông tin kế toán	EN	3	25D1ACC50715504	30	KNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	28/03/25	
Kế toán quản trị	EN	3	25D1ACC50720804	30	KNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	21/02/25	
Kế toán tài chính nâng cao theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720904	30	KNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-406	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	21/03/25	
Kế toán tài chính theo IFRS	EN	3	25D1ACC50720704	30	KNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-406	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	07/02/25	
Kiểm toán căn bản	EN	3	25D1ACC50715704	30	KNF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-405	13/03/25 - 15/05/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307312	30	KNF001	4	5	12g45 - 17g05	B2-502	02/04/25 - 14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502258	30	KNF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25D1ACC50720501	30	KNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-407	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	04/04/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901701	50	AU0001	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	19/03/25 - 14/05/25	Đôi ph.học
						2	5	07g10 - 11g30	N1-301	05/05/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25D1ACC50719501	50	AU0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-311	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707714	50	AU0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702004	50	AU0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-311	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502261	50	AU0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25D1ACC50719802	50	AU0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	21/03/25 - 16/05/25	
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901702	50	AU0002	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	13/03/25 - 15/05/25	Đôi ph.học
Kế toán tài chính căn bản		3	25D1ACC50719502	50	AU0002	7	5	07g45 - 12g05	N2-310	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm soát nội bộ		3	25D1ACC50707715	50	AU0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702005	50	AU0002	7	5	07g45 - 12g05	N2-310	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502262	50	AU0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25D1ACC50719803	50	AU0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	22/03/25 - 17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901703	45	AUP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-511	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25D1ACC50720401	45	AUP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-303	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-308	12/03/25	
Kiểm soát nội bộ	EN	3	25D1ACC50716602	45	AUP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-308	05/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702006	45	AUP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-303	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-307	07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502263	45	AUP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25D1ACC50720502	45	AUP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-307	23/04/25	
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901704	45	AUP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-512	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25D1ACC50720402	45	AUP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-205	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	27/02/25	
Kiểm soát nội bộ	EN	3	25D1ACC50716603	45	AUP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-303	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	20/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502264	45	AUP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25D1ACC50720503	45	AUP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-303	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích báo cáo tài chính		3	25D1ACC50702007	56	AUP002,IC AP01	3	5	07g10 - 11g30	B1-802	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học

[CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002503	45	AUF001	5	5	07g10 - 11g30	B2-311	27/02/25 - 03/04/25	
Giới thiệu Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	EN	3	25D1INF50917401	45	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-512	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-507	05/05/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25D1ACC50720403	45	AUF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-505	03/01/25 - 14/03/25	
Kiểm soát nội bộ	EN	3	25D1ACC50716604	45	AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-702	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích báo cáo tài chính	EN	3	25D1ACC50715601	45	AUF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-505	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502265	45	AUF001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25D1ACC50720504	45	AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-702	21/03/25 - 16/05/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biểu diễn trực quan dữ liệu	EN	3	25D1INF50917101	45	MTP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-408	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-207	16/04/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900814	45	MTP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	03/01/25 - 14/03/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25D1BUS50313012	45	MTP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	21/03/25 - 16/05/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25D1BUS50321503	45	MTP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-302	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-207	15/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502246	45	MTP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng vào marketing	EN	3	25D1BUS50326901	45	MTP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-302	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-207	23/04/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900801	50	IB0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-502	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	01/03/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318101	50	IB0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-403	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317901	50	IB0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	22/02/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503901	50	IB0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-502	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502220	50	IB0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318301	50	IB0001,AR IB1.K48	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318102	50	IB0002	6	5	12g45 - 17g05	N1-403	21/03/25 - 16/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318302	50	IB0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-403	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317902	50	IB0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-403	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503902	50	IB0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-502	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	28/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502221	50	IB0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900802	50	IB0002,AR LM01.K49	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	08/01/25 - 12/03/25	Đôi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	10/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900803	50	IB0003	5	5	07g10 - 11g30	N1-501	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	21/01/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318103	50	IB0003	7	5	12g45 - 17g05	N1-403	22/03/25 - 17/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318303	50	IB0003	7	5	07g10 - 11g30	N1-403	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317903	50	IB0003	7	5	07g10 - 11g30	N1-403	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503903	50	IB0003	5	5	07g10 - 11g30	N1-501	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502222	50	IB0003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900804	50	IB0004	6	5	07g10 - 11g30	N1-406	03/01/25 - 14/03/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318104	50	IB0004	2	5	12g45 - 17g05	N1-502	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318304	50	IB0004	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-707	23/04/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317904	50	IB0004	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-707	15/01/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503904	50	IB0004	6	5	07g10 - 11g30	N1-406	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502223	50	IB0004	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900805	50	IB0005	7	5	07g10 - 11g30	N1-406	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318105	50	IB0005	3	5	12g45 - 17g05	N1-502	18/03/25 - 13/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318305	50	IB0005	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317905	50	IB0005	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N1-707	09/01/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503905	50	IB0005	7	5	07g10 - 11g30	N1-406	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502224	50	IB0005	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900806	50	IB0006	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	14/02/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á		3	25D1BUS50318106	50	IB0006	4	5	07g10 - 11g30	N1-406	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	25/04/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng		3	25D1BUS50318306	50	IB0006	4	5	12g45 - 17g05	N1-406	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	18/04/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317906	50	IB0006	4	5	12g45 - 17g05	N1-406	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	07/02/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503906	50	IB0006	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	11/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502225	50	IB0006	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900807	45	IBP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-402	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321101	45	IBP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-203	13/03/25 - 15/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321201	45	IBP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-302	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-412	04/01/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320801	45	IBP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-302	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503907	45	IBP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-402	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	08/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502226	45	IBP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900808	45	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-402	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	21/04/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321102	45	IBP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-311	21/03/25 - 16/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321202	45	IBP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-302	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320802	45	IBP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-302	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503908	45	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	N1-402	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	10/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502227	45	IBP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900809	45	IBP003	5	5	12g45 - 17g05	N1-402	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321103	45	IBP003	7	5	07g10 - 11g30	B2-407	22/03/25 - 17/05/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321203	45	IBP003	7	5	12g45 - 17g05	B2-304	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320803	45	IBP003	7	5	12g45 - 17g05	B2-304	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503909	45	IBP003	5	5	12g45 - 17g05	N1-402	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502228	45	IBP003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900810	45	IBP004	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321104	45	IBP004	2	5	07g10 - 11g30	B2-310	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	23/04/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321204	45	IBP004	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-208	22/01/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320804	45	IBP004	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	16/04/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503910	45	IBP004	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502229	45	IBP004	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25D1INF50905501	45	IBF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-501	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	25/04/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321105	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-409	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-501	14/02/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307306	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-202	02/04/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002601	45	IBF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-311	06/01/25 - 10/02/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-501	10/01/25 - 17/01/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321205	45	IBF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-702	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	02/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122207	45	IBF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-406	31/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320805	45	IBF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-702	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-501	07/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502230	45	IBF001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25D1INF50905502	45	IBF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-706	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321106	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-702	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/02/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307307	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	03/04/25 - 15/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002602	45	IBF002	3	5	07g10 - 11g30	B2-408	07/01/25 - 18/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	18/01/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321206	45	IBF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-702	13/03/25 - 15/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122208	45	IBF002	3	5	07g10 - 11g30	B2-212	15/04/25 - 13/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	10/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320806	45	IBF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-702	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	11/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502231	45	IBF002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25D1INF50905503	45	IBF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-407	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-204	21/04/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321107	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B2-302	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307308	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B2-308	11/04/25 - 16/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002603	45	IBF003	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	08/01/25 - 12/02/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-408	13/01/25 - 20/01/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321207	45	IBF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-702	21/03/25 - 16/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122209	45	IBF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-701	16/04/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-204	28/04/25 - 05/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320807	45	IBF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-702	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502232	45	IBF003	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25D1INF50905504	45	IBF004	5	5	12g45 - 17g05	B1-409	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á	EN	3	25D1BUS50321108	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B1-701	04/01/25 - 15/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307309	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B2-302	12/04/25 - 17/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002604	45	IBF004	5	5	07g10 - 11g30	B2-405	02/01/25 - 13/02/25	Đổi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	B2-108	07/01/25	
Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng	EN	3	25D1BUS50321208	45	IBF004	7	5	12g45 - 17g05	B1-701	22/03/25 - 17/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122210	45	IBF004	5	5	07g10 - 11g30	B2-202	03/04/25 - 15/05/25	Đổi ph.học
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320808	45	IBF004	7	5	12g45 - 17g05	B1-701	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502233	45	IBF004	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301706	55	KM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-406	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25D1BUS50317801	55	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-506	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N1-707	09/01/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317907	55	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-506	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503911	55	KM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-406	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502234	55	KM0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301707	55	KM0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-502	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/03/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25D1BUS50317802	55	KM0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-501	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	28/02/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317908	55	KM0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-501	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	18/04/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503912	55	KM0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-502	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	11/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502235	55	KM0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301708	35	KMP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-402	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	08/03/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25D1BUS50310901	35	KMP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-302	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320809	35	KMP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-302	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	04/01/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503913	35	KMP001	3	5	07g10 - 11g30	N1-402	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502236	35	KMP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Nghiên cứu marketing		3	25D1MAR50301709	35	KMP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-402	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	17/02/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25D1BUS50310902	35	KMP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-303	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320810	35	KMP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-303	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503914	35	KMP002	4	5	07g10 - 11g30	N1-402	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N1-707	21/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502237	35	KMP002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307310	38	KMF001	3	5	12g45 - 17g05	B2-301	07/01/25 - 18/02/25	Đổi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B1-405	13/02/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002605	38	KMF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-205	04/01/25 - 22/02/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25D1BUS50321502	38	KMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-702	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25D1BUS50310903	38	KMF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-408	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50320811	38	KMF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị tài chính	EN	3	25D1FIN50506201	38	KMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-702	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502238	38	KMF001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006202	38	KMF001	3	5	12g45 - 17g05	B2-306	08/04/25 - 13/05/25	Đổi ph.học

[CT chuẩn] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Logistics quốc tế		3	25D1BUS50310702	40	LM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-405	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	18/02/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312207	40	LM0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-402	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-707	11/02/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503915	40	LM0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-402	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị tồn kho và kho vận		3	25D1BUS50318901	40	LM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-405	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502239	40	LM0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Phân tích kinh doanh		3	25D1BUS50318001	40	LM0001,A RIB1.K48	7	5	07g10 - 11g30	N1-405	04/01/25 - 15/03/25	
Logistics quốc tế		3	25D1BUS50310703	35	LMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-405	03/01/25 - 14/03/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50312208	35	LMP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-402	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503916	35	LMP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-402	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị tồn kho và kho vận		3	25D1BUS50318902	35	LMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-405	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502240	35	LMP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25D1BUS50321001	35	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	17/03/25	Đổi tg.học
						2	5	07g10 - 11g30	B1-407	31/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-509	01/04/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-405	02/04/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-507	03/04/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-706	04/04/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-508	04/04/25	
						2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	05/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	12/05/25	

[CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307311	38	LMF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-706	31/03/25 - 12/05/25	
Logistics quốc tế	EN	3	25D1BUS50308001	38	LMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-703	03/01/25 - 14/03/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002606	38	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	31/03/25 - 12/05/25	
Mua hàng và cung ứng toàn cầu	EN	3	25D1BUS50314602	38	LMF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-506	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25D1BUS50321002	38	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-501	12/02/25	
Quản trị tài chính	EN	3	25D1FIN50506202	38	LMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-407	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị tồn kho và kho vận	EN	3	25D1BUS50328701	38	LMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-703	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502241	38	LMF001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006203	38	LMF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-308	06/01/25 - 10/02/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-501	08/01/25 - 15/01/25	

[CT chuẩn] NGÀNH MARKKETING KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi người tiêu dùng		3	25D1MAR50302104	50	MR0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-502	16/01/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900811	50	MR0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-501	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25D1BUS50317803	50	MR0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503917	50	MR0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-501	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502242	50	MR0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Tư duy sáng tạo trong marketing		3	25D1MAR50319401	50	MR0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-308	22/03/25 - 17/05/25	
Hành vi người tiêu dùng		3	25D1MAR50302105	50	MR0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-501	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	28/02/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900812	50	MR0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-506	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	21/02/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25D1BUS50317804	50	MR0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-501	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	04/04/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503918	50	MR0002	2	5	12g45 - 17g05	N1-506	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	28/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502243	50	MR0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Tư duy sáng tạo trong marketing		3	25D1MAR50319402	50	MR0002	2	5	07g10 - 11g30	N1-406	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	21/03/25	
Hành vi người tiêu dùng	EN	3	25D1BUS50308801	35	MRP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-303	13/03/25 - 15/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900813	35	MRP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25D1BUS50310904	35	MRP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-303	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	04/01/25	
Quản trị tài chính		3	25D1FIN50503919	35	MRP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-501	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502244	35	MRP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tư duy sáng tạo trong marketing		3	25D1MAR50319403	35	MRP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-307	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	08/03/25	

[CT TA TP] NGÀNH MARKETING KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi người tiêu dùng	EN	3	25D1BUS50308802	35	MRF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-704	22/03/25 - 17/05/25	
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25D1INF50905505	35	MRF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-409	18/03/25 - 13/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002607	35	MRF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	03/01/25 - 21/02/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25D1BUS50310905	35	MRF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-806	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị tài chính	EN	3	25D1FIN50506203	35	MRF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-505	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-307	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502245	35	MRF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tư duy sáng tạo trong marketing	EN	3	25D1BUS50327801	35	MRF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-505	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-307	07/01/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006204	35	MRF001	6	5	12g45 - 17g05	B2-502	03/01/25 - 21/02/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị điều hành số trong môi trường số		3	25D1MAN50217701	15	DB0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-405	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502287	15	DB0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Hành vi tổ chức		3	25D1MAN50200601	45	DB0001,D BP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	04/01/25 - 15/03/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701119	45	DB0001,D BP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	22/03/25 - 17/05/25	
Nguyên lý kinh doanh số		3	25D1MAN50218101	45	DB0001,D BP001	3	5	12g45 - 17g05	N1-405	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N1-707	06/02/25	
Quản trị điều hành số trong môi trường số	EN	3	25D1MAN50220301	35	DBP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-409	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502288	35	DBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHỞI NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701117	65	EM0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	21/01/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200709	65	EM0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-106	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200410	65	EM0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-105	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200309	65	EM0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-105	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502285	65	EM0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211309	65	EM0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701118	45	EMP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-402	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200710	45	EMP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-409	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	09/04/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208909	45	EMP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-703	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	22/01/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208808	45	EMP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-703	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	02/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502286	45	EMP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209008	45	EMP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-304	21/03/25 - 16/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701102	60	AD0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-301	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	14/02/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200701	60	AD0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-104	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	N2-207	28/02/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200401	60	AD0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-304	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	25/04/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200301	60	AD0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-304	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	21/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502268	60	AD0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211301	60	AD0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-301	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	18/04/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701103	60	AD0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	15/02/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200702	60	AD0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-104	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	01/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200402	60	AD0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200302	60	AD0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	22/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502269	60	AD0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211302	60	AD0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701104	60	AD0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-307	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	10/02/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200703	60	AD0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-104	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200403	60	AD0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200303	60	AD0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502270	60	AD0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211303	60	AD0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-307	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	05/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701105	60	AD0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	21/01/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200704	60	AD0004	7	5	07g10 - 11g30	N2-104	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200404	60	AD0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-401	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200304	60	AD0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	04/01/25 - 15/03/25	Đôi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502271	60	AD0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211304	60	AD0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701106	60	AD0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200705	60	AD0005	2	5	07g10 - 11g30	N2-106	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	12/02/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200405	60	AD0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-302	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	23/04/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200305	60	AD0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-302	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	22/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502272	60	AD0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211305	60	AD0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	21/03/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701107	60	AD0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200706	60	AD0006	3	5	07g10 - 11g30	N2-106	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	16/01/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200406	60	AD0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-309	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200306	60	AD0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-207	07/01/25 - 11/03/25	Đôi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	N2-208	09/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502273	60	AD0006	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211306	60	AD0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701108	60	AD0007	2	5	07g45 - 12g05	N2-304	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-303	28/02/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200707	60	AD0007	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	08/01/25 - 12/03/25	Đôi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	N2-107	14/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200407	60	AD0007	4	5	07g10 - 11g30	N2-308	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-303	09/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200307	60	AD0007	4	5	07g10 - 11g30	N2-308	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-303	07/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502274	60	AD0007	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211307	60	AD0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-304	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-303	02/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701109	60	AD0008	3	5	07g45 - 12g05	N2-308	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-511	15/03/25	
Quản trị chất lượng		3	25D1MAN50200708	60	AD0008	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	02/01/25 - 06/03/25	Đôi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	N2-207	08/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200408	60	AD0008	5	5	07g10 - 11g30	N2-311	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị điều hành		3	25D1MAN50200308	60	AD0008	5	5	07g10 - 11g30	N2-208	02/01/25 - 06/03/25	Đôi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	N2-511	18/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502275	60	AD0008	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25D1MAN50211308	60	AD0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-308	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701110	50	ADP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-309	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-511	24/02/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209201	50	ADP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-310	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208901	50	ADP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208801	50	ADP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502276	50	ADP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209001	50	ADP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-302	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-109	05/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701111	50	ADP002	5	5	07g45 - 12g05	N2-204	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-511	04/03/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209202	50	ADP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-407	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208902	50	ADP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-303	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208802	50	ADP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-303	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502277	50	ADP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209002	50	ADP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-502	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701112	50	ADP003	6	5	07g45 - 12g05	N2-312	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209203	50	ADP003	2	5	12g45 - 17g05	B2-503	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	19/02/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208903	50	ADP003	2	5	07g10 - 11g30	B2-304	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	12/02/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208803	50	ADP003	2	5	07g10 - 11g30	B2-304	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-412	23/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502278	50	ADP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209003	50	ADP003	6	5	07g10 - 11g30	B2-302	21/03/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701113	50	ADP004	7	5	07g45 - 12g05	N2-311	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209204	50	ADP004	3	5	12g45 - 17g05	B2-504	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-307	09/01/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208904	50	ADP004	3	5	07g10 - 11g30	B2-301	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-307	16/01/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208804	50	ADP004	3	5	07g10 - 11g30	B2-301	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502279	50	ADP004	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209004	50	ADP004	7	5	07g10 - 11g30	B2-504	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701114	50	ADP005	2	5	12g45 - 17g05	N2-303	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	21/02/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209205	50	ADP005	4	5	07g10 - 11g30	B1-409	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-408	04/04/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208905	50	ADP005	4	5	12g45 - 17g05	B2-302	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/03/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208805	50	ADP005	4	5	12g45 - 17g05	B2-302	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-408	21/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502280	50	ADP005	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209005	50	ADP005	2	5	12g45 - 17g05	B1-409	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-408	28/03/25	

LỊCH HỌC ERP (HRM)_AD0.ADP K49

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (HRM)		2	25D1INF50906001	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 01	2	5	07g10 - 11g30	B2-104	31/03/25 - 12/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906002	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 02	2	5	12g45 - 17g05	B2-104	31/03/25 - 12/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906003	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 03	3	5	07g10 - 11g30	B2-104	08/04/25 - 13/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906004	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 04	3	5	12g45 - 17g05	B2-104	08/04/25 - 13/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906005	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 05	4	5	07g10 - 11g30	B2-104	02/04/25 - 14/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906006	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 06	4	5	12g45 - 17g05	B2-104	02/04/25 - 14/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906007	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 07	5	5	07g10 - 11g30	B2-104	03/04/25 - 15/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906008	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 08	5	5	12g45 - 17g05	B2-104	03/04/25 - 15/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906009	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 09	6	5	07g10 - 11g30	B2-104	11/04/25 - 16/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906010	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 10	6	5	12g45 - 17g05	B2-104	11/04/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (HRM)		2	25D1INF50906011	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 11	7	5	07g10 - 11g30	B2-104	12/04/25 - 17/05/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906012	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 12	7	5	12g45 - 17g05	B2-104	12/04/25 - 17/05/25	Hủy
ERP (HRM)		2	25D1INF50906013	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 13	5	5	07g10 - 11g30	B2-104	20/02/25 - 27/03/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906014	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 14	5	5	12g45 - 17g05	B2-104	20/02/25 - 27/03/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906015	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 15	6	5	07g10 - 11g30	B2-104	28/02/25 - 04/04/25	
ERP (HRM)		2	25D1INF50906016	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 16	6	5	12g45 - 17g05	B2-104	28/02/25 - 04/04/25	Hủy
ERP (HRM)		2	25D1INF50906017	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 17	7	5	07g10 - 11g30	B2-104	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
ERP (HRM)		2	25D1INF50906018	48	AD0.ADP. ERPHRM.0 18	7	5	12g45 - 17g05	B2-104	01/03/25 - 05/04/25	

CT TA TP CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ERP (HRM)	EN	2	25D1INF50909301	48	ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-104	17/02/25 - 24/03/25	
Hành vi tổ chức	EN	3	25D1MAN50209101	48	ADF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-702	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	07/03/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209206	48	ADF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-408	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-504	04/04/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208906	48	ADF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-409	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-504	21/03/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208806	48	ADF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-409	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-412	28/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502281	48	ADF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209006	48	ADF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-702	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-504	28/03/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006205	48	ADF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-402	08/01/25 - 26/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000403	48	ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-408	31/03/25 - 12/05/25	
ERP (HRM)	EN	2	25D1INF50909302	48	ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B2-104	25/02/25 - 01/04/25	
Hành vi tổ chức	EN	3	25D1MAN50209102	48	ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-703	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-508	22/02/25	
Quản trị chất lượng	EN	3	25D1MAN50209207	48	ADF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-704	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208907	48	ADF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-703	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25D1MAN50208807	48	ADF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-703	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-508	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502282	48	ADF002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25D1MAN50209007	48	ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-703	18/03/25 - 13/05/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006206	48	ADF002	5	5	07g10 - 11g30	B2-304	02/01/25 - 20/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000404	48	ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B2-405	08/04/25 - 13/05/25	Đổi ph.học

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phương pháp nghiên cứu trong y khoa và quản lý		3	25D1MAN50213801	65	BV0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-402	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực		3	25D1MAN50200409	65	BV0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-411	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	B2-407	01/03/25	
Quản trị tài chính bệnh viện và bảo hiểm y tế		3	25D1MAN50213901	65	BV0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-411	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-407	08/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502283	65	BV0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Phương pháp nghiên cứu trong y khoa và quản lý		3	25D1MAN50213802	30	BVP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-503	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực	EN	3	25D1MAN50208908	30	BVP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-304	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị tài chính bệnh viện và bảo hiểm y tế	EN	3	25D1MAN50218801	30	BVP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502284	30	BVP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701115	65	HPTC.I.BV 0.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-701	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701116	30	HPTC.I.BV P.1	4	5	12g45 - 17g05	B1-408	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-307	31/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị hành chính bệnh viện		2	25D1MAN50213701	65	HPTC.II.B V0.1	3	5	12g45 - 17g05	B1-402	08/04/25 - 13/05/25	
Quản trị hành chính bệnh viện		2	25D1MAN50213702	30	HPTC.II.B VP.1	5	5	12g45 - 17g05	B2-501	03/04/25 - 15/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401605	52	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-302	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	09/05/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500401	52	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-302	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	17/01/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608702	52	FN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-504	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502204	52	FN0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500302	52	FN0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-304	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	02/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508501	52	FN0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-304	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/02/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401606	52	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-304	18/03/25 - 13/05/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500402	52	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-304	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	18/01/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608703	52	FN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-302	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	11/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502205	52	FN0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500303	52	FN0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-308	13/03/25 - 15/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508502	52	FN0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-308	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	08/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401607	52	FN0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-511	24/03/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500403	52	FN0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	20/01/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608704	52	FN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-302	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	13/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502206	52	FN0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500304	52	FN0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-309	21/03/25 - 16/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508503	52	FN0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-309	03/01/25 - 14/03/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401608	52	FN0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-309	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500404	52	FN0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-309	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	14/01/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608705	52	FN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-302	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502207	52	FN0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500305	52	FN0004	7	5	07g10 - 11g30	N2-308	22/03/25 - 17/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508504	52	FN0004	7	5	07g10 - 11g30	N2-308	04/01/25 - 15/03/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401609	52	FN0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500405	52	FN0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608706	52	FN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-307	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502208	52	FN0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500306	52	FN0005	2	5	07g10 - 11g30	N2-303	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	07/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508505	52	FN0005	2	5	07g10 - 11g30	N2-303	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	15/01/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401610	52	FNFP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-203	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500406	52	FNFP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-201	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608707	52	FNFP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-308	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502209	52	FNFP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25D1FIN50504601	52	FNFP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-204	07/01/25 - 11/03/25	Đổi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B2-502	13/02/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504401	52	FNFP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-204	18/03/25 - 13/05/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401611	52	FNFP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-204	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	28/02/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500407	52	FNFP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-204	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	11/04/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608708	52	FNFP002	2	5	07g45 - 12g05	N2-301	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	18/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502210	52	FNFP002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25D1FIN50504602	52	FNFP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-204	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	21/02/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504402	52	FNFP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-204	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	09/05/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401612	52	FNFP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-303	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-511	11/01/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500408	52	FNFP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-303	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608709	52	FNFP003	3	5	07g45 - 12g05	N2-307	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502211	52	FNFP003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25D1FIN50504603	52	FNFP003	5	5	12g45 - 17g05	B2-301	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	04/01/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504403	52	FNFP003	5	5	12g45 - 17g05	B2-301	13/03/25 - 15/05/25	
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401613	52	FNFP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-303	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	17/02/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500409	52	FNFP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-303	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	14/04/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608710	52	FNFP004	4	5	07g45 - 12g05	N2-303	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-511	10/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502212	52	FNFP004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao	EN	3	25D1FIN50504604	52	FNFP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-301	03/01/25 - 14/03/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504404	52	FNFP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-301	21/03/25 - 16/05/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định thuế	EN	3	25D1TAX50405101	42	FNF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế lượng tài chính	EN	3	25D1FIN50504501	42	FNF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích tài chính	EN	3	25D1FIN50504801	42	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-303	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	07/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25D1BAN50610701	42	FNF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-406	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502213	42	FNF001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504405	42	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-303	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	22/01/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000401	42	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-308	31/03/25 - 12/05/25	
Hoạch định thuế	EN	3	25D1TAX50405102	42	FNF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-505	22/03/25 - 17/05/25	
Kinh tế lượng tài chính	EN	3	25D1FIN50504502	42	FNF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-505	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích tài chính	EN	3	25D1FIN50504802	42	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B2-302	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25D1BAN50610702	42	FNF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-406	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502214	42	FNF002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504406	42	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B2-302	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	13/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000402	42	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B2-207	15/04/25 - 13/05/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	08/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp	EN	3	25D1LAW51107201	42	HPTC.I.FN F.1	6	5	07g10 - 11g30	B1-406	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị học	EN	3	25D1MAN50208701	42	HPTC.I.FN F.2	7	5	07g10 - 11g30	B1-406	04/01/25 - 15/03/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401615	50	FI0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-309	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500412	50	FI0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502218	50	FI0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25D1FIN50500307	50	FI0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-304	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	09/01/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508507	50	FI0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-304	18/03/25 - 13/05/25	
Đầu tư tài chính		3	25D1FIN50509501	50	FI0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	04/01/25 - 15/03/25	

[CT chuẩn] NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH BẢO HIỂM VÀ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Môi trường pháp lý kinh doanh bảo hiểm		3	25D1FIN50507801	50	IN0001,INF N01.K49	2	5	07g10 - 11g30	B2-301	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-402	25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502219	50	IN0001,INF N01.K49	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25D1FIN50508401	50	IN0001,INF N01.K49	2	5	07g10 - 11g30	B2-301	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	10/01/25	
Thị trường và dịch vụ bảo hiểm hàng hải		3	25D1FIN50507501	50	IN0001,INF N01.K49	4	5	12g45 - 17g05	B2-208	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-402	02/05/25	
Thị trường và dịch vụ bảo hiểm nhân thọ		3	25D1FIN50507401	50	IN0001,INF N01.K49	2	5	12g45 - 17g05	B2-307	17/03/25 - 24/03/25	Đổi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	B2-502	31/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-402	09/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701101	50	HPTC.I.IN. 1,INFN01. K49	4	5	07g10 - 11g30	B2-302	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	21/02/25	

[CT chuẩn] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sản phẩm phái sinh		3	25D1FIN50501501	25	IF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-309	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502215	25	IF0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50508506	25	IF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-309	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500410	51	IF0001,IFP 002	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500411	33	IFP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	03/01/25 - 14/03/25	
Sản phẩm phái sinh	EN	3	25D1FIN50504901	35	IFP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-304	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-208	23/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502216	35	IFP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504407	35	IFP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-304	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-208	15/01/25	
Sản phẩm phái sinh	EN	3	25D1FIN50504902	32	IFP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-303	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502217	32	IFP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504408	32	IFP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-303	04/01/25 - 15/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25D1TAX50401614	51	HPTC.I.IF0 .IFP.1	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-511	25/02/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25D1BUS50300601	51	HPTC.I.IF0 .IFP.1	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	21/03/25 - 16/05/25	Hủy

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quốc tế		3	25D1ACC50712901	51	HPTC.II.IF 0.IFP.1	5	5	07g45 - 12g05	N2-310	13/03/25 - 15/05/25	
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25D1LAW51109401	51	HPTC.II.IF 0.IFP.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-304	21/03/25 - 16/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị hiệu khách		3	25D1HOT51501101	55	TS0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-410	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						5	5	12g45 - 17g05	N2-502	06/02/25	
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500304	55	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-307	27/02/25	
Quản trị kênh phân phối trong du lịch		3	25D1TOU51509001	55	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506704	55	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-312	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502293	55	TS0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng		3	25D1TOU51506904	55	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-312	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị hiệu khách		3	25D1HOT51501102	55	TS0002	3	5	07g45 - 12g05	N2-408	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						6	5	07g45 - 12g05	N2-502	14/02/25	
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500305	55	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	21/02/25	
Quản trị kênh phân phối trong du lịch		3	25D1TOU51509002	55	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	21/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506705	55	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-307	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	07/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502294	55	TS0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng		3	25D1TOU51506905	55	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-307	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	28/03/25	
Quản trị hiệu khách	EN	3	25D1TOU51514501	40	TSP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-505	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500306	45	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-302	11/01/25	
Quản trị kênh phân phối trong du lịch		3	25D1TOU51509003	45	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506706	45	TSP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	08/01/25 - 12/03/25	Đổi tg.học
						7	5	07g45 - 12g05	N2-302	18/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502295	45	TSP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng	EN	3	25D1TOU51514301	45	TSP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-502	18/03/25 - 13/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500301	40	KS0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị kênh phân phối trong khách sạn		3	25D1TOU51506801	40	KS0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502289	40	KS0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506701	65	KS0001,KS P001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-107	13/01/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng		3	25D1TOU51506901	65	KS0001,KS P001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g45 - 12g05	N2-107	05/05/25	
Quản trị hiệu quả	EN	3	25D1TOU51513401	25	KSP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị kênh phân phối trong khách sạn	EN	3	25D1TOU51513501	25	KSP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502290	25	KSP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500302	50	SK0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-403	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị kênh phân phối trong sự kiện và giải trí		3	25D1EVE51508201	50	SK0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-403	04/01/25 - 15/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506702	50	SK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-301	14/01/25	
Quản trị đám đông		3	25D1TOU51500401	50	SK0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-302	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-301	07/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502291	50	SK0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng		3	25D1TOU51506902	50	SK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị hiệu quả		3	25D1TOU51500303	40	SKP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-304	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-302	07/05/25	
Quản trị kênh phân phối trong sự kiện và giải trí		3	25D1EVE51508202	40	SKP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-304	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-302	05/03/25	
Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	25D1TOU51506703	40	SKP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	03/01/25 - 14/03/25	
Quản trị đám đông		3	25D1TOU51500402	40	SKP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-307	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502292	40	SKP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thiết kế trải nghiệm khách hàng		3	25D1TOU51506903	40	SKP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	21/03/25 - 16/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700203	50	NH0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-310	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	08/02/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600802	50	NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	11/01/25	
Ngân hàng đầu tư		3	25D1BAN50601401	50	NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608402	50	NH0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-312	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	18/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502296	50	NH0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600910	50	NH0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-312	13/03/25 - 15/05/25	
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700204	50	NH0002	4	5	07g45 - 12g05	N2-310	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	17/02/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600803	50	NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	03/01/25 - 14/03/25	
Ngân hàng đầu tư		3	25D1BAN50601402	50	NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608403	50	NH0002	6	5	07g45 - 12g05	N2-401	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502297	50	NH0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600911	50	NH0002	6	5	07g45 - 12g05	N2-401	21/03/25 - 16/05/25	
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700205	50	NH0003	5	5	07g45 - 12g05	N2-401	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	11/02/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600804	50	NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	04/01/25 - 15/03/25	
Ngân hàng đầu tư		3	25D1BAN50601403	50	NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608404	50	NH0003	7	5	07g45 - 12g05	N2-401	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502298	50	NH0003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Thanh toán quốc tế		3	25D1BAN50600912	50	NH0003	7	5	07g45 - 12g05	N2-207	22/03/25 - 17/05/25	Đổi ph.học

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700206	45	NHP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-402	03/01/25 - 14/03/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600805	45	NHP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-308	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-502	15/01/25	
Ngân hàng đầu tư	EN	3	25D1BAN50611801	45	NHP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-704	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-307	16/04/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608405	45	NHP001	2	5	07g45 - 12g05	N2-307	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-502	22/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502299	45	NHP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Thanh toán quốc tế	EN	3	25D1BAN50611901	45	NHP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-402	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-307	23/04/25	
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700207	45	NHP002	7	5	07g45 - 12g05	N2-402	04/01/25 - 15/03/25	
Ngân hàng quốc tế		3	25D1BAN50600806	45	NHP002	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	06/02/25	
Ngân hàng đầu tư	EN	3	25D1BAN50611802	45	NHP002	3	5	12g45 - 17g05	B1-408	18/03/25 - 13/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25D1BAN50608406	45	NHP002	3	5	07g45 - 12g05	N2-311	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	13/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022100	45	NHP002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Thanh toán quốc tế	EN	3	25D1BAN50611902	45	NHP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-502	18/03/25 - 13/05/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính	EN	3	25D1ACC50707101	25	NHF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-212	20/01/25	
Ngân hàng quốc tế	EN	3	25D1BAN50605001	25	NHF001	6	5	12g45 - 17g05	B2-305	03/01/25 - 14/03/25	
Ngân hàng đầu tư	EN	3	25D1BAN50611803	25	NHF001	6	5	12g45 - 17g05	B2-305	21/03/25 - 16/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122211	25	NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-701	02/04/25 - 14/05/25	
Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	EN	3	25D1BAN50612101	25	NHF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-212	05/05/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25D1BAN50610703	25	NHF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-406	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022101	25	NHF001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Thanh toán quốc tế	EN	3	25D1BAN50611903	25	NHF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-406	21/03/25 - 16/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000405	25	NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-212	06/01/25 - 13/01/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-502	08/01/25 - 12/02/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609401	55	TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	04/04/25	
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700208	55	TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-501	10/01/25	
Ngân hàng đầu tư		3	25D1BAN50601404	55	TT0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-311	19/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	11/04/25	
Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính		3	25D1BAN50601901	55	TT0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-311	08/01/25 - 12/03/25	Đổi tg.học
						6	5	07g45 - 12g05	N2-501	17/01/25	
Sản phẩm phái sinh		3	25D1FIN50501502	55	TT0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-309	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-107	28/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022102	55	TT0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		3	25D1BAN50609402	55	TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	18/03/25 - 13/05/25	
Kế toán tài chính		3	25D1ACC50700209	55	TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-302	22/02/25	
Ngân hàng đầu tư	EN	3	25D1BAN50611804	55	TTP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-305	13/03/25 - 15/05/25	Đổi tg.học
Quản trị rủi ro tại các định chế tài chính	EN	3	25D1BAN50612001	55	TTP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-305	02/01/25 - 06/03/25	Đổi tg.học
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	15/02/25	
Sản phẩm phái sinh		3	25D1FIN50501503	55	TTP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-308	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022103	55	TTP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở an toàn thông tin		3	25D1INF50912101	40	CY0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-104	04/01/25 - 22/02/25	Đổi ph.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-508	01/03/25 - 15/03/25	
Kiến trúc hệ thống doanh nghiệp		3	25D1INF50912301	40	CY0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-102	22/03/25 - 17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100267	40	CY0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-409	02/01/25 - 06/03/25	Hủy
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	04/03/25	
Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin		2	25D1INF50913902	40	CY0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-409	03/04/25 - 15/05/25	
Quản trị cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50911901	40	CY0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-104	04/01/25 - 22/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-512	01/03/25 - 15/03/25	
Quản trị mạng		3	25D1INF50912001	40	CY0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-507	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022133	40	CY0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900815	52	IT0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100268	52	IT0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	03/01/25 - 14/03/25	
Phát triển ứng dụng web		3	25D1INF50901403	52	IT0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-511	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-512	26/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022134	52	IT0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901001	52	HPTC.LIT0.1	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	05/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu phi quan hệ		3	25D1INF50914201	52	HPTC.II.IT0.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-512	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	12/03/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 3 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901306	52	HPTC.III.IT0.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-512	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-512	19/03/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022140	61	ER0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Cơ sở lập trình		3	25D1INF50900501	31	ER0001.1	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-306	10/01/25	
ERP trong quản trị mua hàng và phân phối		3	25D1INF50908301	31	ER0001.1	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-306	18/04/25	
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901705	31	ER0001.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-511	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						6	5	12g45 - 17g05	B2-511	07/03/25	
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901006	31	ER0001.1	4	5	12g45 - 17g05	N1-301	19/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học
						6	5	12g45 - 17g05	N1-306	25/04/25	
Tư duy hệ thống		3	25D1INF50904602	31	ER0001.1	4	5	07g10 - 11g30	N2-512	08/01/25 - 12/03/25	Đổi tg.học
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	28/02/25	
Cơ sở lập trình		3	25D1INF50900502	30	ER0001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-301	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-306	07/01/25	
ERP trong quản trị mua hàng và phân phối		3	25D1INF50908302	30	ER0001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-301	13/03/25 - 15/05/25	
Giới thiệu hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)		3	25D1INF50901706	30	ER0001.2	7	5	12g45 - 17g05	N1-306	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901007	30	ER0001.2	7	5	07g10 - 11g30	N1-301	22/03/25 - 17/05/25	Đổi tg.học
Tư duy hệ thống		3	25D1INF50904603	30	ER0001.2	7	5	07g10 - 11g30	N2-512	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu nâng cao		3	25D1INF50901801	50	BI0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-511	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	21/02/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900901	50	BI0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-508	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	18/04/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25D1MAN50201403	50	BI0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-104	17/03/25 - 12/05/25	Đổi tg.học
						6	5	07g10 - 11g30	N2-402	11/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022131	50	BI0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Tư duy hệ thống		3	25D1INF50904601	50	BI0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-506	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học

[CT chuẩn] NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25D1MAT50800403	45	DS0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900902	45	DS0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-511	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-507	08/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022135	45	DS0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Thống kê toán		3	25D1MAT50800801	45	DS0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-302	15/02/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25D1INF50904201	45	DS0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-507	13/03/25 - 15/05/25	Đôi ph.học
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50906401	45	DS0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-508	31/03/25 - 12/05/25	Bổ sung

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing căn bản		3	25D1MAR50300104	45	HPTC.I.DS 0.1	3	5	07g10 - 11g30	N2-310	18/03/25 - 13/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ phần mềm		3	25D1INF50901201	50	SE0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-103	13/03/25 - 15/05/25	Đổi ph.học
Lập trình hướng đối tượng		3	25D1INF50903701	50	SE0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-508	18/01/25	
Mạng máy tính		3	25D1INF50902401	50	SE0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901008	50	SE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-310	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	01/03/25	
Phát triển ứng dụng Desktop		3	25D1INF50903801	50	SE0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-508	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022141	50	SE0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100266	48	CS0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-404	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-503	13/01/25	
Lập trình Python		3	25D1INF50915201	48	CS0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-508	22/03/25 - 17/05/25	
Máy học		3	25D1INF50904402	48	CS0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-508	04/01/25 - 15/03/25	
Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin		2	25D1INF50913901	48	CS0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-404	02/04/25 - 14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022132	48	CS0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quá trình ngẫu nhiên		3	25D1INF50915601	48	HPTC.I.CS 0.1	7	5	12g45 - 17g05	B2-507	22/03/25 - 17/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lý thuyết trò chơi		3	25D1INF50915801	48	HPTC.II.C S0.1	3	5	12g45 - 17g05	B2-512	18/03/25 - 13/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900607	40	EE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-104	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-103	03/03/25	
Dịch vụ mạng Internet		3	25D1INF50902501	40	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N1-303	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900903	40	EE0001	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	03/01/25 - 14/03/25	Đổi tg.học
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901002	40	EE0001	6	5	12g45 - 17g05	N1-301	21/03/25 - 16/05/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022136	40	EE0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901307	40	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N1-303	03/01/25 - 14/03/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900608	40	EE0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-101	13/03/25 - 15/05/25	
Dịch vụ mạng Internet		3	25D1INF50902502	40	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N1-306	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900904	40	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	N1-303	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901003	40	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	N1-306	22/03/25 - 17/05/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022137	40	EE0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thương mại điện tử		3	25D1INF50901308	40	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N1-306	04/01/25 - 15/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900609	35	EEP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-512	03/01/25 - 14/03/25	
Dịch vụ mạng Internet		3	25D1INF50902503	35	EEP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-507	22/03/25 - 17/05/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900905	35	EEP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-102	06/01/25 - 10/03/25	Đổi tg.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	22/01/25	
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901004	35	EEP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-102	17/03/25 - 12/05/25	Đổi tg.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-104	26/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022138	35	EEP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thương mại điện tử (EN)	EN	3	25D1INF50909701	35	EEP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-103	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	05/03/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900610	35	EEP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-507	03/01/25 - 14/03/25	
Dịch vụ mạng Internet		3	25D1INF50902504	35	EEP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-511	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25D1INF50900906	35	EEP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-104	07/01/25 - 11/03/25	Đổi tg.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	16/01/25	
Phân tích thiết kế hệ thống		3	25D1INF50901005	35	EEP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-511	18/03/25 - 13/05/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022139	35	EEP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thương mại điện tử (EN)	EN	3	25D1INF50909702	35	EEP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-103	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-104	09/01/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25D1MAT50800404	35	AS0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-406	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022146	35	AS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Lý thuyết đầu tư và thị trường tài chính 1		3	25D1MAT50804501	53	AS0001,AS P001	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	22/02/25	
Quá trình ngẫu nhiên		3	25D1MAT50801401	53	AS0001,AS P001	3	5	12g45 - 17g05	N2-404	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-302	15/02/25	
Toán bảo hiểm dài hạn 1		3	25D1MAT50805101	53	AS0001,AS P001	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	18/03/25 - 13/05/25	
Toán tài chính thực hành		2	25D1MAT50806801	53	AS0001,AS P001	3	5	12g45 - 17g05	N2-404	08/04/25 - 13/05/25	
Kinh tế lượng	EN	3	25D1MAT50803001	20	ASP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-705	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022147	20	ASP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25D1MAT50800405	60	FM0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-411	03/01/25 - 14/03/25	
Lý thuyết trò chơi		3	25D1MAT50803701	60	FM0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-411	21/03/25 - 16/05/25	
Ngân hàng thương mại		3	25D1BAN50600605	60	FM0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-408	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-503	20/01/25	
Quá trình ngẫu nhiên		3	25D1MAT50801402	60	FM0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-207	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022148	60	FM0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Toán tài chính		3	25D1MAT50801201	60	FM0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-107	19/03/25 - 14/05/25	Đôi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	31/03/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THÔNG KÊ KINH DOANH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25D1INF50900816	55	TK0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-106	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế phát triển		3	25D1ECO50100702	55	TK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-207	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-501	07/01/25	
Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3	25D1MAT50800201	55	TK0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-106	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-501	14/01/25	
Phân tích dữ liệu		3	25D1MAT50801004	55	TK0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-106	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị marketing		3	25D1MAR50301802	55	TK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-207	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022149	55	TK0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án 2: Chiến lược và chiến dịch quan hệ công chúng & quảng cáo		3	25D1MED54800901	40	DD0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-406	03/01/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022153	40	DD0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Studio 5: Sản xuất truyền thông		4	25D1MED54805601	40	DD0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-216	02/01/25 - 03/04/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-216	02/01/25 - 03/04/25	
Dự án 2: Chiến lược và chiến dịch quan hệ công chúng & quảng cáo	EN	3	25D1MED54807602	20	DDF001	4	5	12g45 - 17g05	B2-205	12/02/25 - 07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022155	20	DDF001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Studio 5: Sản xuất truyền thông	EN	4	25D1MED54808801	20	DDF001	7	5	07g10 - 11g30	B2-215	04/01/25 - 05/04/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-215	04/01/25 - 05/04/25	
Dự án 2: Chiến lược và chiến dịch quan hệ công chúng & quảng cáo	EN	3	25D1MED54807601	35	DDP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-305	08/01/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022154	35	DDP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	
Studio 5: Sản xuất truyền thông		4	25D1MED54805602	35	DDP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-215	06/01/25 - 14/04/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-215	06/01/25 - 14/04/25	
Nghiên cứu marketing và hành vi người tiêu dùng		3	25D1MED54801201	40	HPTC.I.DD 0.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/01/25 - 08/04/25	
Nghiên cứu marketing và hành vi người tiêu dùng	EN	3	25D1MED54807902	20	HPTC.I.DD F.1	3	5	12g45 - 17g05	B2-406	07/01/25 - 08/04/25	
Nghiên cứu marketing và hành vi người tiêu dùng	EN	3	25D1MED54807901	35	HPTC.I.DD P.1	7	5	12g45 - 17g05	B2-305	04/01/25 - 05/04/25	
Truyền thông tương tác		3	25D1MED54801701	40	HPTC.II.D D0.1	4	5	12g45 - 17g05	B1-404	08/01/25 - 07/05/25	
Truyền thông tương tác	EN	3	25D1MED54808401	20	HPTC.II.D DF.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-306	07/01/25 - 25/02/25	Đổi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	04/03/25 - 29/04/25	
Truyền thông tương tác		3	25D1MED54801702	35	HPTC.II.D DP.1	5	5	12g45 - 17g05	B2-412	02/01/25 - 24/04/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Bản đồ hóa thành phố		3	25D1ARC54902601	50	HPTC.I.SC 0.SCP.1	6	5	12g45 - 17g05	B2-216	18/04/25 - 30/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-216	18/04/25 - 30/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-402	06/06/25 - 13/06/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-402	06/06/25 - 13/06/25	
Phòng thí nghiệm đô thị		3	25D1ARC54902701	55	HPTC.I.SC 0.SCP.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-215	15/04/25 - 10/06/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-215	15/04/25 - 10/06/25	
Đồ án Cảnh Quan Thông Minh: Thiết Kế Cảnh Quan Có Khả Năng Tự Phục hồi		6	25D1ARC51203101	15	K49.DACQ TM.SC0.01	4	5	07g10 - 11g30	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
Đồ án Cảnh Quan Thông Minh: Thiết Kế Cảnh Quan Có Khả Năng Tự Phục hồi		6	25D1ARC51203102	15	K49.DACQ TM.SC0.02	4	5	07g10 - 11g30	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
Đồ án Cảnh Quan Thông Minh: Thiết Kế Cảnh Quan Có Khả Năng Tự Phục hồi		6	25D1ARC51203103	15	K49.DACQ TM.SC0.03	4	5	07g10 - 11g30	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-216	19/02/25 - 25/06/25	
Đồ án Cảnh Quan Thông Minh: Thiết Kế Cảnh Quan Có Khả Năng Tự Phục hồi	EN	6	25D1ARC54903401	18	K49.DACQ TM.SCP.01	5	5	07g10 - 11g30	B2-215	20/02/25 - 26/06/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-215	20/02/25 - 26/06/25	
Đồ án Cảnh Quan Thông Minh: Thiết Kế Cảnh Quan Có Khả Năng Tự Phục hồi	EN	6	25D1ARC54903402	18	K49.DACQ TM.SCP.02	4	5	07g10 - 11g30	B2-215	19/02/25 - 25/06/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-215	19/02/25 - 25/06/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022150	35	SC0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	
Thiết kế đô thị thông minh		3	25D1ARC51202401	35	SC0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-206	06/01/25 - 17/03/25	
Toán ứng dụng cho thiết kế		3	25D1ARC51201501	35	SC0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-306	07/01/25 - 18/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022151	35	SC0002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	
Thiết kế đô thị thông minh		3	25D1ARC51202402	35	SC0002	2	5	07g10 - 11g30	B2-406	06/01/25 - 17/03/25	
Toán ứng dụng cho thiết kế		3	25D1ARC51201502	35	SC0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-505	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022152	35	SCP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	
Thiết kế đô thị thông minh		3	25D1ARC51202403	35	SCP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-303	07/01/25 - 18/03/25	
Toán ứng dụng cho thiết kế		3	25D1ARC51201503	35	SCP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-508	03/01/25 - 14/03/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tương tác Người_Máy		3	25D1TEC55003102	25	FE0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-508	07/01/25 - 14/01/25	Đổi tg.học
						4	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/01/25 - 05/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022144	25	FE0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính quốc tế		3	25D1FIN50500201	25	FE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-411	13/03/25 - 15/05/25	
An ninh thông tin		3	25D1INF50904001	45	FE0001,FE P001	7	5	07g10 - 11g30	N2-410	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế lượng tài chính		3	25D1FIN50500413	45	FE0001,FE P001	5	5	07g10 - 11g30	N2-411	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	11/02/25	
Máy học căn bản		3	25D1TEC55005101	45	FE0001,FE P001	6	5	12g45 - 17g05	B1-402	21/03/25 - 16/05/25	Đổi tg.học
Nhập môn tương tác người - máy	EN	3	25D1TEC55006802	25	FEP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-506	19/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học
						3	5	12g45 - 17g05	B1-409	06/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022145	25	FEP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Tài chính quốc tế	EN	3	25D1FIN50504409	25	FEP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-701	21/03/25 - 16/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
A.I. trong Kinh doanh		3	25D1TEC55000201	60	TI0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-403	17/03/25 - 12/05/25	Đổi tg.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-310	08/05/25	
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25D1INF50908503	60	TI0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-507	04/01/25 - 15/03/25	
Lãnh đạo thời đại số		3	25D1TEC55002801	60	TI0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-502	07/01/25 - 11/03/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	B1-502	13/02/25	
Nhập môn tương tác Người_Máy		3	25D1TEC55003101	60	TI0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-502	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Phát triển và thiết kế web		3	25D1TEC55002701	60	TI0001	3	5	12g45 - 17g05	V.11	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	V.11	06/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022142	60	TI0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
A.I. trong kinh doanh	EN	3	25D1TEC55006501	50	TIP001	3	5	07g10 - 11g30	V.11	18/03/25 - 12/05/25	Đổi tg.học
Hệ hỗ trợ quản trị thông minh		3	25D1INF50908504	50	TIP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-508	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	17/01/25	
Lãnh đạo thời đại số		3	25D1TEC55002802	50	TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-505	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	07/03/25	
Nhập môn tương tác người - máy	EN	3	25D1TEC55006801	50	TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-505	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-402	18/04/25	
Phát triển và thiết kế web		3	25D1TEC55002702	50	TIP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-505	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	28/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022143	50	TIP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 49 ĐHCQ + [CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống nâng chuyển		3	25D1INT54705001	30	LT0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-503	02/01/25 - 13/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022157	30	LT0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Thiết kế mặt bằng		3	25D1INT54705101	30	LT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-406	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	06/02/25	
Thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng		3	25D1INT54704901	30	LT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-305	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	27/02/25	
Công nghệ và đổi mới trong quản lý chuỗi cung ứng		3	25D1BUS50326001	30	LT0001,LT P001	2	5	12g45 - 17g05	B2-505	06/01/25 - 10/03/25	Hủy
						5	5	07g10 - 11g30	B2-310	13/03/25	
Quản trị tồn kho và kho vận		3	25D1BUS50318903	50	LT0001,LT P001	2	5	12g45 - 17g05	B2-505	17/03/25 - 12/05/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-307	08/05/25	
Hệ thống nâng chuyển	EN	3	25D1INT54708501	30	LTP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-306	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	20/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022159	30	LTP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Thiết kế mặt bằng	EN	3	25D1INT54708601	30	LTP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	27/02/25	
Thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng	EN	3	25D1INT54708401	30	LTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-306	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-412	13/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lý thuyết điều khiển tự động		3	25D1INT54701201	50	RA0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-505	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022156	30	RA0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Thị giác máy		3	25D1INT54702401	50	RA0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-508	25/03/25 - 13/05/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-510	08/05/25	
Vi điều khiển		3	25D1INT54701401	50	RA0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-504	06/01/25 - 17/03/25	
Internet vạn vật		3	25D1INT54702601	50	RA0001,LT 0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-402	21/03/25 - 16/05/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25D1INT54701801	50	RA0001,LT 0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-505	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	06/03/25	
Kỹ thuật robot 2		3	25D1INT54701901	50	RA0001,LT 0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-306	19/03/25 - 14/05/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	24/04/25	
Quản lý dự án công nghệ		3	25D1INT54705901	50	RA0001,LT 0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-204	04/01/25 - 15/03/25	
Học máy		3	25D1INT54703401	50	RA0001,R AP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-508	17/03/25 - 12/05/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	15/05/25	
Học sâu		3	25D1INT54703501	50	RA0001,R AP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-503	03/01/25 - 14/03/25	
Lý thuyết điều khiển tự động	EN	3	25D1INT54708801	50	RAP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-503	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022158	50	RAP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	18/05/25	
Thị giác máy	EN	3	25D1INT54706901	50	RAP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-508	22/03/25 - 17/05/25	
Vi điều khiển	EN	3	25D1INT54706501	50	RAP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-506	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-310	27/02/25	
Internet vạn vật	EN	3	25D1INT54708301	50	RAP001,LT P001	6	5	12g45 - 17g05	B2-506	21/03/25 - 16/05/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25D1INT54706701	50	RAP001,LT P001	5	5	12g45 - 17g05	B2-505	02/01/25 - 06/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-310	06/03/25	
Kỹ thuật robot 2	EN	3	25D1INT54708101	50	RAP001,LT P001	3	5	12g45 - 17g05	B2-505	18/03/25 - 13/05/25	
Quản lý dự án công nghệ	EN	3	25D1INT54707301	50	RAP001,LT P001	7	5	12g45 - 17g05	B2-402	04/01/25 - 15/03/25	
Hệ thống tự động	EN	3	25D1INT54708201	50	K49.RAP.L AP.001	6	5	07g10 - 11g30	B2-412	21/03/25 - 16/05/25	Bổ sung

[CT chuẩn] NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25D1ECO50106703	55	RE0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	02/01/25 - 06/03/25	Đổi tg.học
						3	5	07g10 - 11g30	N2-301	21/01/25	
Phát triển bất động sản		3	25D1ECO50105703	55	RE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-403	13/03/25 - 15/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101208	55	RE0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-403	02/01/25 - 06/03/25	Đổi tg.học
						3	5	07g10 - 11g30	N2-301	11/02/25	
Quy hoạch đô thị và nhà ở		3	25D1ECO50110601	55	RE0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022115	55	RE0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25D1ECO50106704	55	RE0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-404	03/01/25 - 14/03/25	
Phát triển bất động sản		3	25D1ECO50105704	55	RE0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-404	21/03/25 - 16/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101209	55	RE0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	03/01/25 - 14/03/25	
Quy hoạch đô thị và nhà ở		3	25D1ECO50110602	55	RE0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022116	55	RE0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT SN TH]** SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT SN TH]** SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25D1ECO50108801	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	7	5	12g45 - 17g05	B2-306	04/01/25 - 15/03/25	
Logistics quốc tế		3	25D1BUS50310704	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	7	5	07g10 - 11g30	B2-305	04/01/25 - 15/03/25	
Marketing căn bản		3	25D1MAR50300101	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	3	5	07g10 - 11g30	A211	18/03/25 - 13/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101201	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	7	5	12g45 - 17g05	B2-306	22/03/25 - 17/05/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25D1BUS50317604	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	22/03/25 - 17/05/25	Đổi ph.học
Quản trị học		3	25D1MAN50200101	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	3	5	12g45 - 17g05	C(1.02)	07/01/25 - 11/03/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	C(1.02)	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022105	50	AR0001,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

ARIB01 K49 học chung HP Kinh doanh quốc tế với lớp HP 25D1BUS50305201

ARLM01 K49 học chung HP Kinh doanh quốc tế với lớp HP 25D1BUS50305201

ARIB01 K49 học chung HP Hệ thống thông tin quản lý với lớp HP 25D1INF50900802

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25D1ECO50106701	65	ECO001	2	5	12g45 - 17g05	N2-207	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	07/02/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25D1ECO50108802	65	ECO001	2	5	07g10 - 11g30	N2-208	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	14/02/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101202	65	ECO001	2	5	07g10 - 11g30	N2-208	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	18/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022106	65	ECO001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25D1FIN50500102	65	ECO001	2	5	12g45 - 17g05	N2-207	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	11/04/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25D1ECO50106702	50	ECOP01	3	5	12g45 - 17g05	B2-304	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	22/02/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng (EN)	EN	3	25D1ECO50112401	50	ECOP01	3	5	07g10 - 11g30	B2-302	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	08/03/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế (EN)	EN	3	25D1ECO50111801	50	ECOP01	3	5	07g10 - 11g30	B2-302	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022107	50	ECOP01	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25D1FIN50511601	50	ECOP01	3	5	12g45 - 17g05	B2-304	18/03/25 - 13/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế quốc tế		3	25D1ECO50100801	65	HPTC.I.EC O.1	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	04/04/25	
Kinh tế quốc tế		3	25D1ECO50100802	50	HPTC.I.EC OP.1	5	5	07g10 - 11g30	N2-401	13/03/25 - 15/05/25	

HP TỰ CHỌN UEH 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing căn bản		3	25D1MAR50300102	65	HPTC.TD1. ECO.1	4	5	12g45 - 17g05	N2-207	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	28/02/25	
Quản trị học		3	25D1MAN50200102	65	HPTC.TD1. ECO.1	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	21/02/25	
Marketing căn bản		3	25D1MAR50300103	50	HPTC.TD1. ECOP.1	5	5	12g45 - 17g05	N2-403	13/03/25 - 15/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25D1ECO50101102	50	IV0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-409	04/01/25 - 15/03/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25D1ECO50113801	50	IV0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-403	04/01/25 - 15/03/25	
Phân tích dự án đầu tư		3	25D1ECO50114001	50	IV0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	18/03/25 - 13/05/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25D1ECO50114101	50	IV0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	20/02/25	
Phát triển và Marketing địa phương		3	25D1ECO50101801	50	IV0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-409	22/03/25 - 17/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101206	50	IV0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-403	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022111	50	IV0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25D1ECO50101103	50	IV0002	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-502	17/01/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25D1ECO50113802	50	IV0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-310	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-502	10/01/25	
Phân tích dự án đầu tư		3	25D1ECO50114002	50	IV0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-402	09/05/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25D1ECO50114102	50	IV0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-502	07/02/25	
Phát triển và Marketing địa phương		3	25D1ECO50101802	50	IV0002	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-402	02/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101207	50	IV0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-310	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-402	25/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022112	50	IV0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25D1ECO50101104	50	IVP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-401	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-302	08/02/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25D1ECO50119201	50	IVP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-306	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-311	08/03/25	
Phân tích dự án đầu tư (EN)	EN	3	25D1ECO50119101	50	IVP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-305	13/03/25 - 15/05/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25D1ECO50114103	50	IVP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-305	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-311	01/03/25	
Phát triển và Marketing địa phương		3	25D1ECO50101803	50	IVP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-401	18/03/25 - 13/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế (EN)	EN	3	25D1ECO50111802	50	IVP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-306	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022113	50	IVP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25D1ECO50101105	50	IVP002	4	5	07g10 - 11g30	N2-401	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-308	13/01/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25D1ECO50119202	50	IVP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-504	03/01/25 - 14/03/25	
Phân tích dự án đầu tư (EN)	EN	3	25D1ECO50119102	50	IVP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-306	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích và quản lý đầu tư		3	25D1ECO50114104	50	IVP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-306	03/01/25 - 14/03/25	
Phát triển và Marketing địa phương		3	25D1ECO50101804	50	IVP002	4	5	07g10 - 11g30	N2-401	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-511	31/03/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế (EN)	EN	3	25D1ECO50111803	50	IVP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-504	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022114	50	IVP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25D1ECO50113901	55	VA0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Phân tích dự án đầu tư		3	25D1ECO50114003	55	VA0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	18/03/25 - 13/05/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101210	55	VA0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	06/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022117	55	VA0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thẩm định giá bất động sản		3	25D1ECO50104701	55	VA0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-310	19/03/25 - 14/05/25	Đổi tg.học
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	08/05/25	
Kinh tế học tài chính		3	25D1ECO50113902	40	VAP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-310	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-304	07/03/25	
Phân tích dự án đầu tư (EN)	EN	3	25D1ECO50119103	40	VAP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-304	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	18/04/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế (EN)	EN	3	25D1ECO50111804	40	VAP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-304	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-204	28/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022118	40	VAP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Thẩm định giá bất động sản		3	25D1ECO50104702	40	VAP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-310	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-304	02/05/25	

HP TỰ CHỌN [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học trong thẩm định giá doanh nghiệp		3	25D1ECO50114301	55	HPTC.I.VA 0.1	7	5	07g10 - 11g30	N2-402	22/03/25 - 17/05/25	
Kinh tế học trong thẩm định giá doanh nghiệp		3	25D1ECO50114302	40	HPTC.I.VA P.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-506	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	B2-502	09/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25D1ECO50108803	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	24/02/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101203	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	21/04/25	
Quản trị nguồn nhân lực và hành vi tổ chức		3	25D1ECO50116001	50	HR0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	03/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022108	50	HR0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức		3	25D1ECO50102701	50	HR0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-510	28/04/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25D1ECO50108804	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	18/02/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101204	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	13/03/25 - 15/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực và hành vi tổ chức		3	25D1ECO50116002	50	HR0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	25/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022109	50	HR0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức		3	25D1ECO50102702	50	HR0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25D1ECO50108805	50	HR0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	03/01/25 - 14/03/25	
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3	25D1ECO50101205	50	HR0003	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	21/03/25 - 16/05/25	
Quản trị nguồn nhân lực và hành vi tổ chức		3	25D1ECO50116003	50	HR0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-408	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022110	50	HR0003	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức		3	25D1ECO50102703	50	HR0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-408	21/03/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học chính sách		3	25D1ECO50116501	50	HPTC.I.HR 0.1	6	5	07g10 - 11g30	N2-308	21/03/25 - 16/05/25	
Khoa học chính sách		3	25D1ECO50116502	50	HPTC.I.HR 0.2	7	5	07g10 - 11g30	N2-311	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Kinh tế học quản lý nhân sự		3	25D1ECO50102401	50	HPTC.I.HR 0.3	4	5	12g45 - 17g05	N2-107	08/01/25 - 12/03/25	Đổi tg.học
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	01/03/25	
Kinh tế học quản lý nhân sự		3	25D1ECO50102402	50	HPTC.I.HR 0.3bs	6	5	07g10 - 11g30	N2-504	03/01/25 - 14/03/25	Bổ sung

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	25D1LAW51109801	30	LQ0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-408	04/01/25 - 15/03/25	
Luật thương mại		3	25D1LAW51105903	30	LQ0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-408	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022123	30	LQ0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Công pháp quốc tế		2	25D1LAW51106005	50	LQ0001,LQ P001	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	02/01/25 - 20/02/25	
Luật lao động		3	25D1LAW51111401	50	LQ0001,LQ P001	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	13/03/25 - 15/05/25	
Luật Doanh nghiệp	EN	3	25D1LAW51112801	25	LQP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	21/03/25 - 16/05/25	
Luật Thương mại	EN	3	25D1LAW51112903	25	LQP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-410	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022124	25	LQP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25D1BUS50305201	50	HPTC.I.LQ 0.LQP.1,A RIB01.K49, ARLM01.K 49	5	5	12g45 - 17g05	N2-107	02/01/25 - 06/03/25	Đôi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	N2-208	18/02/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 2 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25D1BUS50301201	50	HPTC.II.L Q0.LQP.1	5	5	12g45 - 17g05	N2-409	13/03/25 - 15/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công pháp quốc tế		2	25D1LAW51106001	50	EL0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-302	12/04/25 - 17/05/25	Đổi ph.học
Luật thương mại		3	25D1LAW51105901	50	EL0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	07/01/25 - 11/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	27/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022119	50	EL0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Luật cạnh tranh		2	25D1LAW51102101	50	EL0001,PM LL1.K47,P MLL2.K47	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	08/04/25 - 13/05/25	
Luật tố tụng dân sự		3	25D1LAW51102001	50	EL0001,PM LL1.K47,P MLL2.K47	7	5	07g10 - 11g30	N2-404	04/01/25 - 15/03/25	
Các học thuyết pháp lý		3	25D1LAW51100401	50	EL0001,PM LL1.K48,P MLL01.K4 9	7	5	12g45 - 17g05	N2-411	04/01/25 - 15/03/25	
Các học thuyết pháp lý		3	25D1LAW51100402	50	EL0002	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-501	07/02/25	
Công pháp quốc tế		2	25D1LAW51106002	50	EL0002	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	31/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
Luật cạnh tranh		2	25D1LAW51102102	50	EL0002	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	02/04/25 - 14/05/25	
Luật thương mại		3	25D1LAW51105902	50	EL0002	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	08/01/25 - 12/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-501	21/02/25	
Luật tố tụng dân sự		3	25D1LAW51102002	50	EL0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-501	14/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022120	50	EL0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Các học thuyết pháp lý		3	25D1LAW51100403	40	ELP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-512	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	08/02/25	
Công pháp quốc tế		2	25D1LAW51106003	40	ELP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-303	08/04/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Luật Thương mại	EN	3	25D1LAW51112901	40	ELP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-503	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-501	22/02/25	
Luật cạnh tranh	EN	2	25D1LAW51113201	40	ELP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-503	03/04/25 - 15/05/25	
Luật tố tụng dân sự		3	25D1LAW51102003	40	ELP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-512	07/01/25 - 11/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	15/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022121	40	ELP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Các học thuyết pháp lý		3	25D1LAW51100404	40	ELP002	4	5	07g10 - 11g30	N2-506	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-308	10/02/25	
Công pháp quốc tế		2	25D1LAW51106004	40	ELP002	4	5	07g10 - 11g30	B2-406	02/04/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
Luật Thương mại	EN	3	25D1LAW51112902	40	ELP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-506	03/01/25 - 14/03/25	Đổi tg.học
Luật cạnh tranh	EN	2	25D1LAW51113202	40	ELP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	11/04/25 - 16/05/25	Đổi ph.học
Luật tố tụng dân sự		3	25D1LAW51102004	40	ELP002	4	5	12g45 - 17g05	N2-512	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-308	20/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022122	40	ELP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

HP TỰ CHỌN NHÓM 1 [Chọn 1 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng		2	25D1LAW51110001	50	HPTC.I.EL 0.1	7	5	07g10 - 11g30	N2-404	12/04/25 - 17/05/25	
Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý		2	25D1LAW51109901	50	HPTC.I.EL 0.2,PMLL1. K47,PMLL 2.K47	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	31/03/25 - 12/05/25	
Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng		2	25D1LAW51110002	40	HPTC.I.EL P.1	3	5	12g45 - 17g05	N2-512	08/04/25 - 13/05/25	
Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý		2	25D1LAW51109902	40	HPTC.I.EL P.2	4	5	12g45 - 17g05	N2-512	02/04/25 - 14/05/25	

[CT chuẩn] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị công nghệ		2	25D1ARC51205301	35	PM0001,P MLL01.K4 9	6	5	07g10 - 11g30	N2-409	03/01/25 - 21/02/25	
Quản trị tài chính các tổ chức công		3	25D1PUM51200201	35	PM0001,P MLL01.K4 9	6	5	07g10 - 11g30	N2-409	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022129	35	PM0001,P MLL01.K4 9	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Hành vi tổ chức các tổ chức công		3	25D1PUM51200301	45	PM0001,P MP001,PM LL01.K49	4	5	12g45 - 17g05	N2-312	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-308	24/02/25	
Kế toán công		3	25D1ACC50706502	45	PM0001,P MP001,PM LL01.K49	4	5	07g10 - 11g30	N2-403	08/01/25 - 12/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-308	17/02/25	
Luật và chính sách công		3	25D1LAW51106701	45	PM0001,P MP001,PM LL01.K49	4	5	07g10 - 11g30	N2-403	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N2-311	24/03/25	
Quản trị chiến lược các tổ chức công		3	25D1PUM51200701	45	PM0001,P MP001,PM LL01.K49	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	17/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-312	19/03/25 - 14/05/25	
Quản trị công nghệ	EN	2	25D1PUM51207301	15	PMP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-506	02/01/25 - 20/02/25	
Quản trị tài chính các tổ chức công	EN	3	25D1PUM51207401	15	PMP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-506	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022130	15	PMP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

PMLL01 K49 học chung HP Các học thuyết pháp lý với lớp HP 25D1LAW51100401

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25D1MAT50800401	50	PF0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-410	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-301	04/03/25	
Ngân hàng thương mại		3	25D1BAN50600603	50	PF0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-408	02/01/25 - 06/03/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-301	25/02/25	
Ngân sách và tài chính Chính phủ		3	25D1PUF50400601	50	PF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-404	04/01/25 - 15/03/25	
Quản lý khu vực Công		3	25D1PUF50400401	50	PF0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-408	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022125	50	PF0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25D1FIN50500103	50	PF0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-410	13/03/25 - 15/05/25	
Kinh tế lượng		3	25D1MAT50800402	50	PF0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-410	03/01/25 - 14/03/25	
Ngân hàng thương mại		3	25D1BAN50600604	50	PF0002	6	5	07g45 - 12g05	N2-408	03/01/25 - 14/03/25	
Ngân sách và tài chính Chính phủ		3	25D1PUF50400602	50	PF0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-312	06/01/25 - 10/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-203	05/03/25	
Quản lý khu vực Công		3	25D1PUF50400402	50	PF0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	22/03/25 - 17/05/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022126	50	PF0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25D1FIN50500104	50	PF0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-410	21/03/25 - 16/05/25	

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701120	55	TA0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-409	22/03/25 - 17/05/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719610	55	TA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-502	04/01/25 - 15/03/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50713201	55	TA0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-502	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022127	55	TA0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thuế trực thu		3	25D1TAX50407501	55	TA0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-302	18/03/25 - 13/05/25	
Tài chính Công		3	25D1PUF50400201	55	TA0001,P MLL1.K48	7	5	07g10 - 11g30	N2-409	04/01/25 - 15/03/25	
Kế toán quản trị		3	25D1ACC50701121	55	TA0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	11/04/25	
Kế toán tài chính theo IFRS		3	25D1ACC50719611	55	TA0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-312	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-501	10/01/25	
Kiểm toán căn bản		3	25D1ACC50713202	55	TA0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-312	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022128	55	TA0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Tài chính Công		3	25D1PUF50400202	55	TA0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-501	17/01/25	
Thuế trực thu		3	25D1TAX50407502	55	TA0002	4	5	07g10 - 11g30	N2-309	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	28/03/25	

[CT chuẩn] NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ KHÓA 49 ĐHCQ + [CT SN TH] SONG NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ VÀ LUẬT & QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu		3	25D1ECO50101101	35	CT0001,CTLL01.K49	6	5	07g10 - 11g30	A319	03/01/25 - 14/03/25	
Logic học		3	25D1PHI51001401	35	CT0001,CTLL01.K49	2	5	12g45 - 17g05	A319	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A211	07/05/25	
Lịch sử các học thuyết kinh tế		3	25D1PHI51000901	35	CT0001,CTLL01.K49	6	5	12g45 - 17g05	A319	21/03/25 - 16/05/25	
Phân tích chính sách công		3	25D1PUF50401002	35	CT0001,CTLL01.K49	6	5	07g10 - 11g30	A319	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535022104	35	CT0001,CTLL01.K49	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Triết học - phần CN duy vật lịch sử		3	25D1PHI51000801	35	CT0001,CTLL01.K49	6	5	12g45 - 17g05	A319	03/01/25 - 14/03/25	

CTLL01 K49 học chung HP Luật dân sự 1 với lớp HP 25D1LAW51100501

CTLL01 K49 học chung HP Khoa học dữ liệu với lớp HP 25D1INF50905907

[CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI KHÓA 49 ĐHCQ + [CT chuẩn] SONG NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI VÀ QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH KHÓA 49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing căn bản - EN	EN	3	25D1MAR50316101	55	AV0001	4	5	12g45 - 17g05	A303	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	A303	01/03/25	
Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa		3	25D1ENG51306901	55	AV0001,A VTS01.K49	5	5	07g10 - 11g30	N2-410	13/03/25 - 15/05/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 2		3	25D1ENG51314701	55	AV0001,A VTS01.K49	2	5	07g10 - 11g30	A303	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	15/02/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 2		3	25D1ENG51314801	55	AV0001,A VTS01.K49	4	5	07g10 - 11g30	A212	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	22/02/25	
Ngữ âm - Âm vị học		3	25D1ENG51314401	55	AV0001,A VTS01.K49	3	5	07g10 - 11g30	A201	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502201	55	AV0001,A VTS01.K49	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa		3	25D1ENG51306902	55	AV0002	3	5	07g10 - 11g30	A313	18/03/25 - 13/05/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 2		3	25D1ENG51314702	55	AV0002	2	5	12g45 - 17g05	A314	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A104a	01/03/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 2		3	25D1ENG51314802	55	AV0002	4	5	12g45 - 17g05	A201	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A104a	08/03/25	
Marketing căn bản - EN	EN	3	25D1MAR50316102	55	AV0002	4	5	07g10 - 11g30	A309	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A104a	15/03/25	
Ngữ âm - Âm vị học		3	25D1ENG51314402	55	AV0002	3	5	12g45 - 17g05	A211	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502202	55	AV0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa		3	25D1ENG51306903	55	AV0003	3	5	12g45 - 17g05	A303	18/03/25 - 13/05/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 2		3	25D1ENG51314703	55	AV0003	2	5	07g10 - 11g30	A314	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	15/03/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 2		3	25D1ENG51314803	55	AV0003	5	5	07g10 - 11g30	A313	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	04/01/25	
Marketing căn bản - EN	EN	3	25D1MAR50316103	55	AV0003	5	5	12g45 - 17g05	A210	02/01/25 - 06/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A303	08/03/25	
Ngữ âm - Âm vị học		3	25D1ENG51314403	55	AV0003	4	5	07g10 - 11g30	A210	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	A302	10/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502203	55	AV0003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

AVTS01 K49 học chung HP Kinh tế vi mô với lớp HP 25D1ECO50100106

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Văn hóa Anh - Mỹ		3	25D1ENG51306801	55	HPTC.I.AV .1,AVTS01. K49	6	5	07g10 - 11g30	A313	21/03/25 - 16/05/25	Đổi ph.học
Văn hóa Anh - Mỹ		3	25D1ENG51306802	55	HPTC.I.AV .2	6	5	12g45 - 17g05	A210	21/03/25 - 16/05/25	
Văn học Anh - Mỹ		3	25D1ENG51315201	55	HPTC.I.AV .3	6	5	07g10 - 11g30	A303	21/03/25 - 16/05/25	

LỊCH HỌC HP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002608	100	K49.LSD.0 01	2	5	07g45 - 12g05	N2-305	31/03/25 - 12/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002609	100	K49.LSD.0 02	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	31/03/25 - 12/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002610	100	K49.LSD.0 03	3	5	07g45 - 12g05	N2-305	08/04/25 - 13/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002611	100	K49.LSD.0 04	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	08/04/25 - 13/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002612	100	K49.LSD.0 05	4	5	07g45 - 12g05	N2-305	02/04/25 - 14/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002613	100	K49.LSD.0 06	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	02/04/25 - 14/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002614	100	K49.LSD.0 07	5	5	07g45 - 12g05	N2-305	03/04/25 - 15/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002615	100	K49.LSDM .008	5	5	12g45 - 17g05	N2-305	03/04/25 - 15/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002616	100	K49.LSD.0 09	6	5	07g45 - 12g05	N2-305	11/04/25 - 16/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002617	100	K49.LSDM .010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	11/04/25 - 16/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002618	100	K49.LSD.0 11	7	5	07g45 - 12g05	N2-305	12/04/25 - 17/05/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002619	100	K49.LSD.0 12	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	12/04/25 - 17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002620	100	K49.LSD.0 13bs	2	5	07g45 - 12g05	N2-505	31/03/25 - 12/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002621	100	K49.LSD.0 14bs	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	31/03/25 - 12/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002622	100	K49.LSD.0 15bs	3	5	07g45 - 12g05	N2-505	08/04/25 - 13/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002623	100	K49.LSD.0 16bs	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	08/04/25 - 13/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002624	100	K49.LSD.0 17bs	4	5	07g45 - 12g05	N2-505	02/04/25 - 14/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002625	100	K49.LSD.0 18bs	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	02/04/25 - 14/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002626	100	K49.LSD.0 19bs	5	5	07g45 - 12g05	N2-505	03/04/25 - 15/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002627	100	K49.LSD.0 20bs	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	03/04/25 - 15/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002628	100	K49.LSD.0 21bs	6	5	07g45 - 12g05	N2-505	11/04/25 - 16/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002629	100	K49.LSD.0 22bs	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	11/04/25 - 16/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002630	100	K49.LSD.0 23bs	7	5	07g45 - 12g05	N2-505	12/04/25 - 17/05/25	Bổ sung
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25D1HIS51002631	100	K49.LSD.0 24bs	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	12/04/25 - 17/05/25	Bổ sung

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005901	50	K49.TDTK. 001	2	5	07g10 - 11g30	N1-601	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005902	50	K49.TDTK. 002	2	5	12g45 - 17g05	N1-601	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005903	50	K49.TDTK. 003	3	5	07g10 - 11g30	N1-601	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005926	50	K49.TDTK. 004	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005927	50	K49.TDTK. 005	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	08/01/25 - 26/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005928	50	K49.TDTK. 006	4	5	12g45 - 17g05	N1-601	08/01/25 - 26/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005929	50	K49.TDTK. 007	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005930	50	K49.TDTK. 008	5	5	12g45 - 17g05	N1-601	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005931	50	K49.TDTK. 009	6	5	07g10 - 11g30	N1-601	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005932	50	K49.TDTK. 010	6	5	12g45 - 17g05	N1-601	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005933	50	K49.TDTK. 011	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	04/01/25 - 22/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005934	50	K49.TDTK. 012	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	04/01/25 - 22/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005935	50	K49.TDTK. 013	2	5	07g10 - 11g30	N1-601	03/03/25 - 14/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005936	50	K49.TDTK. 014	2	5	12g45 - 17g05	N1-601	03/03/25 - 14/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005937	50	K49.TDTK. 015	3	5	07g10 - 11g30	N1-601	04/03/25 - 08/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005938	50	K49.TDTK. 016	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	04/03/25 - 08/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005939	50	K49.TDTK. 017	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005940	50	K49.TDTK. 018	4	5	12g45 - 17g05	N1-601	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005941	50	K49.TDTK. 019	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005942	50	K49.TDTK. 020	5	5	12g45 - 17g05	N1-601	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005943	50	K49.TDTK. 021	6	5	07g10 - 11g30	N1-601	28/02/25 - 04/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005944	50	K49.TDTK. 022	6	5	12g45 - 17g05	N1-601	28/02/25 - 04/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005945	50	K49.TDTK. 023	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	01/03/25 - 05/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005946	50	K49.TDTK. 024	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	01/03/25 - 05/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005947	50	K49.TDTK. 025	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005948	50	K49.TDTK. 026	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005949	50	K49.TDTK. 027	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005950	50	K49.TDTK. 028	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005951	50	K49.TDTK. 029	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	08/01/25 - 26/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005952	50	K49.TDTK. 030	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	08/01/25 - 26/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005953	50	K49.TDTK. 031	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005954	50	K49.TDTK. 032	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005955	50	K49.TDTK. 033	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005956	50	K49.TDTK. 034	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005957	50	K49.TDTK. 035	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005958	50	K49.TDTK. 036	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	04/01/25 - 22/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005959	50	K49.TDTK. 037	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	03/03/25 - 14/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005960	50	K49.TDTK. 038	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	03/03/25 - 14/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005961	50	K49.TDTK. 039	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	04/03/25 - 08/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005962	50	K49.TDTK. 040	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	04/03/25 - 08/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005963	50	K49.TDTK. 041	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005964	50	K49.TDTK. 042	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005965	50	K49.TDTK. 043	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005966	50	K49.TDTK. 044	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005967	50	K49.TDTK. 045	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	28/02/25 - 04/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005968	50	K49.TDTK. 046	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	28/02/25 - 04/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005969	50	K49.TDTK. 047	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	01/03/25 - 05/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005970	50	K49.TDTK. 048	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005971	50	K49.TDTK. 049	2	5	07g10 - 11g30	N1-701	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005972	50	K49.TDTK. 050	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	06/01/25 - 24/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005973	50	K49.TDTK. 051	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005974	50	K49.TDTK. 052	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	07/01/25 - 25/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005975	50	K49.TDTK. 053	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	08/01/25 - 26/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005976	50	K49.TDTK. 054	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	08/01/25 - 26/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005977	50	K49.TDTK. 055	5	5	07g10 - 11g30	N1-701	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005978	50	K49.TDTK. 056	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	02/01/25 - 20/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005979	50	K49.TDTK. 057	6	5	07g10 - 11g30	N1-701	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005980	50	K49.TDTK. 058	6	5	12g45 - 17g05	N1-701	03/01/25 - 21/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005981	50	K49.TDTK. 059	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	04/01/25 - 22/02/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005982	50	K49.TDTK. 060	7	5	12g45 - 17g05	N1-701	04/01/25 - 22/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005983	50	K49.TDTK. 061	2	5	07g10 - 11g30	N1-701	03/03/25 - 14/04/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005984	50	K49.TDTK. 062	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	03/03/25 - 14/04/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005985	50	K49.TDTK. 063	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	04/03/25 - 08/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005986	50	K49.TDTK. 064	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	04/03/25 - 08/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005987	50	K49.TDTK. 065	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005988	50	K49.TDTK. 066	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	05/03/25 - 09/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005989	50	K49.TDTK. 067	5	5	07g10 - 11g30	N1-701	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005990	50	K49.TDTK. 068	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	27/02/25 - 03/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005991	50	K49.TDTK. 069	6	5	07g10 - 11g30	N1-701	28/02/25 - 04/04/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005992	50	K49.TDTK. 070	6	5	12g45 - 17g05	N1-701	28/02/25 - 04/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005993	50	K49.TDTK. 071	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005994	50	K49.TDTK. 072	7	5	12g45 - 17g05	N1-701	01/03/25 - 05/04/25	Hủy

LỊCH HỌC HP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000406	90	K49.TTHC M.001	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	06/01/25 - 24/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000407	90	K49.TTHC M.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	06/01/25 - 24/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000408	90	K49.TTHC M.003	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	07/01/25 - 25/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000409	90	K49.TTHC M.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	07/01/25 - 25/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000410	90	K49.TTHC M.005	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	08/01/25 - 26/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000411	90	K49.TTHC M.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	08/01/25 - 26/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000412	90	K49.TTHC M.007	5	5	07g45 - 12g05	N2-205	02/01/25 - 20/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000413	90	K49.TTHC M.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-205	02/01/25 - 20/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000414	90	K49.TTHC M.009	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	03/01/25 - 21/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000415	90	K49.TTHC M.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	03/01/25 - 21/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000416	90	K49.TTHC M.011	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/01/25 - 22/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000417	90	K49.TTHC M.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/01/25 - 22/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000418	90	K49.TTHC M.013	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	31/03/25 - 12/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000419	90	K49.TTHC M.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	31/03/25 - 12/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000420	90	K49.TTHC M.015	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	08/04/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000421	90	K49.TTHC M.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	08/04/25 - 13/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000422	90	K49.TTHC M.017	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	02/04/25 - 14/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000423	90	K49.TTHC M.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	02/04/25 - 14/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000424	90	K49.TTHC M.019	5	5	07g45 - 12g05	N2-205	03/04/25 - 15/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000425	90	K49.TTHC M.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-205	03/04/25 - 15/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000426	90	K49.TTHC M.021	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	11/04/25 - 16/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000427	90	K49.TTHC M.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	11/04/25 - 16/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000428	90	K49.TTHC M.023	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	12/04/25 - 17/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000429	90	K49.TTHC M.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	12/04/25 - 17/05/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000430	90	K49.TTHC M.025	2	5	07g45 - 12g05	N2-305	06/01/25 - 24/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000431	90	K49.TTHC M.026	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	06/01/25 - 24/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000432	90	K49.TTHC M.027	3	5	07g45 - 12g05	N2-305	07/01/25 - 25/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000433	90	K49.TTHC M.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	07/01/25 - 25/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000434	90	K49.TTHC M.029	4	5	07g45 - 12g05	N2-305	08/01/25 - 26/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000435	90	K49.TTHC M.030	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	08/01/25 - 26/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000436	90	K49.TTHC M.031	5	5	07g45 - 12g05	N2-305	02/01/25 - 20/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000437	90	K49.TTHC M.032	5	5	12g45 - 17g05	N2-305	02/01/25 - 20/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000438	90	K49.TTHC M.033	6	5	07g45 - 12g05	N2-305	03/01/25 - 21/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000439	90	K49.TTHC M.034	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	03/01/25 - 21/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000440	90	K49.TTHC M.035	7	5	07g45 - 12g05	N2-305	04/01/25 - 22/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000441	90	K49.TTHC M.036	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/01/25 - 22/02/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000442	90	K49.TTHC M.037bs	2	5	07g45 - 12g05	N2-507	31/03/25 - 12/05/25	Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000443	90	K49.TTHC M.038bs	2	5	12g45 - 17g05	N2-507	31/03/25 - 12/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000444	90	K49.TTHC M.039bs	3	5	07g45 - 12g05	N2-507	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000445	90	K49.TTHC M.040bs	3	5	12g45 - 17g05	N2-507	08/04/25 - 13/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000446	90	K49.TTHC M.041bs	4	5	07g45 - 12g05	N2-507	02/04/25 - 14/05/25	Bổ sung
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000447	90	K49.TTHC M.042bs	4	5	12g45 - 17g05	N2-507	02/04/25 - 14/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000448	90	K49.TTHC M.043bs	5	5	07g45 - 12g05	N2-507	03/04/25 - 15/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000449	90	K49.TTHC M.044bs	5	5	12g45 - 17g05	N2-507	03/04/25 - 15/05/25	Bổ sung
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000450	90	K49.TTHC M.045bs	6	5	07g45 - 12g05	N2-507	11/04/25 - 16/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000451	90	K49.TTHC M.046bs	6	5	12g45 - 17g05	N2-507	11/04/25 - 16/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000452	90	K49.TTHC M.047bs	7	5	07g45 - 12g05	N2-507	12/04/25 - 17/05/25	Bổ sung Hủy
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25D1HCM51000453	90	K49.TTHC M.048bs	7	5	12g45 - 17g05	N2-507	12/04/25 - 17/05/25	Bổ sung Hủy

LỊCH HỌC HP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002521	90	K49.CNXH KH.001	2	5	07g45 - 12g05	N2-407	06/01/25 - 24/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002522	90	K49.CNXH KH.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-407	06/01/25 - 24/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002523	90	K49.CNXH KH.003	3	5	07g45 - 12g05	N2-407	07/01/25 - 25/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002524	90	K49.CNXH KH.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-407	07/01/25 - 25/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002525	90	K49.CNXH KH.005	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	08/01/25 - 26/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002526	90	K49.CNXH KH.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	08/01/25 - 26/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002527	90	K49.CNXH KH.007	5	5	07g45 - 12g05	N2-407	02/01/25 - 20/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002528	90	K49.CNXH KH.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-407	02/01/25 - 20/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002529	90	K49.CNXH KH.009	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	03/01/25 - 21/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002530	90	K49.CNXH KH.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	03/01/25 - 21/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002531	90	K49.CNXH KH.011	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	04/01/25 - 22/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002532	90	K49.CNXH KH.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	04/01/25 - 22/02/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002533	90	K49.CNXH KH.013	2	5	07g45 - 12g05	N2-407	03/03/25 - 14/04/25	Hủy
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002534	90	K49.CNXH KH.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-407	03/03/25 - 14/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002535	90	K49.CNXH KH.015	3	5	07g45 - 12g05	N2-407	04/03/25 - 08/04/25	Hủy
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002536	90	K49.CNXH KH.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-407	04/03/25 - 08/04/25	Hủy
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002537	90	K49.CNXH KH.017	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	05/03/25 - 09/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002538	90	K49.CNXH KH.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	05/03/25 - 09/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002539	90	K49.CNXH KH.019	5	5	07g45 - 12g05	N2-407	27/02/25 - 03/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002540	90	K49.CNXH KH.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-407	27/02/25 - 03/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002541	90	K49.CNXH KH.021	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	28/02/25 - 04/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002542	90	K49.CNXH KH.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	28/02/25 - 04/04/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002543	90	K49.CNXH KH.023	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002544	90	K49.CNXH KH.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	01/03/25 - 05/04/25	Hủy

LỊCH HỌC HP KHOA HỌC DỮ LIỆU_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905910	48	K49.KHDL .001	2	5	07g10 - 11g30	N1-301	06/01/25 - 24/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905911	48	K49.KHDL .002	2	5	12g45 - 17g05	N1-303	06/01/25 - 24/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905912	48	K49.KHDL .003	2	5	12g45 - 17g05	N1-303	31/03/25 - 12/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905913	48	K49.KHDL .004	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	06/01/25 - 24/02/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905914	48	K49.KHDL .005	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	31/03/25 - 12/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905915	48	K49.KHDL .006	3	5	07g10 - 11g30	N1-301	07/01/25 - 25/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905916	48	K49.KHDL .007	3	5	07g10 - 11g30	N1-303	07/01/25 - 25/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905917	48	K49.KHDL .008	3	5	07g10 - 11g30	N1-303	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905918	48	K49.KHDL .009	3	5	07g10 - 11g30	N1-306	07/01/25 - 25/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905919	48	K49.KHDL .010	3	5	07g10 - 11g30	N1-306	08/04/25 - 13/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905920	48	K49.KHDL .011	3	5	12g45 - 17g05	N1-301	07/01/25 - 25/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905921	48	K49.KHDL .012	3	5	12g45 - 17g05	N1-301	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905922	48	K49.KHDL .013	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	07/01/25 - 25/02/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905923	48	K49.KHDL .014	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	08/04/25 - 13/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905924	48	K49.KHDL .015	3	5	12g45 - 17g05	N1-306	08/04/25 - 13/05/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905925	48	K49.KHDL .016	4	5	07g10 - 11g30	N1-301	08/01/25 - 26/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905926	48	K49.KHDL .017	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	08/01/25 - 26/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905927	48	K49.KHDL .018	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	02/04/25 - 14/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905928	48	K49.KHDL .019	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	08/01/25 - 26/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905929	48	K49.KHDL .020	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	02/04/25 - 14/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905930	48	K49.KHDL .021	4	5	12g45 - 17g05	N1-301	08/01/25 - 26/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905931	48	K49.KHDL .022	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	08/01/25 - 26/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905932	48	K49.KHDL .023	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	02/04/25 - 14/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905933	48	K49.KHDL .024	5	5	07g10 - 11g30	N1-303	02/01/25 - 20/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905934	48	K49.KHDL .025	5	5	07g10 - 11g30	N1-303	03/04/25 - 15/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905935	48	K49.KHDL .026	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	02/01/25 - 20/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905936	48	K49.KHDL .027	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	03/04/25 - 15/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905937	48	K49.KHDL .028	5	5	12g45 - 17g05	N1-301	02/01/25 - 20/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905938	48	K49.KHDL .029	5	5	12g45 - 17g05	N1-301	03/04/25 - 15/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905939	48	K49.KHDL .030	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	02/01/25 - 20/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905940	48	K49.KHDL .031	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	03/04/25 - 15/05/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905941	48	K49.KHDL .032	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	02/01/25 - 20/02/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905942	48	K49.KHDL .033	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	03/04/25 - 15/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905943	48	K49.KHDL .034	6	5	07g10 - 11g30	N1-301	11/04/25 - 16/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905944	48	K49.KHDL .035	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	03/01/25 - 21/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905945	48	K49.KHDL .036	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	11/04/25 - 16/05/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905946	48	K49.KHDL .037	6	5	12g45 - 17g05	N1-301	03/01/25 - 21/02/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905947	48	K49.KHDL .038	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	03/01/25 - 21/02/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905948	48	K49.KHDL .039	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	11/04/25 - 16/05/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905949	48	K49.KHDL .040	7	5	12g45 - 17g05	N1-303	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905950	48	K49.KHDL .041	7	5	12g45 - 17g05	N1-303	12/04/25 - 17/05/25	Hủy

LỊCH HỌC HP KỸ NĂNG MỀM_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309545	80	K49.KNM. 001	2	5	07g10 - 11g30	N2-405	06/01/25 - 24/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309546	80	K49.KNM. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	06/01/25 - 24/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309547	80	K49.KNM. 003	3	5	07g10 - 11g30	N2-405	07/01/25 - 25/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309548	80	K49.KNM. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	07/01/25 - 25/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309549	80	K49.KNM. 005	4	5	07g10 - 11g30	N2-405	08/01/25 - 26/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309550	80	K49.KNM. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-405	08/01/25 - 26/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309551	80	K49.KNM. 007	5	5	07g10 - 11g30	N2-405	02/01/25 - 20/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309552	80	K49.KNM. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-405	02/01/25 - 20/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309553	80	K49.KNM. 009	6	5	07g10 - 11g30	N2-405	03/01/25 - 21/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309554	80	K49.KNM. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-405	03/01/25 - 21/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309555	80	K49.KNM. 011	7	5	07g10 - 11g30	N2-405	04/01/25 - 22/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309556	80	K49.KNM. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/01/25 - 22/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309557	80	K49.KNM. 013	2	5	07g10 - 11g30	N2-405	03/03/25 - 14/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309558	80	K49.KNM. 014	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	03/03/25 - 14/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309559	80	K49.KNM. 015	3	5	07g10 - 11g30	N2-405	04/03/25 - 08/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309560	80	K49.KNM. 016	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/03/25 - 08/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309561	80	K49.KNM. 017	4	5	07g10 - 11g30	N2-405	05/03/25 - 09/04/25	Hủy
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309562	80	K49.KNM. 018	4	5	12g45 - 17g05	N2-405	05/03/25 - 09/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309563	80	K49.KNM. 019	5	5	07g10 - 11g30	N2-405	27/02/25 - 03/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309564	80	K49.KNM. 020	5	5	12g45 - 17g05	N2-405	27/02/25 - 03/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309565	80	K49.KNM. 021	6	5	07g10 - 11g30	N2-405	28/02/25 - 04/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309566	80	K49.KNM. 022	6	5	12g45 - 17g05	N2-405	28/02/25 - 04/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309567	80	K49.KNM. 023	7	5	07g10 - 11g30	N2-405	01/03/25 - 05/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309568	80	K49.KNM. 024	7	5	12g45 - 17g05	N2-405	01/03/25 - 05/04/25	Hủy

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122030	100	K49.PTBV. 001	2	5	07g10 - 11g30	N2-505	06/01/25 - 24/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122031	100	K49.PTBV. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	06/01/25 - 24/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122032	100	K49.PTBV. 003	3	5	07g10 - 11g30	N2-505	07/01/25 - 25/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122033	100	K49.PTBV. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	07/01/25 - 25/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122034	100	K49.PTBV. 005	4	5	07g10 - 11g30	N2-505	08/01/25 - 26/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122035	100	K49.PTBV. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	08/01/25 - 26/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122036	100	K49.PTBV. 007	5	5	07g10 - 11g30	N2-505	02/01/25 - 20/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122037	100	K49.PTBV. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	02/01/25 - 20/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122038	100	K49.PTBV. 009	6	5	07g10 - 11g30	N2-505	03/01/25 - 21/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122039	100	K49.PTBV. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	03/01/25 - 21/02/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122040	100	K49.PTBV. 011	7	5	07g10 - 11g30	N2-505	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122041	100	K49.PTBV. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	04/01/25 - 22/02/25	

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC_K49 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326489	50	K49.NMTL H.001	2	5	07g10 - 11g30	N2-508	06/01/25 - 24/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326490	50	K49.NMTL H.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-508	06/01/25 - 24/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326491	50	K49.NMTL H.003	3	5	07g10 - 11g30	N2-508	07/01/25 - 25/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326492	50	K49.NMTL H.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	07/01/25 - 25/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326493	50	K49.NMTL H.005	4	5	07g10 - 11g30	N2-508	08/01/25 - 26/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326494	50	K49.NMTL H.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-508	08/01/25 - 26/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326495	50	K49.NMTL H.007	5	5	07g10 - 11g30	N2-508	02/01/25 - 20/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326496	50	K49.NMTL H.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-508	02/01/25 - 20/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326497	50	K49.NMTL H.009	6	5	07g10 - 11g30	N2-508	03/01/25 - 21/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326498	50	K49.NMTL H.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-508	03/01/25 - 21/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326499	50	K49.NMTL H.011	7	5	07g10 - 11g30	N2-508	04/01/25 - 22/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264100	50	K49.NMTL H.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-508	04/01/25 - 22/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264101	50	K49.NMTL H.013	2	5	07g10 - 11g30	N2-508	31/03/25 - 12/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264102	50	K49.NMTL H.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-508	31/03/25 - 12/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264103	50	K49.NMTL H.015	3	5	07g10 - 11g30	N2-508	08/04/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264104	50	K49.NMTL H.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	08/04/25 - 13/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264105	50	K49.NMTL H.017	4	5	07g10 - 11g30	N2-508	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264106	50	K49.NMTL H.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-508	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264107	50	K49.NMTL H.019	5	5	07g10 - 11g30	N2-508	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264108	50	K49.NMTL H.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-508	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264109	50	K49.NMTL H.021	6	5	07g10 - 11g30	N2-508	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264110	50	K49.NMTL H.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-508	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264111	50	K49.NMTL H.023	7	5	07g10 - 11g30	N2-508	12/04/25 - 17/05/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS503264112	50	K49.NMTL H.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-508	12/04/25 - 17/05/25	Hủy

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)
(DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GDQPAN ĐỢT 1 - TỪ 02/01/2025 ĐẾN 22/01/2025)

	THỜI GIAN	
Học GDQPAN Đợt 1	02/01/2025 – 22/01/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 Bổ sung; Điều chỉnh (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024) CV Kế hoạch học GDQPAN – K50 (Số 238/CV-ĐT ngày 09/09/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học lý thuyết	06/02/2025 – 18/05/2025	
Học online	06/02/2025 – 12/02/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_Học GDQPAN Đợt 1**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	IT0001		
2	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER0001		
3	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI0001		
4	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE0001		
5	KHOA HỌC MÁY TÍNH	CS0001		
6	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001, EE0002	EEP001	
7	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS0001	ASP001	
8	TOÁN TÀI CHÍNH	FM0001		
9	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK0001	TKP001	
10	CÔNG NGHỆ LOGISTICS	LT0001	LTP001	
11	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	RAP001	
12	ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	IC0001	ICP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 1

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
13	KẾ TOÁN CÔNG	KO0001		
14	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0001, KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008		
	SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ	KN0009		
15	KIỂM TOÁN	AU0001, AU0002	AUP001, AUP002	AUF001
16	CÔNG NGHỆ MARKETING	MT0001		
17	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005		
18	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM0001, KM0002, KM0003		
19	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001		
20	QUẢN TRỊ KINH DOANH	BA0001, BA0002, BA0003, BA0004, BA0005, BA0006, BA0007, BA0008, BA0009		
21	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	TS0001, TS0002	TSP001	
22	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	KSP001	
23	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK0001	SKP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 1**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
24	BẤT ĐỘNG SẢN	RE0001, RE0002		
25	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001		
26	KINH TẾ	ECO001		
27	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV0001, IV0002		
28	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR0001, HR0002		
29	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA0001, VA0002		
30	TÀI CHÍNH CÔNG	PF0001		
31	THUẾ	TA0001, TA0002		
32	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG	HQ0001		
33	KINH TẾ CHÍNH TRỊ	CT0001		
34	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001, AV0002, AV0003		

LỊCH HỌC GDQPAN KHÓA 50 ĐHCQ_ĐỢT 1

MÃ LỚP HP	THỜI GIAN HỌC	LỚP SV
25D1SDE59900101	02/01/2025 – 22/01/2025	Như bảng trên

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502004	50	[GDQP1]_ KN0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100201	100	[GDQP1]_ KN0001,K N0002	2	5	07g10 - 11g30	B2-108	10/02/25 - 14/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700101	100	[GDQP1]_ KN0001,K N0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-108	10/02/25 - 14/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800501	100	[GDQP1]_ KN0001,K N0002	6	5	12g45 - 17g05	B2-108	21/03/25 - 16/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002304	100	[GDQP1]_ KN0001,K N0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-108	21/03/25 - 25/04/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	02/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	ONLINE	09/05/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502005	50	[GDQP1]_ KN0002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502006	50	[GDQP1]_ KN0003	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100202	100	[GDQP1]_ KN0003,K N0004	3	5	07g10 - 11g30	B2-108	11/02/25 - 08/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700102	100	[GDQP1]_ KN0003,K N0004	3	5	12g45 - 17g05	B2-108	11/02/25 - 08/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800502	100	[GDQP1]_ KN0003,K N0004	7	5	12g45 - 17g05	B2-108	22/03/25 - 17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002305	100	[GDQP1]_ KN0003,K N0004	7	5	07g10 - 11g30	B2-108	22/03/25 - 26/04/25	
						7	5	07g10 - 11g30	LMS	03/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	ONLINE	10/05/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502007	50	[GDQP1]_ KN0004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502008	50	[GDQP1]_ KN0005	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100203	100	[GDQP1]_ KN0005,K N0006	4	5	07g10 - 11g30	B2-108	12/02/25 - 09/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700103	100	[GDQP1]_ KN0005,K N0006	4	5	12g45 - 17g05	B2-108	12/02/25 - 09/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800503	100	[GDQP1]_ KN0005,K N0006	2	5	12g45 - 17g05	B2-109	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	07/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002306	100	[GDQP1]_ KN0005,K N0006	2	5	07g10 - 11g30	B2-109	17/03/25 - 28/04/25	
						2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	05/05/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	LMS	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502009	50	[GDQP1]_ KN0006	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502010	50	[GDQP1]_ KN0007	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100204	100	[GDQP1]_ KN0007,K N0008	5	5	07g10 - 11g30	B2-108	06/02/25 - 03/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700104	100	[GDQP1]_ KN0007,K N0008	5	5	12g45 - 17g05	B2-108	06/02/25 - 03/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800504	100	[GDQP1]_ KN0007,K N0008	3	5	12g45 - 17g05	B2-109	18/03/25 - 13/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002307	100	[GDQP1]_ KN0007,K N0008	3	5	07g10 - 11g30	B2-109	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	LMS	29/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502011	50	[GDQP1]_ KN0008	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

[CT SN TH] SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502012	50	[GDQP1]_ KN0009	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100205	80	[GDQP1]_ KN0009,K O0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-211	07/02/25 - 04/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700105	80	[GDQP1]_ KN0009,K O0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-211	07/02/25 - 04/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800505	80	[GDQP1]_ KN0009,K O0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-211	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	09/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002308	80	[GDQP1]_ KN0009,K O0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-211	19/03/25 - 23/04/25	
						4	5	07g10 - 11g30	ONLINE	07/05/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502013	55	[GDQP1]_ KO0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502055	45	[GDQP1]_ AU0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100227	85	[GDQP1]_ AU0001,A U0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-212	06/02/25 - 03/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700127	85	[GDQP1]_ AU0001,A U0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-212	06/02/25 - 03/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800522	85	[GDQP1]_ AU0001,A U0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-311	18/03/25 - 13/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002310	85	[GDQP1]_ AU0001,A U0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-310	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	LMS	29/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502056	45	[GDQP1]_ AU0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706901	35	[GDQP1]_ AUP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-407	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502057	35	[GDQP1]_ AUP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100228	70	[GDQP1]_ AUP001,A UP002	6	5	07g10 - 11g30	B1-402	07/02/25 - 04/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800523	70	[GDQP1]_ AUP001,A UP002	4	5	12g45 - 17g05	B1-402	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-402	09/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002311	70	[GDQP1]_ AUP001,A UP002	4	5	07g10 - 11g30	B1-402	19/03/25 - 23/04/25	
						4	5	07g10 - 11g30	ONLINE	07/05/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	16/05/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706902	35	[GDQP1]_ AUP002	2	5	12g45 - 17g05	B1-407	10/02/25 - 14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502058	35	[GDQP1]_ AUP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

[CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109801	50	[GDQP1]_ AUF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-804	10/02/25 - 14/04/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706903	50	[GDQP1]_ AUF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-701	10/02/25 - 14/04/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327201	50	[GDQP1]_ AUF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-408	12/04/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502059	50	[GDQP1]_ AUF001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802901	50	[GDQP1]_ AUF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	21/03/25 - 16/05/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319701	50	[GDQP1]_ AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-803	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-804	12/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002312	50	[GDQP1]_ AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-803	21/03/25 - 25/04/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	02/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	ONLINE	09/05/25 - 16/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002405	100	[GDQP1]_ LM0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-109	12/04/25 - 17/05/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100105	100	[GDQP1]_ LM0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-208	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502022	66	[GDQP1]_ LM0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100210	100	[GDQP1]_ LM0001,M T0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-207	06/02/25 - 03/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700110	100	[GDQP1]_ LM0001,M T0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-207	06/02/25 - 03/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800105	100	[GDQP1]_ LM0001,M T0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-208	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502023	30	[GDQP1]_ MT0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002309	100	[GDQP1]_ MT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-211	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	29/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	
Ứng dụng công nghệ trong marketing		3	25D1MAR50325001	30	[GDQP1]_ MT0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-302	08/02/25 - 05/04/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502014	55	[GDQP1]_I B0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002401	110	[GDQP1]_I B0001,IB00 02	3	5	12g45 - 17g05	B2-108	15/04/25 - 13/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100206	110	[GDQP1]_I B0001,IB00 02	7	5	07g10 - 11g30	B2-109	08/02/25 - 05/04/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100101	110	[GDQP1]_I B0001,IB00 02	5	5	07g10 - 11g30	B2-109	13/03/25 - 15/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700106	110	[GDQP1]_I B0001,IB00 02	7	5	12g45 - 17g05	B2-109	08/02/25 - 05/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800101	110	[GDQP1]_I B0001,IB00 02	5	5	12g45 - 17g05	B2-109	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502015	55	[GDQP1]_I B0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502016	55	[GDQP1]_I B0003	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin	2	2	25D1POL51002402	110	[GDQP1]_I B0003,IB00 04	4	5	07g10 - 11g30	B2-109	09/04/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	12/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100207	110	[GDQP1]_I B0003,IB00 04	2	5	12g45 - 17g05	B2-207	10/02/25 - 14/04/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100102	110	[GDQP1]_I B0003,IB00 04	6	5	12g45 - 17g05	B2-109	21/03/25 - 16/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700107	110	[GDQP1]_I B0003,IB00 04	2	5	07g10 - 11g30	B2-207	10/02/25 - 14/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800102	110	[GDQP1]_I B0003,IB00 04	6	5	07g10 - 11g30	B2-109	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502017	55	[GDQP1]_I B0004	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502018	55	[GDQP1]_I B0005	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin	2	2	25D1POL51002403	110	[GDQP1]_I B0005,KM 0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-108	10/04/25 - 15/05/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-207	13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100208	110	[GDQP1]_I B0005,KM 0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-207	11/02/25 - 08/04/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100103	110	[GDQP1]_I B0005,KM 0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-207	22/03/25 - 17/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700108	110	[GDQP1]_I B0005,KM 0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-207	11/02/25 - 08/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800103	110	[GDQP1]_I B0005,KM 0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-207	22/03/25 - 17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502019	45	[GDQP1]_ KM0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502020	45	[GDQP1]_ KM0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100209	85	[GDQP1]_ KM0002,K M0003	4	5	12g45 - 17g05	B2-207	12/02/25 - 09/04/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100104	85	[GDQP1]_ KM0002,K M0003	2	5	12g45 - 17g05	B2-208	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-207	14/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700109	85	[GDQP1]_ KM0002,K M0003	4	5	07g10 - 11g30	B2-207	12/02/25 - 09/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800104	85	[GDQP1]_ KM0002,K M0003	2	5	07g10 - 11g30	B2-208	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-207	07/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502021	45	[GDQP1]_ KM0003	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002404	85	[GDQP1]_ KM0002,K M0003	6	5	07g10 - 11g30	B2-207	11/04/25 - 16/05/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ
[CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502028	46	[GDQP1]_ BA0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002408	95	[GDQP1]_ BA0001,B A0002	4	5	12g45 - 17g05	B2-108	16/04/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-212	09/05/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100213	95	[GDQP1]_ BA0001,B A0002	2	5	07g10 - 11g30	B2-211	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	09/05/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100106	95	[GDQP1]_ BA0001,B A0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-212	07/02/25 - 04/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700113	95	[GDQP1]_ BA0001,B A0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-211	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	16/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800508	95	[GDQP1]_ BA0001,B A0002	6	5	12g45 - 17g05	B2-212	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502029	46	[GDQP1]_ BA0002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502030	46	[GDQP1]_ BA0003	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002409	95	[GDQP1]_ BA0003,B A0004	5	5	12g45 - 17g05	B2-108	10/04/25 - 15/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100214	95	[GDQP1]_ BA0003,B A0004	3	5	07g10 - 11g30	B2-211	18/03/25 - 13/05/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100107	95	[GDQP1]_ BA0003,B A0004	7	5	07g10 - 11g30	B2-211	08/02/25 - 05/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700114	95	[GDQP1]_ BA0003,B A0004	3	5	12g45 - 17g05	B2-212	18/03/25 - 13/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800509	95	[GDQP1]_ BA0003,B A0004	7	5	12g45 - 17g05	B2-211	08/02/25 - 05/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502031	46	[GDQP1]_ BA0004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502032	46	[GDQP1]_ BA0005	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002410	95	[GDQP1]_ BA0005,B A0006	6	5	12g45 - 17g05	B2-211	11/04/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100215	95	[GDQP1]_ BA0005,B A0006	4	5	07g10 - 11g30	B2-212	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-212	05/05/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100108	95	[GDQP1]_ BA0005,B A0006	2	5	07g10 - 11g30	B2-212	10/02/25 - 14/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700115	95	[GDQP1]_ BA0005,B A0006	4	5	12g45 - 17g05	B2-212	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-212	12/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800510	95	[GDQP1]_ BA0005,B A0006	2	5	12g45 - 17g05	B2-212	10/02/25 - 14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502033	46	[GDQP1]_ BA0006	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502034	46	[GDQP1]_ BA0007	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002411	95	[GDQP1]_ BA0007,B A0008	7	5	12g45 - 17g05	B2-109	12/04/25 - 17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100216	95	[GDQP1]_ BA0007,B A0008	5	5	07g10 - 11g30	B2-211	13/03/25 - 15/05/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100109	95	[GDQP1]_ BA0007,B A0008	3	5	07g10 - 11g30	B2-212	11/02/25 - 08/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700116	95	[GDQP1]_ BA0007,B A0008	5	5	12g45 - 17g05	B2-211	13/03/25 - 15/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800511	95	[GDQP1]_ BA0007,B A0008	3	5	12g45 - 17g05	B2-307	11/02/25 - 08/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502035	46	[GDQP1]_ BA0008	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100110	95	[GDQP1]_ BA0009	4	5	07g10 - 11g30	B2-307	12/02/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502036	46	[GDQP1]_ BA0009	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002412	95	[GDQP1]_ BA0009,TS P001	2	5	12g45 - 17g05	B2-307	14/04/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-307	14/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100217	95	[GDQP1]_ BA0009,TS P001	6	5	07g10 - 11g30	B2-307	21/03/25 - 16/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700117	95	[GDQP1]_ BA0009,TS P001	6	5	12g45 - 17g05	B2-307	21/03/25 - 16/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800512	95	[GDQP1]_ BA0009,TS P001	4	5	12g45 - 17g05	B2-307	12/02/25 - 09/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502042	50	[GDQP1]_ TS0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002415	100	[GDQP1]_ TS0001,TS 0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-207	10/04/25 - 15/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-208	17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100220	100	[GDQP1]_ TS0001,TS 0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-308	18/03/25 - 13/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309511	100	[GDQP1]_ TS0001,TS 0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-207	08/02/25 - 15/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700120	100	[GDQP1]_ TS0001,TS 0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-307	18/03/25 - 13/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800515	100	[GDQP1]_ TS0001,TS 0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-208	08/02/25 - 05/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502043	50	[GDQP1]_ TS0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309508	50	[GDQP1]_ TSP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-109	12/02/25 - 19/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502037	50	[GDQP1]_ TSP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502038	35	[GDQP1]_ KS0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002413	70	[GDQP1]_ KS0001,KS P001	3	5	12g45 - 17g05	A201	08/04/25 - 13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100218	70	[GDQP1]_ KS0001,KS P001	7	5	07g10 - 11g30	A104a	22/03/25 - 17/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309509	70	[GDQP1]_ KS0001,KS P001	5	5	07g10 - 11g30	A201	06/02/25 - 13/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700118	70	[GDQP1]_ KS0001,KS P001	7	5	12g45 - 17g05	A104a	22/03/25 - 17/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800513	70	[GDQP1]_ KS0001,KS P001	5	5	12g45 - 17g05	A201	06/02/25 - 03/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502039	35	[GDQP1]_ KSP001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502040	65	[GDQP1]_ SK0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002414	88	[GDQP1]_ SK0001,SK P001	4	5	07g10 - 11g30	A302	09/04/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A302	02/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100219	88	[GDQP1]_ SK0001,SK P001	2	5	12g45 - 17g05	A302	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A302	09/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309510	88	[GDQP1]_ SK0001,SK P001	6	5	12g45 - 17g05	A302	07/02/25 - 14/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700119	88	[GDQP1]_ SK0001,SK P001	2	5	07g10 - 11g30	A302	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	A302	16/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800514	88	[GDQP1]_ SK0001,SK P001	6	5	07g10 - 11g30	A302	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502041	25	[GDQP1]_ SKP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25D1INF50900702	52	[GDQP1]_I T0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-507	12/02/25 - 09/04/25	Đôi ph.học
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900605	52	[GDQP1]_I T0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-511	22/03/25 - 17/05/25	
Kiến trúc máy tính và hệ điều hành		3	25D1INF50911602	52	[GDQP1]_I T0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-507	06/02/25 - 03/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309518	52	[GDQP1]_I T0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-211	12/04/25 - 17/05/25	
Luật công nghệ thông tin		3	25D1LAW51112602	52	[GDQP1]_I T0001	3	5	07g10 - 11g30	A314	11/02/25 - 08/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502066	52	[GDQP1]_I T0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002317	52	[GDQP1]_I T0001	3	5	12g45 - 17g05	A314	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	29/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502060	60	[GDQP1]_ BI0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100229	110	[GDQP1]_ BI0001,ER 0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-307	08/02/25 - 05/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700128	110	[GDQP1]_ BI0001,ER 0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-307	08/02/25 - 05/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800106	110	[GDQP1]_ BI0001,ER 0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-307	20/03/25 - 15/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	10/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002313	110	[GDQP1]_ BI0001,ER 0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-310	20/03/25 - 24/04/25	
						5	5	07g10 - 11g30	ONLINE	08/05/25 - 15/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	LMS	17/05/25	
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900301	30	[GDQP1]_ BI0001.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-101	18/03/25 - 13/05/25	
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900302	30	[GDQP1]_ BI0001.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-102	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900303	50	[GDQP1]_ ER0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-102	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-102	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502061	50	[GDQP1]_ ER0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

[CT TV] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900308	50	[GDQP1]_ SE0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-512	10/02/25 - 14/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100232	50	[GDQP1]_ SE0001	6	5	12g45 - 17g05	A314	07/02/25 - 04/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309519	50	[GDQP1]_ SE0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-202	31/03/25 - 12/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700131	50	[GDQP1]_ SE0001	6	5	07g10 - 11g30	A314	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502067	50	[GDQP1]_ SE0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800109	50	[GDQP1]_ SE0001	4	5	07g10 - 11g30	A314	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A314	09/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002318	50	[GDQP1]_ SE0001	4	5	12g45 - 17g05	A314	19/03/25 - 23/04/25	
						4	5	12g45 - 17g05	ONLINE	07/05/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	LMS	16/05/25	

[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25D1INF50900701	60	[GDQP1]_ CS0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-507	10/02/25 - 14/04/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900604	60	[GDQP1]_ CS0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-508	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						2	5	12g45 - 17g05	B2-507	12/05/25	
Kiến trúc máy tính và hệ điều hành		3	25D1INF50911601	60	[GDQP1]_ CS0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-507	10/02/25 - 14/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309517	60	[GDQP1]_ CS0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-109	02/04/25 - 14/05/25	
Luật công nghệ thông tin		3	25D1LAW51112601	60	[GDQP1]_ CS0001	6	5	07g10 - 11g30	A201	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502062	60	[GDQP1]_ CS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002314	60	[GDQP1]_ CS0001	6	5	12g45 - 17g05	A201	21/03/25 - 25/04/25	
						6	5	12g45 - 17g05	LMS	02/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	ONLINE	09/05/25 - 16/05/25	

[CT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900304	33	[GDQP1]_ EE0.1	4	5	12g45 - 17g05	B2-102	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-508	16/05/25	
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900305	33	[GDQP1]_ EE0.2	5	5	07g10 - 11g30	B2-512	13/03/25 - 15/05/25	
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900306	33	[GDQP1]_ EE0.3	5	5	12g45 - 17g05	B2-102	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502063	60	[GDQP1]_ EE0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100230	110	[GDQP1]_ EE0001,EE 0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-407	11/02/25 - 08/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700129	110	[GDQP1]_ EE0001,EE 0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-311	11/02/25 - 08/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800107	110	[GDQP1]_ EE0001,EE 0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-310	22/03/25 - 17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002315	110	[GDQP1]_ EE0001,EE 0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-310	22/03/25 - 26/04/25	
						7	5	12g45 - 17g05	LMS	03/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	ONLINE	10/05/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502064	60	[GDQP1]_ EE0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900307	35	[GDQP1]_ EEP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-101	07/02/25 - 04/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100231	40	[GDQP1]_ EEP001	4	5	12g45 - 17g05	A315	12/02/25 - 09/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700130	40	[GDQP1]_ EEP001	4	5	07g10 - 11g30	A315	12/02/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502065	40	[GDQP1]_ EEP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800108	40	[GDQP1]_ EEP001	2	5	07g10 - 11g30	A315	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A315	14/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002316	40	[GDQP1]_ EEP001	2	5	12g45 - 17g05	A315	17/03/25 - 28/04/25	
						2	5	12g45 - 17g05	ONLINE	05/05/25 - 12/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	LMS	07/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lý thuyết xác suất		3	25D1MAT50803301	50	[GDQP1]_ AS0001	7	5	07g10 - 11g30	A401	22/03/25 - 17/05/25	
Giải tích 2		3	25D1MAT50803501	75	[GDQP1]_ AS0001,AS P001	5	5	07g10 - 11g30	A302	06/02/25 - 03/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100233	75	[GDQP1]_ AS0001,AS P001	3	5	12g45 - 17g05	A401	11/02/25 - 08/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700132	75	[GDQP1]_ AS0001,AS P001	3	5	07g10 - 11g30	A302	11/02/25 - 08/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502068	75	[GDQP1]_ AS0001,AS P001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002319	75	[GDQP1]_ AS0001,AS P001	5	5	12g45 - 17g05	A313	13/03/25 - 17/04/25	
						5	5	12g45 - 17g05	LMS	24/04/25	
						5	5	12g45 - 17g05	ONLINE	08/05/25 - 15/05/25	
Lý thuyết xác suất	EN	3	25D1MAT50808301	30	[GDQP1]_ ASP001	7	5	12g45 - 17g05	A401	22/03/25 - 17/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giải tích 2		3	25D1MAT50803502	55	[GDQP1]_ FM0001	6	5	12g45 - 17g05	A302	21/03/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100234	55	[GDQP1]_ FM0001	2	5	07g10 - 11g30	A201	10/02/25 - 14/04/25	
Lý thuyết xác suất		3	25D1MAT50803302	55	[GDQP1]_ FM0001	4	5	07g10 - 11g30	A201	12/02/25 - 09/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700133	55	[GDQP1]_ FM0001	2	5	12g45 - 17g05	A201	10/02/25 - 14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502069	55	[GDQP1]_ FM0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002320	55	[GDQP1]_ FM0001	6	5	07g10 - 11g30	A211	21/03/25 - 25/04/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	02/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	ONLINE	09/05/25 - 16/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THÔNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THÔNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100235	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	3	5	07g10 - 11g30	A210	11/02/25 - 08/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309520	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	5	5	12g45 - 17g05	A201	10/04/25 - 15/05/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A210	13/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700134	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	3	5	12g45 - 17g05	A210	11/02/25 - 08/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502070	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800601	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	7	5	12g45 - 17g05	A314	22/03/25 - 17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002321	50	[GDQP1]_ TK0001,TK P001	7	5	07g10 - 11g30	A114	22/03/25 - 26/04/25	
						7	5	07g10 - 11g30	LMS	03/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	ONLINE	10/05/25 - 17/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TA BP]** CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TV]** CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TA BP]** CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TV]** CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TA BP]** CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ

CÁC LỚP HỌC PHẦN DÀNH CHO SV ĐĂNG KÝ THAM GIA HỌC TẬP TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA LIÊN HỢP, ĐÀI LOAN

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn lao động và môi trường công nghiệp		3	25D1INT54710002	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ kỹ thuật 1		3	25D1INT54701003	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Hệ thống tự động		3	25D1INT54702504	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Kinh tế kỹ thuật		3	25D1INT54700501	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Kỹ thuật chế tạo		3	25D1INT54701603	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700307	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Toán dành cho kỹ sư		3	25D1INT54700403	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Trí tuệ nhân tạo		3	25D1INT54702203	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Vật lý 2		3	25D1INT54700204	50	[HKNN_Ta iwan]_RA. LT.IC.01	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đài Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ kỹ thuật 1	EN	3	25D1INT54707702	50	[HKNN_Ta iwan]_RAP .LTP.ICP.0 1	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đà Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Kinh tế kỹ thuật	EN	3	25D1INT54707201	50	[HKNN_Ta iwan]_RAP .LTP.ICP.0 1	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đà Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Toán dành cho kỹ sư	EN	3	25D1INT54707102	50	[HKNN_Ta iwan]_RAP .LTP.ICP.0 1	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đà Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					
Trí tuệ nhân tạo	EN	3	25D1INT54706802	50	[HKNN_Ta iwan]_RAP .LTP.ICP.0 1	Học tại Đại học Quốc gia Liên hợp, Đà Loan theo Kế hoạch của Viện Công nghệ thông minh và tương tác					

CÁC LỚP HỌC PHẦN DÀNH CHO SV ĐĂNG KÝ THAM GIA HỌC TẬP TẠI ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn lao động và môi trường công nghiệp		3	25D1INT54710001	50	[GDQP1]_I C0.ICP.002	5	5	12g45 - 17g05	B2-310	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020156	50	[GDQP1]_I C0001,ICP 001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020155	50	[GDQP1]_ LT0001,LT P001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ thuật số		3	25D1INT54701301	50	[GDQP1]_ RA0.IC0.00 1	4	5	12g45 - 17g05	B1-503	19/02/25 - 16/04/25	Đôi ph.học
Kỹ thuật chế tạo		3	25D1INT54701601	60	[GDQP1]_ RA0.LT0.0 01	6	5	12g45 - 17g05	B2-311	21/03/25 - 16/05/25	
Cơ kỹ thuật 1		3	25D1INT54701001	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	2	5	07g10 - 11g30	B2-505	17/02/25 - 21/04/25	
Hệ thống tự động		3	25D1INT54702501	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	7	5	07g10 - 11g30	B2-505	22/02/25 - 19/04/25	
Toán dành cho kỹ sư		3	25D1INT54700401	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	5	5	12g45 - 17g05	B1-503	20/02/25 - 17/04/25	Đôi ph.học

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Toán nền tảng cho kỹ thuật 2		3	25D1INT54712101	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	7	5	12g45 - 17g05	B2-402	22/03/25 - 17/05/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25D1INT54702201	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	3	5	12g45 - 17g05	B2-412	18/03/25 - 13/05/25	
Vật lý 2		3	25D1INT54700201	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	4	5	07g10 - 11g30	B2-306	19/03/25 - 14/05/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-406	07/05/25	
Xác suất thống kê cho kỹ thuật		3	25D1INT54712201	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.001	2	5	12g45 - 17g05	B2-412	10/03/25 - 12/05/25	Hủy
Cơ kỹ thuật 1		3	25D1INT54701002	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	2	5	12g45 - 17g05	B1-505	17/02/25 - 21/04/25	
Hệ thống tự động		3	25D1INT54702502	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	7	5	12g45 - 17g05	B2-411	22/03/25 - 17/05/25	
Toán dành cho kỹ sư		3	25D1INT54700402	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	4	5	07g10 - 11g30	B1-702	19/02/25 - 16/04/25	
Toán nền tảng cho kỹ thuật 2		3	25D1INT54712102	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	7	5	07g10 - 11g30	B1-703	22/02/25 - 19/04/25	Đổi ph.học
Trí tuệ nhân tạo		3	25D1INT54702202	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	4	5	12g45 - 17g05	B2-411	19/02/25 - 16/04/25	Hủy
Vật lý 2		3	25D1INT54700202	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	3	5	12g45 - 17g05	B1-701	18/03/25 - 13/05/25	
Xác suất thống kê cho kỹ thuật		3	25D1INT54712202	50	[GDQP1]_ RA0.LT0.I C0.002	3	5	07g10 - 11g30	B2-305	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020154	50	[GDQP1]_ RA0001,R AP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	18/05/25	
Kỹ thuật số	EN	3	25D1INT54708901	50	[GDQP1]_ RAP.ICP.0 01	4	5	07g10 - 11g30	B1-703	19/02/25 - 16/04/25	
Kỹ thuật chế tạo		3	25D1INT54701602	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.0 01	6	5	07g10 - 11g30	B2-505	21/03/25 - 16/05/25	Đổi ph.học
Cơ kỹ thuật 1	EN	3	25D1INT54707701	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	2	5	07g10 - 11g30	B2-506	17/02/25 - 21/04/25	Đổi tg.học
Hệ thống tự động		3	25D1INT54702503	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	6	5	12g45 - 17g05	B1-503	21/03/25 - 16/05/25	Đổi tg.học
Toán dành cho kỹ sư	EN	3	25D1INT54707101	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	5	5	07g10 - 11g30	B1-703	20/02/25 - 17/04/25	
Toán nền tảng cho kỹ thuật 2		3	25D1INT54712103	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	3	5	07g10 - 11g30	B1-701	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Trí tuệ nhân tạo	EN	3	25D1INT54706801	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	2	5	12g45 - 17g05	B1-506	17/02/25 - 21/04/25	Đổi tg.học
Vật lý 2		3	25D1INT54700203	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	4	5	12g45 - 17g05	B1-703	19/02/25 - 16/04/25	
Xác suất thống kê cho kỹ thuật		3	25D1INT54712203	50	[GDQP1]_ RAP.LTP.I CP.001	3	5	12g45 - 17g05	B1-702	18/03/25 - 13/05/25	
Công nghệ quản lý kho vận và tồn kho		3	25D1INT54712401	50	[GDQP1]_ LT0.LTP.0 01	2	5	12g45 - 17g05	B1-707	17/03/25 - 12/05/25	Bổ sung
						5	5	07g10 - 11g30	B1-505	15/05/25	
Công nghệ mới trong Logistics		3	25D1INT54712701	50	[GDQP1]_ LT0.LTP.0 01	7	5	07g10 - 11g30	B1-408	22/03/25 - 17/05/25	Bổ sung

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh tổng quát		4	25D1ENG51315401	50	[GDQP1]_ TATQ.001	5	5	07g10 - 11g30	B2-505	06/02/25 - 24/04/25	
Tiếng Anh tổng quát		4	25D1ENG51315402	50	[GDQP1]_ TATQ.002	5	5	12g45 - 17g05	B2-206	06/02/25 - 24/04/25	Hủy
Tiếng Anh tổng quát		4	25D1ENG51315403	50	[GDQP1]_ TATQ.003	6	5	07g10 - 11g30	B2-505	07/02/25 - 25/04/25	Hủy
Tiếng Anh tổng quát		4	25D1ENG51315404	50	[GDQP1]_ TATQ.004	6	5	12g45 - 17g05	B1-405	07/02/25 - 25/04/25	Hủy
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002333	50	[GDQP1]_ THMLN.00 1	2	5	07g10 - 11g30	B2-206	10/03/25 - 21/04/25	Hủy
						2	5	07g10 - 11g30	LMS	28/04/25	
						2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	05/05/25 - 12/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002334	50	[GDQP1]_ THMLN.00 2	2	5	12g45 - 17g05	B2-407	10/03/25 - 21/04/25	Đổi ph.học Hủy
						2	5	12g45 - 17g05	LMS	28/04/25	
						2	5	12g45 - 17g05	ONLINE	05/05/25 - 12/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002338	50	[GDQP1]_ THMLN.00 3	3	5	07g10 - 11g30	B1-508	18/03/25 - 22/04/25	Hủy
						3	5	07g10 - 11g30	LMS	29/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002339	50	[GDQP1]_ THMLN.00 4	3	5	12g45 - 17g05	B1-409	18/03/25 - 22/04/25	Hủy
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	29/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	

LỊCH HỌC HP THÍ NGHIỆM VẬT LÝ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700301	25	[GDQP1]_ TNVL.001	7	5	07g10 - 11g30		15/02/25 - 22/03/25	Học tại CS NVL
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700302	25	[GDQP1]_ TNVL.002	7	5	12g45 - 17g05		15/02/25 - 22/03/25	Học tại CS NVL Hủy
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700303	25	[GDQP1]_ TNVL.003	6	5	12g45 - 17g05		14/02/25 - 21/03/25	Học tại CS NVL
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700304	25	[GDQP1]_ TNVL.004	3	5	07g10 - 11g30		25/03/25 - 29/04/25	Học tại CS NVL Hủy
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700305	25	[GDQP1]_ TNVL.005	3	5	12g45 - 17g05		25/03/25 - 29/04/25	Học tại CS NVL Hủy
Thí nghiệm vật lý		1	25D1INT54700306	25	[GDQP1]_ TNVL.006	2	5	12g45 - 17g05		24/03/25 - 05/05/25	Học tại CS NVL Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng viết và ứng dụng truyền thông		3	25D1ECO50117301	50	[GDQP1]_ RE0001	2	5	07g10 - 11g30	A114	10/02/25 - 14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502050	50	[GDQP1]_ RE0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002419	100	[GDQP1]_ RE0001,RE 0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-108	15/04/25 - 13/05/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-307	15/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100224	100	[GDQP1]_ RE0001,RE 0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-208	22/03/25 - 17/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700124	100	[GDQP1]_ RE0001,RE 0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-308	22/03/25 - 17/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800519	100	[GDQP1]_ RE0001,RE 0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-307	06/02/25 - 03/04/25	
Kỹ năng viết và ứng dụng truyền thông		3	25D1ECO50117302	50	[GDQP1]_ RE0002	4	5	07g10 - 11g30	A114	12/02/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502051	50	[GDQP1]_ RE0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002421	40	[GDQP1]_ AR0001	5	5	12g45 - 17g05	A315	10/04/25 - 15/05/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A315	13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100225	40	[GDQP1]_ AR0001	3	5	07g10 - 11g30	A315	11/02/25 - 08/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700125	40	[GDQP1]_ AR0001	3	5	12g45 - 17g05	A315	11/02/25 - 08/04/25	
Quản trị quốc tế		3	25D1BUS50329801	40	[GDQP1]_ AR0001	7	5	07g10 - 11g30	A315	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502053	40	[GDQP1]_ AR0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800520	40	[GDQP1]_ AR0001	7	5	12g45 - 17g05	A315	22/03/25 - 17/05/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002422	73	[GDQP1]_ ECO001	6	5	12g45 - 17g05	A211	11/04/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100226	73	[GDQP1]_ ECO001	4	5	07g10 - 11g30	A211	12/02/25 - 09/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309516	73	[GDQP1]_ ECO001	2	5	07g10 - 11g30	A217	10/02/25 - 17/03/25	Đổi ph.học
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700126	73	[GDQP1]_ ECO001	4	5	12g45 - 17g05	A211	12/02/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502054	73	[GDQP1]_ ECO001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800521	73	[GDQP1]_ ECO001	2	5	12g45 - 17g05	A211	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A211	14/05/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502048	50	[GDQP1]_I V0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002418	105	[GDQP1]_I V0001,IV0 002	2	5	07g10 - 11g30	B2-108	21/04/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-208	07/05/25 - 14/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100223	105	[GDQP1]_I V0001,IV0 002	6	5	12g45 - 17g05	B2-207	21/03/25 - 16/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309514	105	[GDQP1]_I V0001,IV0 002	4	5	12g45 - 17g05	B2-109	12/02/25 - 19/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700123	105	[GDQP1]_I V0001,IV0 002	6	5	07g10 - 11g30	B2-208	21/03/25 - 16/05/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800518	105	[GDQP1]_I V0001,IV0 002	4	5	07g10 - 11g30	B2-208	12/02/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502049	50	[GDQP1]_I V0002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502026	40	[GDQP1]_ VA0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002407	80	[GDQP1]_ VA0001,V A0002	3	5	07g10 - 11g30	A217	08/04/25 - 13/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100212	80	[GDQP1]_ VA0001,V A0002	7	5	12g45 - 17g05	A217	08/02/25 - 05/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309507	80	[GDQP1]_ VA0001,V A0002	5	5	12g45 - 17g05	A217	10/04/25 - 15/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	A217	17/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700112	80	[GDQP1]_ VA0001,V A0002	7	5	07g10 - 11g30	A302	08/02/25 - 05/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800507	80	[GDQP1]_ VA0001,V A0002	5	5	07g10 - 11g30	A217	13/03/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502027	40	[GDQP1]_ VA0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502024	45	[GDQP1]_ HR0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002406	88	[GDQP1]_ HR0001,H R0002	2	5	07g10 - 11g30	A217	14/04/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A217	09/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100211	88	[GDQP1]_ HR0001,H R0002	6	5	12g45 - 17g05	A217	07/02/25 - 04/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309506	88	[GDQP1]_ HR0001,H R0002	4	5	12g45 - 17g05	A217	09/04/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A217	16/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700111	88	[GDQP1]_ HR0001,H R0002	6	5	07g10 - 11g30	A217	07/02/25 - 04/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800506	88	[GDQP1]_ HR0001,H R0002	4	5	07g10 - 11g30	A217	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A217	02/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502025	45	[GDQP1]_ HR0002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502046	55	[GDQP1]_ HQ0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002417	110	[GDQP1]_ HQ0001,PF 0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-307	12/04/25 - 17/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100222	110	[GDQP1]_ HQ0001,PF 0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-208	13/03/25 - 15/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309513	110	[GDQP1]_ HQ0001,PF 0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-310	11/02/25 - 18/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700122	110	[GDQP1]_ HQ0001,PF 0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-208	13/03/25 - 15/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800517	110	[GDQP1]_ HQ0001,PF 0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-308	11/02/25 - 08/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502047	51	[GDQP1]_ PF0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502044	35	[GDQP1]_ TA0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002416	75	[GDQP1]_ TA0001,TA 0002	6	5	07g10 - 11g30	A217	11/04/25 - 16/05/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100221	75	[GDQP1]_ TA0001,TA 0002	4	5	12g45 - 17g05	A313	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	A313	05/05/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309512	75	[GDQP1]_ TA0001,TA 0002	2	5	12g45 - 17g05	A313	10/02/25 - 17/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700121	75	[GDQP1]_ TA0001,TA 0002	4	5	07g10 - 11g30	A313	19/03/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	A313	12/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800516	75	[GDQP1]_ TA0001,TA 0002	2	5	07g10 - 11g30	A313	10/02/25 - 14/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502045	35	[GDQP1]_ TA0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002420	50	[GDQP1]_ CT0001	4	5	12g45 - 17g05	A212	09/04/25 - 14/05/25	
						2	5	07g10 - 11g30	A212	12/05/25	
Kinh tế phát triển		3	25D1ECO50100701	50	[GDQP1]_ CT0001	2	5	12g45 - 17g05	A210	10/02/25 - 14/04/25	Đổi ph.học
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100101	50	[GDQP1]_ CT0001	2	5	07g10 - 11g30	A309	10/02/25 - 14/04/25	Đổi ph.học
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309515	50	[GDQP1]_ CT0001	6	5	07g10 - 11g30	A212	07/02/25 - 14/03/25	
Quản trị các tổ chức công		3	25D1PUM51200101	50	[GDQP1]_ CT0001	6	5	12g45 - 17g05	A212	07/02/25 - 04/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502052	50	[GDQP1]_ CT0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Diễn thuyết trước công chúng		3	25D1ENG51315001	55	[GDQP1]_ AV0001	3	5	07g10 - 11g30	A309	18/03/25 - 13/05/25	
Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp		3	25D1ENG51313701	55	[GDQP1]_ AV0001	2	5	07g10 - 11g30	A211	10/02/25 - 14/04/25	Đổi ph.học
Kỹ năng viết cao trung cấp		3	25D1ENG51313901	55	[GDQP1]_ AV0001	4	5	07g10 - 11g30	A309	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	A211	02/05/25	
Kỹ năng đọc cao trung cấp		3	25D1ENG51313801	55	[GDQP1]_ AV0001	5	5	07g10 - 11g30	A211	06/02/25 - 03/04/25	
Quản trị học (EN)	EN	2	25D1MAN50200201	55	[GDQP1]_ AV0001	4	5	12g45 - 17g05	A201	02/04/25 - 14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502001	55	[GDQP1]_ AV0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002301	55	[GDQP1]_ AV0001	3	5	12g45 - 17g05	A302	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	29/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	
Diễn thuyết trước công chúng		3	25D1ENG51315002	55	[GDQP1]_ AV0002	3	5	12g45 - 17g05	A217	18/03/25 - 13/05/25	
Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp		3	25D1ENG51313702	55	[GDQP1]_ AV0002	2	5	12g45 - 17g05	A303	10/02/25 - 14/04/25	
Kỹ năng viết cao trung cấp		3	25D1ENG51313902	55	[GDQP1]_ AV0002	4	5	12g45 - 17g05	A210	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A217	25/04/25	
Kỹ năng đọc cao trung cấp		3	25D1ENG51313802	55	[GDQP1]_ AV0002	5	5	12g45 - 17g05	A211	06/02/25 - 03/04/25	
Quản trị học (EN)	EN	2	25D1MAN50200202	55	[GDQP1]_ AV0002	4	5	07g10 - 11g30	A104a	02/04/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502002	55	[GDQP1]_ AV0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	16/05/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002302	55	[GDQP1]_ AV0002	3	5	07g10 - 11g30	A303	18/03/25 - 22/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	LMS	29/04/25	
						3	5	07g10 - 11g30	ONLINE	06/05/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Diễn thuyết trước công chúng		3	25D1ENG51315003	55	[GDQP1]_ AV0003	4	5	07g10 - 11g30	A303	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	A114	10/05/25	
Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp		3	25D1ENG51313703	55	[GDQP1]_ AV0003	4	5	12g45 - 17g05	A302	12/02/25 - 09/04/25	Đổi ph.học
Kỹ năng viết cao trung cấp		3	25D1ENG51313903	55	[GDQP1]_ AV0003	5	5	07g10 - 11g30	A303	13/03/25 - 15/05/25	
Kỹ năng đọc cao trung cấp		3	25D1ENG51313803	55	[GDQP1]_ AV0003	6	5	07g10 - 11g30	A210	07/02/25 - 04/04/25	
Quản trị học (EN)	EN	2	25D1MAN50200203	55	[GDQP1]_ AV0003	5	5	12g45 - 17g05	A303	03/04/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502003	55	[GDQP1]_ AV0003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002303	55	[GDQP1]_ AV0003	6	5	12g45 - 17g05	A303	21/03/25 - 25/04/25	
						6	5	12g45 - 17g05	LMS	02/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	ONLINE	09/05/25 - 16/05/25	

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122001	100	[GDQP1]_ PTBV.01	2	5	07g10 - 11g30	B2-408	31/03/25 - 12/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122002	100	[GDQP1]_ PTBV.02	2	5	12g45 - 17g05	B2-408	31/03/25 - 12/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122003	100	[GDQP1]_ PTBV.03	3	5	07g10 - 11g30	B2-408	08/04/25 - 13/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122004	100	[GDQP1]_ PTBV.04	3	5	12g45 - 17g05	B2-408	08/04/25 - 13/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122005	100	[GDQP1]_ PTBV.05	4	5	07g10 - 11g30	B2-408	02/04/25 - 14/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122006	100	[GDQP1]_ PTBV.06	4	5	12g45 - 17g05	B2-408	02/04/25 - 14/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122007	100	[GDQP1]_ PTBV.07	5	5	07g10 - 11g30	B2-408	03/04/25 - 15/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122008	100	[GDQP1]_ PTBV.08	5	5	12g45 - 17g05	B2-408	03/04/25 - 15/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122009	100	[GDQP1]_ PTBV.09	6	5	07g10 - 11g30	B2-408	11/04/25 - 16/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122010	100	[GDQP1]_ PTBV.10	6	5	12g45 - 17g05	B2-408	11/04/25 - 16/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122011	100	[GDQP1]_ PTBV.11	7	5	07g10 - 11g30	B2-408	12/04/25 - 17/05/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122012	100	[GDQP1]_ PTBV.12	7	5	12g45 - 17g05	B2-408	12/04/25 - 17/05/25	

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326401	50	[GDQP1]_ NMTLH.01	2	5	07g10 - 11g30	B2-403	31/03/25 - 12/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326402	50	[GDQP1]_ NMTLH.02	2	5	12g45 - 17g05	B2-403	31/03/25 - 12/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326403	50	[GDQP1]_ NMTLH.03	3	5	07g10 - 11g30	B2-403	08/04/25 - 13/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326404	50	[GDQP1]_ NMTLH.04	3	5	12g45 - 17g05	B2-403	08/04/25 - 13/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326405	50	[GDQP1]_ NMTLH.05	4	5	07g10 - 11g30	B2-403	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326406	50	[GDQP1]_ NMTLH.06	4	5	12g45 - 17g05	B2-403	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326407	50	[GDQP1]_ NMTLH.07	5	5	07g10 - 11g30	B2-403	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326408	50	[GDQP1]_ NMTLH.08	5	5	12g45 - 17g05	B2-403	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326409	50	[GDQP1]_ NMTLH.09	6	5	07g10 - 11g30	B2-403	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326410	50	[GDQP1]_ NMTLH.10	6	5	12g45 - 17g05	B2-403	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326411	50	[GDQP1]_ NMTLH.11	7	5	07g10 - 11g30	B2-403	12/04/25 - 17/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326412	50	[GDQP1]_ NMTLH.12	7	5	12g45 - 17g05	B2-403	12/04/25 - 17/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326413	50	[GDQP1]_ NMTLH.13	2	5	07g10 - 11g30	B2-404	31/03/25 - 12/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326414	50	[GDQP1]_ NMTLH.14	2	5	12g45 - 17g05	B2-404	31/03/25 - 12/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326415	50	[GDQP1]_ NMTLH.15	3	5	07g10 - 11g30	B2-404	08/04/25 - 13/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326416	50	[GDQP1]_ NMTLH.16	3	5	12g45 - 17g05	B2-404	08/04/25 - 13/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326417	50	[GDQP1]_ NMTLH.17	4	5	07g10 - 11g30	B2-404	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326418	50	[GDQP1]_ NMTLH.18	4	5	12g45 - 17g05	B2-404	02/04/25 - 14/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326419	50	[GDQP1]_ NMTLH.19	5	5	07g10 - 11g30	B2-404	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326420	50	[GDQP1]_ NMTLH.20	5	5	12g45 - 17g05	B2-404	03/04/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326421	50	[GDQP1]_ NMTLH.21	6	5	07g10 - 11g30	B2-404	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326422	50	[GDQP1]_ NMTLH.22	6	5	12g45 - 17g05	B2-404	11/04/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326423	50	[GDQP1]_ NMTLH.23	7	5	07g10 - 11g30	B2-404	12/04/25 - 17/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326424	50	[GDQP1]_ NMTLH.24	7	5	12g45 - 17g05	B2-404	12/04/25 - 17/05/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326425	50	[GDQP1]_ NMTLH.25	2	5	07g10 - 11g30	B2-403	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326426	50	[GDQP1]_ NMTLH.26	2	5	12g45 - 17g05	B2-403	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326427	50	[GDQP1]_ NMTLH.27	3	5	07g10 - 11g30	B2-403	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326428	50	[GDQP1]_ NMTLH.28	3	5	12g45 - 17g05	B2-403	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326429	50	[GDQP1]_ NMTLH.29	4	5	07g10 - 11g30	B2-403	19/02/25 - 26/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326430	50	[GDQP1]_ NMTLH.30	4	5	12g45 - 17g05	B2-403	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326431	50	[GDQP1]_ NMTLH.31	5	5	07g10 - 11g30	B2-403	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326432	50	[GDQP1]_ NMTLH.32	5	5	12g45 - 17g05	B2-403	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326433	50	[GDQP1]_ NMTLH.33	6	5	07g10 - 11g30	B2-403	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326434	50	[GDQP1]_ NMTLH.34	6	5	12g45 - 17g05	B2-403	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326435	50	[GDQP1]_ NMTLH.35	7	5	07g10 - 11g30	B2-403	01/03/25 - 05/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326436	50	[GDQP1]_ NMTLH.36	7	5	12g45 - 17g05	B2-403	01/03/25 - 05/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326437	50	[GDQP1]_ NMTLH.37	2	5	07g10 - 11g30	B2-404	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326438	50	[GDQP1]_ NMTLH.38	2	5	12g45 - 17g05	B2-404	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326439	50	[GDQP1]_ NMTLH.39	3	5	07g10 - 11g30	B2-404	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326440	50	[GDQP1]_ NMTLH.40	3	5	12g45 - 17g05	B2-404	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326441	50	[GDQP1]_ NMTLH.41	4	5	07g10 - 11g30	B2-404	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326442	50	[GDQP1]_ NMTLH.42	4	5	12g45 - 17g05	B2-404	19/02/25 - 26/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326443	50	[GDQP1]_ NMTLH.43	5	5	07g10 - 11g30	B2-404	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326444	50	[GDQP1]_ NMTLH.44	5	5	12g45 - 17g05	B2-404	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326445	50	[GDQP1]_ NMTLH.45	6	5	07g10 - 11g30	B2-404	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326446	50	[GDQP1]_ NMTLH.46	6	5	12g45 - 17g05	B2-404	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326447	50	[GDQP1]_ NMTLH.47	7	5	07g10 - 11g30	B2-404	01/03/25 - 05/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326448	50	[GDQP1]_ NMTLH.48	7	5	12g45 - 17g05	B2-404	01/03/25 - 05/04/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319702	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 01	2	5	07g10 - 11g30	E702	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319703	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 02	2	5	12g45 - 17g05	E702	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319704	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 03	3	5	07g10 - 11g30	E702	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319705	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 04	3	5	12g45 - 17g05	E702	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319706	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 05	4	5	07g10 - 11g30	E702	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319707	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 06	4	5	12g45 - 17g05	E702	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319708	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 07	5	5	07g10 - 11g30	E702	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319709	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 08	5	5	12g45 - 17g05	E702	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319710	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 09	6	5	07g10 - 11g30	E702	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319711	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 10	6	5	12g45 - 17g05	E702	21/03/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319712	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 11	7	5	07g10 - 11g30	E702	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319713	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 12	7	5	12g45 - 17g05	E702	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319714	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 13	2	5	07g10 - 11g30	E604	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319715	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 14	2	5	12g45 - 17g05	E604	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319716	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 15	3	5	07g10 - 11g30	E604	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319717	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 16	3	5	12g45 - 17g05	E604	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319718	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 17	4	5	07g10 - 11g30	E604	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319719	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 18	4	5	12g45 - 17g05	E604	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319720	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 19	5	5	07g10 - 11g30	E604	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319721	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 20	5	5	12g45 - 17g05	E604	13/03/25 - 15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319722	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 21	6	5	07g10 - 11g30	E604	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319723	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 22	6	5	12g45 - 17g05	E604	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319724	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 23	7	5	07g10 - 11g30	E604	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319725	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 24	7	5	12g45 - 17g05	E604	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319726	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 25	2	5	07g10 - 11g30	E602	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319727	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 26	2	5	12g45 - 17g05	E602	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319728	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 27	3	5	07g10 - 11g30	E602	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319729	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 28	3	5	12g45 - 17g05	E602	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319730	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 29	4	5	07g10 - 11g30	E602	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319731	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 30	4	5	12g45 - 17g05	E602	12/03/25 - 14/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319732	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 31	5	5	07g10 - 11g30	E602	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319733	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 32	5	5	12g45 - 17g05	E602	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319734	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 33	6	5	07g10 - 11g30	E602	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319735	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 34	6	5	12g45 - 17g05	E602	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319736	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 35	7	5	07g10 - 11g30	E602	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319737	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 36	7	5	12g45 - 17g05	E602	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319738	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 37	2	5	07g10 - 11g30	E601	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319739	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 38	2	5	12g45 - 17g05	E601	10/03/25 - 12/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319740	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 39	3	5	07g10 - 11g30	E601	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319741	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 40	3	5	12g45 - 17g05	E601	18/03/25 - 13/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319742	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 41	4	5	07g10 - 11g30	E601	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319743	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 42	4	5	12g45 - 17g05	E601	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319744	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 43	5	5	07g10 - 11g30	E601	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319745	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 44	5	5	12g45 - 17g05	E601	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319746	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 45	6	5	07g10 - 11g30	E601	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319747	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 46	6	5	12g45 - 17g05	E601	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319748	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 47	7	5	07g10 - 11g30	E601	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319749	42	[GDQP1]_ TACOB1.0 48	7	5	12g45 - 17g05	E601	22/03/25 - 17/05/25	Hủy

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT KẾ (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319901	42	[GDQP1]_TACTD1.001	2	5	07g10 - 11g30	E401	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319902	42	[GDQP1]_TACTD1.002	2	5	12g45 - 17g05	E401	10/03/25 - 12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319903	42	[GDQP1]_TACTD1.003	3	5	07g10 - 11g30	E401	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319904	42	[GDQP1]_TACTD1.004	3	5	12g45 - 17g05	E401	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319905	42	[GDQP1]_TACTD1.005	4	5	07g10 - 11g30	E401	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319906	42	[GDQP1]_TACTD1.006	4	5	12g45 - 17g05	E401	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319907	42	[GDQP1]_TACTD1.007	5	5	07g10 - 11g30	E401	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319908	42	[GDQP1]_TACTD1.008	5	5	12g45 - 17g05	E401	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319909	42	[GDQP1]_TACTD1.009	6	5	07g10 - 11g30	E401	21/03/25 - 16/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319910	42	[GDQP1]_TACTD1.010	6	5	12g45 - 17g05	E401	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319911	42	[GDQP1]_TACTD1.011	7	5	07g10 - 11g30	E401	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319912	42	[GDQP1]_TACTD1.012	7	5	12g45 - 17g05	E401	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319913	42	[GDQP1]_TACTD1.013	3	5	07g10 - 11g30	E402	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319914	42	[GDQP1]_TACTD1.014	3	5	12g45 - 17g05	E402	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319915	42	[GDQP1]_TACTD1.015	6	5	07g10 - 11g30	E402	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319916	42	[GDQP1]_TACTD1.016	6	5	12g45 - 17g05	E402	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319917	42	[GDQP1]_TACTD1.017	7	5	07g10 - 11g30	E402	22/03/25 - 17/05/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319918	42	[GDQP1]_TACTD1.018	7	5	12g45 - 17g05	E402	22/03/25 - 17/05/25	Hủy

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005904	50	[GDQP1]_ TDTK.01	2	5	07g10 - 11g30	B2-405	31/03/25 - 12/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005905	50	[GDQP1]_ TDTK.02	2	5	12g45 - 17g05	B2-405	31/03/25 - 12/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005906	50	[GDQP1]_ TDTK.03	3	5	07g10 - 11g30	B2-405	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005907	50	[GDQP1]_ TDTK.04	3	5	12g45 - 17g05	B2-405	08/04/25 - 13/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005908	50	[GDQP1]_ TDTK.05	4	5	07g10 - 11g30	B2-405	02/04/25 - 14/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005909	50	[GDQP1]_ TDTK.06	4	5	12g45 - 17g05	B2-405	02/04/25 - 14/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005910	50	[GDQP1]_ TDTK.07	5	5	07g10 - 11g30	B2-405	03/04/25 - 15/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005911	50	[GDQP1]_ TDTK.08	5	5	12g45 - 17g05	B2-405	03/04/25 - 15/05/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005912	50	[GDQP1]_ TDTK.09	6	5	07g10 - 11g30	B2-405	11/04/25 - 16/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005913	50	[GDQP1]_ TDTK.10	6	5	12g45 - 17g05	B2-405	11/04/25 - 16/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005914	50	[GDQP1]_ TDTK.11	7	5	07g10 - 11g30	B2-405	12/04/25 - 17/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005915	50	[GDQP1]_ TDTK.12	7	5	12g45 - 17g05	B2-405	12/04/25 - 17/05/25	Hủy

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 1]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319501	42	[GDQP1]_ TACELG1. 001	2	5	07g10 - 11g30	A104a	10/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319502	42	[GDQP1]_ TACELG1. 002	2	5	12g45 - 17g05	A309	10/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319503	42	[GDQP1]_ TACELG1. 003	3	5	07g10 - 11g30	E302	18/03/25 - 13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319504	42	[GDQP1]_ TACELG1. 004	3	5	12g45 - 17g05	A309	18/03/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319505	42	[GDQP1]_ TACELG1. 005	4	5	07g10 - 11g30	E302	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319506	42	[GDQP1]_ TACELG1. 006	4	5	12g45 - 17g05	E302	12/03/25 - 14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319507	42	[GDQP1]_ TACELG1. 007	5	5	07g10 - 11g30	E302	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319508	42	[GDQP1]_ TACELG1. 008	5	5	12g45 - 17g05	E302	13/03/25 - 15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319509	42	[GDQP1]_ TACELG1. 009	6	5	07g10 - 11g30	E302	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319510	42	[GDQP1]_ TACELG1. 010	6	5	12g45 - 17g05	E302	21/03/25 - 16/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319511	42	[GDQP1]_ TACELG1. 011	7	5	07g10 - 11g30	E302	22/03/25 - 17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319512	42	[GDQP1]_ TACELG1. 012	7	5	12g45 - 17g05	E302	22/03/25 - 17/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319525	42	[GDQP1]_TACELG1.025bs	6	5	12g45 - 17g05	A114	21/03/25 - 16/05/25	Bổ sung
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319526	42	[GDQP1]_TACELG1.026bs	7	5	12g45 - 17g05	E201	22/03/25 - 17/05/25	Bổ sung

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)
(DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GDQPAN ĐỢT 2 - TỪ 05/05/2025 ĐẾN 30/05/2025)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 13/04/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 Bổ sung; Điều chỉnh (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) CV Kế hoạch học GDQPAN – K50 (Số 238/CV-ĐT ngày 09/09/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 18/05/2025	
Thi kết thúc học phần	14/04/2025 – 04/05/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Học GDQPAN Đợt 2	05/05/2025 – 30/05/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_Học GDQPAN Đợt 2**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	AN TOÀN THÔNG TIN	CY0001		
2	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS0001		
3	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD0001	DDP001	DDF001
4	CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (Art Tech)	AT0001	ATP001	
5	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC0001	SCP001	
6	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	FE0001	FEP001	
7	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	TIP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 2

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
8	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ		CCAP01,CAEP01	
9	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP		KNP001, KNP002, KNP003	KNF001
10	CÔNG NGHỆ MARKETING		MTP001	
11	KINH DOANH QUỐC TẾ		IBP001, IBP002	IBF001, IBF002, IBF003, IBF004, IBF005
12	KINH DOANH THƯƠNG MẠI		KMP001	KMF001
13	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG		LMP001	LMF001
14	MARKETING	MR0001, MR0002	MRP001	MRF001
15	QUẢN TRỊ KINH DOANH		BAP001, BAP002, BAP003, BAP004	
16	BẢO HIỂM	IN0001		
17	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI0001	FIP001	
18	TÀI CHÍNH	FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005	FNP001, FNP002, FNP003	FNF001, FNF002, FNF003
19	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF0001	IFP001	IFF001

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 2

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
20	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP		ARP001	
21	KINH TẾ		ECOP01	
22	KINH TẾ ĐẦU TƯ		IVP001, IVP002	
23	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC		HRP001	
24	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN		VAP001	
25	THUẾ		TAP001	
26	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG		HQP001	

LỊCH HỌC GDQPAN KHÓA 50 ĐHCQ_ĐỢT 2

MÃ LỚP HP	THỜI GIAN HỌC	LỚP SV
25D1SDE59900102	05/05/2025 – 30/05/2025	Như bảng trên

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ICAEW_Kế toán tài chính 2 (ICAEW CFAB-Accounting)	EN	3	25D1ACC50722501	15	[GDQP2]_CAEP01	3	5	07g10 - 11g30	B1-406	07/01/25 - 18/03/25	
ICAEW_Nguyên tắc thuế (ICAEW CFAB-Principle of Taxation)	EN	4	25D1ACC50722401	15	[GDQP2]_CAEP01	2	5	12g45 - 17g05	B1-506	06/01/25 - 31/03/25	Hủy
						3	5	07g10 - 11g30	B1-406	01/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ACCA_Kế toán quản trị (ACCA-F2)	EN	4	25D1ACC50723601	60	[GDQP2]_CCAP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-402	02/01/25 - 03/04/25	
ACCA_Kế toán tài chính 2 (ACCA-F3)	EN	3	25D1ACC50723501	60	[GDQP2]_CCAP01	3	5	07g10 - 11g30	B1-402	07/01/25 - 18/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100258	70	[GDQP2]_CCAP01,C AEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-402	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-307	15/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020125	70	[GDQP2]_CCAP01,C AEP01	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	09/04/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25D1FIN50500101	70	[GDQP2]_CCAP01,C AEP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-402	04/01/25 - 15/03/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800540	70	[GDQP2]_CCAP01,C AEP01	3	5	12g45 - 17g05	B1-402	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-307	22/01/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100238	55	[GDQP2]_ KNP001	3	5	12g45 - 17g05	A104a	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	A201	20/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706905	55	[GDQP2]_ KNP001	3	5	07g10 - 11g30	A201	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	A201	13/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502078	55	[GDQP2]_ KNP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	31/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800524	55	[GDQP2]_ KNP001	7	5	07g10 - 11g30	A104a	04/01/25 - 15/03/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002328	55	[GDQP2]_ KNP001	7	5	12g45 - 17g05	A104a	04/01/25 - 22/02/25	
						7	5	12g45 - 17g05	LMS	01/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	ONLINE	08/03/25 - 15/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100239	55	[GDQP2]_ KNP002	4	5	12g45 - 17g05	A313	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A303	14/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706906	55	[GDQP2]_ KNP002	4	5	07g10 - 11g30	A217	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A303	18/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502079	55	[GDQP2]_ KNP002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	08/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800525	55	[GDQP2]_ KNP002	2	5	07g10 - 11g30	A316	06/01/25 - 10/03/25	Đổi ph.học
						3	5	12g45 - 17g05	A303	11/02/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002329	55	[GDQP2]_ KNP002	2	5	12g45 - 17g05	A211	06/01/25 - 24/02/25	
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	21/01/25	
						2	5	12g45 - 17g05	ONLINE	03/03/25 - 10/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100240	55	[GDQP2]_ KNP003	5	5	12g45 - 17g05	A313	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	A309	15/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706907	55	[GDQP2]_ KNP003	5	5	07g10 - 11g30	A217	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	A309	08/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502080	55	[GDQP2]_ KNP003	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	09/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800526	55	[GDQP2]_ KNP003	3	5	07g10 - 11g30	A211	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A303	12/02/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002330	55	[GDQP2]_ KNP003	3	5	12g45 - 17g05	A201	07/01/25 - 18/02/25	
						4	5	12g45 - 17g05	A303	22/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	LMS	25/02/25	
						3	5	12g45 - 17g05	ONLINE	04/03/25 - 11/03/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109802	45	[GDQP2]_ KNF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-408	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-804	20/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706904	45	[GDQP2]_ KNF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-408	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-804	13/01/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327202	45	[GDQP2]_ KNF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-403	03/01/25 - 21/02/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122201	45	[GDQP2]_ KNF001	6	5	12g45 - 17g05	B2-403	03/01/25 - 21/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502077	45	[GDQP2]_ KNF001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	
Thông kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802902	45	[GDQP2]_ KNF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-409	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319750	45	[GDQP2]_ KNF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-408	02/01/25 - 06/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-806	24/02/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002327	45	[GDQP2]_ KNF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-407	04/01/25 - 22/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	LMS	01/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	ONLINE	08/03/25 - 15/03/25	

[CT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502088	55	[GDQP2]_ MR0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	11/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002429	110	[GDQP2]_ MR0001,M R0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-310	07/01/25 - 25/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100242	110	[GDQP2]_ MR0001,M R0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-208	04/01/25 - 15/03/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100112	110	[GDQP2]_ MR0001,M R0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-109	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	17/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700138	110	[GDQP2]_ MR0001,M R0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-207	04/01/25 - 15/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800112	110	[GDQP2]_ MR0001,M R0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-109	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	10/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502089	55	[GDQP2]_ MR0002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	11/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002430	100	[GDQP2]_ MRP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-211	08/01/25 - 26/02/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100113	100	[GDQP2]_ MRP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-109	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502090	40	[GDQP2]_ MRP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100243	100	[GDQP2]_ MRP001,M TP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-211	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-109	18/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700139	100	[GDQP2]_ MRP001,M TP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-211	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-109	11/01/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800113	100	[GDQP2]_ MRP001,M TP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-207	03/01/25 - 14/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502092	40	[GDQP2]_ MTP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/04/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002331	40	[GDQP2]_ MTP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-405	03/01/25 - 21/02/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	28/02/25	
						6	5	07g10 - 11g30	ONLINE	07/03/25 - 14/03/25	
Ứng dụng công nghệ trong marketing	EN	3	25D1BUS50326601	40	[GDQP2]_ MTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-212	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	22/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002431	45	[GDQP2]_ MRF001	5	5	07g10 - 11g30	B2-404	02/01/25 - 13/02/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-701	06/01/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109808	45	[GDQP2]_ MRF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-704	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-508	17/02/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107006	45	[GDQP2]_ MRF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-704	04/01/25 - 15/03/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706913	45	[GDQP2]_ MRF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-704	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-508	10/02/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327208	45	[GDQP2]_ MRF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-404	08/01/25 - 12/02/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-701	13/01/25 - 20/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502091	45	[GDQP2]_ MRF001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	31/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319756	45	[GDQP2]_ MRF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-507	02/01/25 - 06/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B1-508	24/02/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802806	45	[GDQP2]_ MRF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-704	04/01/25 - 15/03/25	

[CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502086	55	[GDQP2]_I BP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	10/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002428	110	[GDQP2]_I BP001,IBP 002	2	5	07g10 - 11g30	B2-109	06/01/25 - 24/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100241	110	[GDQP2]_I BP001,IBP 002	6	5	12g45 - 17g05	B2-307	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100111	110	[GDQP2]_I BP001,IBP 002	4	5	12g45 - 17g05	B2-408	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-108	09/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700137	110	[GDQP2]_I BP001,IBP 002	6	5	07g10 - 11g30	B2-307	03/01/25 - 14/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800111	110	[GDQP2]_I BP001,IBP 002	4	5	07g10 - 11g30	B2-311	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B2-108	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502087	55	[GDQP2]_I BP002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	10/04/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002423	45	[GDQP2]_I BF001	6	5	12g45 - 17g05	B2-404	03/01/25 - 21/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109803	45	[GDQP2]_I BF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-407	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	11/02/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107001	45	[GDQP2]_I BF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-407	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	18/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706908	45	[GDQP2]_I BF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	14/01/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327203	45	[GDQP2]_I BF001	5	5	07g10 - 11g30	B2-403	02/01/25 - 13/02/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502081	45	[GDQP2]_I BF001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	08/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319751	45	[GDQP2]_I BF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-408	03/01/25 - 14/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802801	45	[GDQP2]_I BF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-408	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B1-508	25/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002424	45	[GDQP2]_I BF002	7	5	12g45 - 17g05	B2-403	04/01/25 - 22/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109804	45	[GDQP2]_I BF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-508	15/01/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107002	45	[GDQP2]_I BF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-508	22/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706909	45	[GDQP2]_I BF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-408	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-508	08/01/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327204	45	[GDQP2]_I BF002	6	5	12g45 - 17g05	B2-402	03/01/25 - 21/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502082	45	[GDQP2]_I BF002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	09/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319752	45	[GDQP2]_I BF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-408	04/01/25 - 15/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802802	45	[GDQP2]_I BF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-409	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-508	12/02/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002425	45	[GDQP2]_I BF003	2	5	12g45 - 17g05	B2-403	06/01/25 - 10/02/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-508	09/01/25 - 16/01/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109805	45	[GDQP2]_I BF003	6	5	07g10 - 11g30	B1-409	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107003	45	[GDQP2]_I BF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-803	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706910	45	[GDQP2]_I BF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-408	03/01/25 - 14/03/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327205	45	[GDQP2]_I BF003	7	5	07g10 - 11g30	B2-403	04/01/25 - 22/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502083	45	[GDQP2]_I BF003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	10/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319753	45	[GDQP2]_I BF003	2	5	07g10 - 11g30	B1-507	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-508	20/02/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802803	45	[GDQP2]_I BF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-407	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-508	13/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002426	45	[GDQP2]_I BF004	6	5	07g10 - 11g30	B2-412	03/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-403	07/01/25 - 18/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109806	45	[GDQP2]_I BF004	7	5	07g10 - 11g30	B1-409	04/01/25 - 15/03/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107004	45	[GDQP2]_I BF004	5	5	07g10 - 11g30	B1-405	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	28/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706911	45	[GDQP2]_I BF004	7	5	12g45 - 17g05	B1-509	04/01/25 - 15/03/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327206	45	[GDQP2]_I BF004	2	5	07g10 - 11g30	B2-403	06/01/25 - 10/02/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-412	10/01/25 - 17/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502084	45	[GDQP2]_I BF004	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	11/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319754	45	[GDQP2]_I BF004	3	5	07g10 - 11g30	B1-409	07/01/25 - 11/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	21/02/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802804	45	[GDQP2]_I BF004	5	5	12g45 - 17g05	B1-509	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/03/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002427	45	[GDQP2]_I BF005	7	5	12g45 - 17g05	B2-307	04/01/25 - 11/01/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-403	08/01/25 - 12/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109807	45	[GDQP2]_I BF005	2	5	12g45 - 17g05	B1-409	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	15/02/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107005	45	[GDQP2]_I BF005	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	03/01/25 - 14/03/25	Đôi ph.học
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706912	45	[GDQP2]_I BF005	2	5	07g10 - 11g30	B1-408	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	08/02/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327207	45	[GDQP2]_I BF005	3	5	07g10 - 11g30	B2-403	07/01/25 - 18/02/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	18/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502085	45	[GDQP2]_I BF005	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319755	45	[GDQP2]_I BF005	4	5	12g45 - 17g05	B1-402	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-412	22/02/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802805	45	[GDQP2]_I BF005	6	5	07g10 - 11g30	B1-405	03/01/25 - 14/03/25	

[CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502093	56	[GDQP2]_ KMP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002432	95	[GDQP2]_ KMP001,L MP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-208	02/01/25 - 20/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100244	95	[GDQP2]_ KMP001,L MP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-109	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-108	20/01/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100114	95	[GDQP2]_ KMP001,L MP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-308	04/01/25 - 15/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700140	95	[GDQP2]_ KMP001,L MP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-109	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-108	13/01/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800114	95	[GDQP2]_ KMP001,L MP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-310	04/01/25 - 15/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502095	50	[GDQP2]_ LMP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002433	55	[GDQP2]_ KMF001	6	5	07g10 - 11g30	B2-404	03/01/25 - 21/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109809	55	[GDQP2]_ KMF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-403	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-412	11/02/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107007	55	[GDQP2]_ KMF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-402	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-412	18/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706914	55	[GDQP2]_ KMF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-405	08/01/25 - 12/03/25	Đôi ph.học
						3	5	12g45 - 17g05	B2-412	14/01/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327209	55	[GDQP2]_ KMF001	5	5	12g45 - 17g05	B2-403	02/01/25 - 13/02/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-412	21/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502094	55	[GDQP2]_ KMF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	08/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319757	55	[GDQP2]_ KMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-403	03/01/25 - 14/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802807	55	[GDQP2]_ KMF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-402	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-412	25/02/25	

[CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002434	40	[GDQP2]_LMF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-805	04/01/25 - 22/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109810	40	[GDQP2]_LMF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-705	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	19/02/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107008	40	[GDQP2]_LMF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-506	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	26/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706915	40	[GDQP2]_LMF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-705	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	12/02/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327210	40	[GDQP2]_LMF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-404	06/01/25 - 10/02/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-108	15/01/25 - 22/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502096	40	[GDQP2]_LMF001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	09/04/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319758	40	[GDQP2]_LMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-406	04/01/25 - 15/03/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị	EN	3	25D1MAT50802808	40	[GDQP2]_LMF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-805	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-206	05/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502095	50	[GDQP2]_LMP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	

[CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020113	50	[GDQP2]_ BAP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	09/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002446	105	[GDQP2]_ BAP001,B AP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-311	04/01/25 - 22/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100252	105	[GDQP2]_ BAP001,B AP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-310	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-109	15/01/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100115	105	[GDQP2]_ BAP001,B AP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-311	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-109	22/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700148	105	[GDQP2]_ BAP001,B AP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-408	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-109	08/01/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800534	105	[GDQP2]_ BAP001,B AP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-307	07/01/25 - 11/03/25	Đổi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	B2-310	05/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020114	50	[GDQP2]_ BAP002	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	09/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020115	50	[GDQP2]_ BAP003	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	10/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002447	105	[GDQP2]_ BAP003,B AP004	2	5	07g10 - 11g30	B2-307	06/01/25 - 24/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100253	105	[GDQP2]_ BAP003,B AP004	6	5	12g45 - 17g05	B2-310	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100116	105	[GDQP2]_ BAP003,B AP004	4	5	12g45 - 17g05	B2-208	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B2-311	09/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700149	105	[GDQP2]_ BAP003,B AP004	6	5	07g10 - 11g30	B2-308	03/01/25 - 14/03/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800535	105	[GDQP2]_ BAP003,B AP004	4	5	07g10 - 11g30	B2-408	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						5	5	12g45 - 17g05	B2-212	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020116	50	[GDQP2]_ BAP004	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	10/04/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502098	50	[GDQP2]_ FN0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	09/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002436	100	[GDQP2]_ FN0001,FN 0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-108	04/01/25 - 22/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100246	100	[GDQP2]_ FN0001,FN 0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-208	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	15/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309524	100	[GDQP2]_ FN0001,FN 0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-208	07/01/25 - 25/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700142	100	[GDQP2]_ FN0001,FN 0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-307	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	08/01/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800528	100	[GDQP2]_ FN0001,FN 0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-208	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	22/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502099	50	[GDQP2]_ FN0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	09/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020100	50	[GDQP2]_ FN0003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	10/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002437	100	[GDQP2]_ FN0003,FN 0004	2	5	12g45 - 17g05	B2-109	06/01/25 - 24/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100247	100	[GDQP2]_ FN0003,FN 0004	6	5	07g10 - 11g30	B2-208	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309525	100	[GDQP2]_ FN0003,FN 0004	4	5	07g10 - 11g30	B2-308	08/01/25 - 26/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700143	100	[GDQP2]_ FN0003,FN 0004	6	5	12g45 - 17g05	B2-208	03/01/25 - 14/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800529	100	[GDQP2]_ FN0003,FN 0004	4	5	12g45 - 17g05	B2-308	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-108	16/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020101	50	[GDQP2]_ FN0004	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	10/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020102	50	[GDQP2]_ FN0005	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	11/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002438	96	[GDQP2]_ FN0005,FN P003	3	5	12g45 - 17g05	B2-308	07/01/25 - 25/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100248	96	[GDQP2]_ FN0005,FN P003	7	5	07g10 - 11g30	B2-310	04/01/25 - 15/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309526	96	[GDQP2]_ FN0005,FN P003	5	5	07g10 - 11g30	B2-310	02/01/25 - 20/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700144	96	[GDQP2]_ FN0005,FN P003	7	5	12g45 - 17g05	B2-308	04/01/25 - 15/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800530	96	[GDQP2]_ FN0005,FN P003	5	5	12g45 - 17g05	B2-308	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	10/01/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020103	50	[GDQP2]_ FNP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/04/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002439	100	[GDQP2]_ FNP001,FN P002	4	5	07g10 - 11g30	B2-310	08/01/25 - 26/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100249	100	[GDQP2]_ FNP001,FN P002	2	5	12g45 - 17g05	B2-208	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-108	08/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309527	100	[GDQP2]_ FNP001,FN P002	6	5	12g45 - 17g05	B2-308	03/01/25 - 21/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700145	100	[GDQP2]_ FNP001,FN P002	2	5	07g10 - 11g30	B2-208	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-108	01/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800531	100	[GDQP2]_ FNP001,FN P002	6	5	07g10 - 11g30	B2-207	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020104	50	[GDQP2]_ FNP002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020105	50	[GDQP2]_ FNP003	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	11/04/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002440	50	[GDQP2]_ FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-404	06/01/25 - 10/02/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-207	09/01/25 - 16/01/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109811	50	[GDQP2]_ FNF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307301	50	[GDQP2]_ FNF001	4	5	12g45 - 17g05	B2-212	08/01/25 - 26/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706916	50	[GDQP2]_ FNF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-704	03/01/25 - 14/03/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327211	50	[GDQP2]_ FNF001	5	5	12g45 - 17g05	B2-207	02/01/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-404	07/01/25 - 18/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020106	50	[GDQP2]_ FNF001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	10/04/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802903	50	[GDQP2]_ FNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-408	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-208	06/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319759	50	[GDQP2]_ FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-208	27/02/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002441	50	[GDQP2]_ FNF002	6	5	12g45 - 17g05	B2-211	03/01/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-404	07/01/25 - 18/02/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109812	50	[GDQP2]_ FNF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-402	04/01/25 - 15/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307302	50	[GDQP2]_ FNF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-409	02/01/25 - 20/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706917	50	[GDQP2]_ FNF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-405	04/01/25 - 15/03/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327212	50	[GDQP2]_ FNF002	4	5	12g45 - 17g05	B2-403	08/01/25 - 12/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-211	10/01/25 - 17/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020107	50	[GDQP2]_ FNF002	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	11/04/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802904	50	[GDQP2]_ FNF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-704	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	14/02/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319760	50	[GDQP2]_ FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-701	07/01/25 - 11/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	07/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002442	50	[GDQP2]_ FNF003	4	5	12g45 - 17g05	B2-404	08/01/25 - 12/02/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-211	11/01/25 - 18/01/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109813	50	[GDQP2]_ FNF003	2	5	07g10 - 11g30	B1-409	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	08/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307303	50	[GDQP2]_ FNF003	6	5	07g10 - 11g30	B1-505	03/01/25 - 21/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706918	50	[GDQP2]_ FNF003	2	5	12g45 - 17g05	B1-704	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	01/03/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327213	50	[GDQP2]_ FNF003	7	5	07g10 - 11g30	B2-211	04/01/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-411	07/01/25 - 18/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020108	50	[GDQP2]_ FNF003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/04/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802905	50	[GDQP2]_ FNF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-704	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319761	50	[GDQP2]_ FNF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-704	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-108	15/03/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002435	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	6	5	12g45 - 17g05	A201	03/01/25 - 21/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100245	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	4	5	07g10 - 11g30	A302	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A303	21/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309523	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	2	5	07g10 - 11g30	A104a	06/01/25 - 24/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700141	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	4	5	12g45 - 17g05	A104a	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	A217	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502097	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	08/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800527	63	[GDQP2]_ FI0001,FIP 001	2	5	12g45 - 17g05	A104a	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A303	11/02/25	

[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020109	45	[GDQP2]_I F0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	31/03/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002443	90	[GDQP2]_I F0001,IFP0 01	5	5	07g10 - 11g30	B1-503	02/01/25 - 20/02/25	Đổi ph.học
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100250	90	[GDQP2]_I F0001,IFP0 01	3	5	12g45 - 17g05	B2-211	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-109	10/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309528	90	[GDQP2]_I F0001,IFP0 01	7	5	12g45 - 17g05	B2-212	04/01/25 - 22/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700146	90	[GDQP2]_I F0001,IFP0 01	3	5	07g10 - 11g30	B2-211	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-109	03/03/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800532	90	[GDQP2]_I F0001,IFP0 01	7	5	07g10 - 11g30	B2-212	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020110	40	[GDQP2]_I FP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	31/03/25	

[CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002444	36	[GDQP2]_I FF001	5	5	12g45 - 17g05	B2-404	02/01/25 - 13/02/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-207	20/01/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109814	36	[GDQP2]_I FF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-506	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-109	10/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307304	36	[GDQP2]_I FF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-506	04/01/25 - 22/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706919	36	[GDQP2]_I FF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-406	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-207	13/01/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327214	36	[GDQP2]_I FF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-705	03/01/25 - 21/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020111	36	[GDQP2]_I FF001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802906	36	[GDQP2]_I FF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-506	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319762	36	[GDQP2]_I FF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-406	02/01/25 - 06/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-109	03/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002445	60	[GDQP2]_I N0001	6	5	07g10 - 11g30	A211	03/01/25 - 21/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100251	60	[GDQP2]_I N0001	4	5	12g45 - 17g05	A210	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A201	04/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309529	60	[GDQP2]_I N0001	2	5	12g45 - 17g05	A401	06/01/25 - 24/02/25	Đổi ph.học
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700147	60	[GDQP2]_I N0001	4	5	07g10 - 11g30	A210	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A201	25/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020112	60	[GDQP2]_I N0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	08/04/25	
Thông kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800533	60	[GDQP2]_I N0001	2	5	07g10 - 11g30	A210	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A201	11/03/25	

[CT TV] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25D1INF50900703	48	[GDQP2]_ CY0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-102	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	08/01/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25D1INF50900606	48	[GDQP2]_ CY0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-102	04/01/25 - 15/03/25	
Kiến trúc máy tính và hệ điều hành		3	25D1INF50911603	48	[GDQP2]_ CY0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-102	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-103	15/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309522	48	[GDQP2]_ CY0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-108	04/01/25 - 22/02/25	
Luật công nghệ thông tin		3	25D1LAW51112603	48	[GDQP2]_ CY0001	3	5	12g45 - 17g05	A314	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	A303	12/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502072	48	[GDQP2]_ CY0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	09/04/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002323	48	[GDQP2]_ CY0001	3	5	07g10 - 11g30	A309	07/01/25 - 25/02/25	
						4	5	07g10 - 11g30	LMS	22/01/25	
						3	5	07g10 - 11g30	ONLINE	04/03/25 - 11/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở công nghệ thông tin		3	25D1INF50900309	45	[GDQP2]_ DS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-102	03/01/25 - 14/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100236	45	[GDQP2]_ DS0001	4	5	07g10 - 11g30	A314	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A210	21/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309521	45	[GDQP2]_ DS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-204	03/01/25 - 21/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700135	45	[GDQP2]_ DS0001	4	5	12g45 - 17g05	A314	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A210	14/01/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502071	45	[GDQP2]_ DS0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	08/04/25	
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25D1MAT50800110	45	[GDQP2]_ DS0001	2	5	12g45 - 17g05	A315	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A316	18/02/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002322	45	[GDQP2]_ DS0001	2	5	07g10 - 11g30	A315	06/01/25 - 24/02/25	
						3	5	07g10 - 11g30	LMS	11/02/25	
						2	5	07g10 - 11g30	ONLINE	03/03/25 - 10/03/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thông tin và truyền thông		1	25D1MED54817001	50	[GDQP2]_ DD0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-405	06/01/25 - 20/01/25	Đổi ph.học
Marketing & Truyền thông		3	25D1MED54800801	50	[GDQP2]_ DD0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-303	08/01/25 - 09/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020150	50	[GDQP2]_ DD0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/04/25	
Studio Thiết kế đồ họa		3	25D1MED54811401	50	[GDQP2]_ DD0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-510	08/01/25 - 25/06/25	
Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng		3	25D1MED54806001	50	[GDQP2]_ DD0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-402	13/01/25 - 24/03/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002335	50	[GDQP2]_ DD0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	03/01/25 - 21/02/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	28/02/25	
						6	5	07g10 - 11g30	ONLINE	07/03/25 - 14/03/25	
Truyền thông đại chúng		3	25D1MED54801401	50	[GDQP2]_ DD0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-306	02/01/25 - 03/04/25	
Luật thông tin và truyền thông	EN	1	25D1MED54817601	35	[GDQP2]_ DDF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-412	06/01/25 - 20/01/25	
Marketing & Truyền thông	EN	3	25D1MED54807501	35	[GDQP2]_ DDF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-406	06/01/25 - 31/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-304	08/04/25	
Studio Thiết kế đồ họa	EN	3	25D1MED54817501	35	[GDQP2]_ DDF001	5	5	12g45 - 17g05	B2-510	02/01/25 - 19/06/25	
Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng	EN	3	25D1MED54806901	35	[GDQP2]_ DDF001	3	5	07g10 - 11g30	B2-304	07/01/25 - 18/03/25	
Truyền thông đại chúng	EN	3	25D1MED54808101	35	[GDQP2]_ DDF001	3	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/01/25 - 08/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020151	35	[GDQP2]_ DDF001,D DP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/04/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002336	50	[GDQP2]_ DDF001,D DP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-406	08/01/25 - 26/02/25	
						4	5	07g10 - 11g30	ONLINE	05/03/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	LMS	08/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật thông tin và truyền thông		1	25D1MED54817002	15	[GDQP2]_ DDP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-207	07/01/25 - 21/01/25	
Marketing & Truyền thông	EN	3	25D1MED54807502	15	[GDQP2]_ DDP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-505	03/01/25 - 04/04/25	
Studio Thiết kế đồ họa		3	25D1MED54811402	15	[GDQP2]_ DDP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-510	08/01/25 - 25/06/25	
Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng		3	25D1MED54806002	15	[GDQP2]_ DDP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-503	11/02/25 - 08/04/25	
Truyền thông đại chúng	EN	3	25D1MED54808102	15	[GDQP2]_ DDP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-406	02/01/25 - 03/04/25	
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc		1	25D1MED54803101	50	[GDQP2]_ HPTC.I.DD 0.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-412	01/03/25 - 05/04/25	
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc	EN	1	25D1MED54810001	35	[GDQP2]_ HPTC.I.DD F.1	6	5	07g10 - 11g30	B2-204	28/02/25 - 04/04/25	Đổi ph.học
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc	EN	1	25D1MED54810002	15	[GDQP2]_ HPTC.I.DD P.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	04/01/25 - 22/02/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT(ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập trình cơ bản		3	25D1MED54814401	41	[GDQP2]_ AT0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-511	02/01/25 - 24/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020152	41	[GDQP2]_ AT0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/04/25	
Studio Nghệ thuật thị giác		3	25D1MED54811801	41	[GDQP2]_ AT0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-216	04/01/25 - 26/04/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002337	70	[GDQP2]_ AT0001,AT P001	6	5	12g45 - 17g05	B1-402	03/01/25 - 21/02/25	Đổi ph.học
						6	5	12g45 - 17g05	LMS	28/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	ONLINE	07/03/25 - 14/03/25	
Lập trình cơ bản		3	25D1MED54814402	27	[GDQP2]_ ATP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-507	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-511	13/03/25 - 24/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020153	27	[GDQP2]_ ATP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/04/25	
Studio Nghệ thuật thị giác		3	25D1MED54811802	27	[GDQP2]_ ATP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-216	04/01/25 - 26/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc		1	25D1MED54803102	25	[GDQP2]_ HPTC.I.AT 0.1	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	18/03/25 - 22/04/25	Đổi ph.học
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc		1	25D1MED54803103	25	[GDQP2]_ HPTC.I.AT 0.2	5	5	07g10 - 11g30	B1-505	20/03/25 - 24/04/25	
Tư duy tích cực và thông minh cảm xúc	EN	1	25D1MED54810003	27	[GDQP2]_ HPTC.I.AT P.1	4	5	12g45 - 17g05	B2-305	19/03/25 - 23/04/25	
Lý thuyết ArtTech		2	25D1MED54810701	41	[GDQP2]_ HPTC.II.A T0.1	3	5	12g45 - 17g05	B1-704	18/03/25 - 22/04/25	
Lý thuyết ArtTech	EN	2	25D1MED54815001	27	[GDQP2]_ HPTC.II.A TP.1	3	5	07g10 - 11g30	B1-704	18/03/25 - 22/04/25	
Đồ họa máy tính		3	25D1MED54811501	41	[GDQP2]_ HPTC.III.A T0.1	7	5	07g10 - 11g30	B2-510	04/01/25 - 26/04/25	
Đồ họa máy tính		3	25D1MED54811502	27	[GDQP2]_ HPTC.III.A TP.1	7	5	12g45 - 17g05	B2-510	04/01/25 - 26/04/25	
Lịch sử thiết kế		3	25D1MED54811001	41	[GDQP2]_ HPTC.IV.A T0.1	6	5	07g10 - 11g30	B2-506	03/01/25 - 14/03/25	
Lịch sử thiết kế		3	25D1MED54811002	27	[GDQP2]_ HPTC.IV.A TP.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-506	08/01/25 - 19/03/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202701	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 001	2	5	07g10 - 11g30	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202702	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 002	2	5	07g10 - 11g30	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202703	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 003	2	5	07g10 - 11g30	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-216	02/06/25 - 07/07/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-216	05/06/25 - 10/07/25	
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202704	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 004	6	5	07g10 - 11g30	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202705	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 005	6	5	07g10 - 11g30	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
Đồ án kiến trúc 1		4	25D1ARC51202706	18	[GDQP2]_ K50.DAKT 1.SC0.SCP. 006	6	5	07g10 - 11g30	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-216	06/06/25 - 18/07/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-216	24/06/25 - 22/07/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020148	65	[GDQP2]_ SC0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002332	100	[GDQP2]_ SC0001,SC P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-407	02/01/25 - 20/02/25	
						5	5	07g10 - 11g30	LMS	27/02/25	
						5	5	07g10 - 11g30	ONLINE	06/03/25 - 13/03/25	
Phân tích và Thiết kế kiến trúc		2	25D1ARC54902001	33	[GDQP2]_ SC0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-216	03/03/25 - 14/04/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-216	03/03/25 - 14/04/25	
Thành phố thông minh		3	25D1ARC54902101	33	[GDQP2]_ SC0001.1	4	5	07g10 - 11g30	B2-504	19/02/25 - 16/04/25	
Vật lý kiến trúc		3	25D1ARC54903501	33	[GDQP2]_ SC0001.1	7	5	12g45 - 17g05	B2-406	04/01/25 - 05/04/25	
Đồ án cơ bản 2		3	25D1ARC51201601	33	[GDQP2]_ SC0001.1	3	5	07g10 - 11g30	B2-510	18/02/25 - 15/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-510	18/02/25 - 15/04/25	
Phân tích và Thiết kế kiến trúc		2	25D1ARC54902002	32	[GDQP2]_ SC0001.2	3	5	07g10 - 11g30	B2-215	04/03/25 - 08/04/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-215	04/03/25 - 08/04/25	
Thành phố thông minh		3	25D1ARC54902102	32	[GDQP2]_ SC0001.2	4	5	12g45 - 17g05	B2-304	19/02/25 - 16/04/25	
Vật lý kiến trúc		3	25D1ARC54903502	32	[GDQP2]_ SC0001.2	5	5	12g45 - 17g05	B2-406	02/01/25 - 03/04/25	
Đồ án cơ bản 2		3	25D1ARC51201602	32	[GDQP2]_ SC0001.2	6	5	07g10 - 11g30	B2-510	21/02/25 - 18/04/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-510	21/02/25 - 18/04/25	
Phân tích và Thiết kế kiến trúc		2	25D1ARC54902003	30	[GDQP2]_ SCP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-216	07/03/25 - 11/04/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-216	07/03/25 - 11/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020149	30	[GDQP2]_ SCP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/04/25	
Thành phố thông minh		3	25D1ARC54902103	30	[GDQP2]_ SCP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-505	19/02/25 - 16/04/25	
Vật lý kiến trúc		3	25D1ARC54903503	30	[GDQP2]_ SCP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-306	04/01/25 - 05/04/25	
Đồ án cơ bản 2	EN	3	25D1ARC54903201	30	[GDQP2]_ SCP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-510	17/02/25 - 21/04/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-510	17/02/25 - 21/04/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905901	35	[GDQP2]_ FE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-101	08/01/25 - 26/02/25	
Lập trình căn bản		3	25D1TEC55001901	35	[GDQP2]_ FE0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-101	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502073	35	[GDQP2]_ FE0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	10/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100237	70	[GDQP2]_ FE0001,FE P001	6	5	07g10 - 11g30	B2-108	03/01/25 - 14/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700136	70	[GDQP2]_ FE0001,FE P001	6	5	12g45 - 17g05	B2-108	03/01/25 - 14/03/25	
Triết học Mác LêNin		3	25D1PHI51002324	70	[GDQP2]_ FE0001,FE P001	4	5	07g10 - 11g30	B2-211	08/01/25 - 26/02/25	
						5	5	07g10 - 11g30	LMS	09/01/25	
						4	5	07g10 - 11g30	ONLINE	05/03/25 - 12/03/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905902	35	[GDQP2]_ FEP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-102	08/01/25 - 26/02/25	
Lập trình căn bản		3	25D1TEC55001902	35	[GDQP2]_ FEP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-512	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502074	35	[GDQP2]_ FEP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	10/04/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25D1TEC55006201	35	[GDQP2]_ FEP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-410	06/01/25 - 24/02/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị đổi mới sáng tạo		3	25D1TEC55002001	65	[GDQP2]_ TI0001	7	5	07g10 - 11g30	V.11	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502075	65	[GDQP2]_ TI0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	11/04/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002325	65	[GDQP2]_ TI0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-211	02/01/25 - 20/02/25	
						6	5	07g10 - 11g30	LMS	07/02/25	
						5	5	07g10 - 11g30	ONLINE	27/02/25 - 06/03/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905903	32	[GDQP2]_ TI0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-103	06/01/25 - 24/02/25	
Lập trình căn bản		3	25D1TEC55001903	32	[GDQP2]_ TI0001.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-101	06/01/25 - 10/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-101	10/01/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905904	31	[GDQP2]_ TI0001.2	2	5	07g10 - 11g30	B2-511	06/01/25 - 24/02/25	
Lập trình căn bản		3	25D1TEC55001904	31	[GDQP2]_ TI0001.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-101	07/01/25 - 11/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-101	17/01/25	
Khoa học dữ liệu		2	25D1INF50905905	40	[GDQP2]_ TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-103	08/01/25 - 26/02/25	
Lập trình căn bản		3	25D1TEC55001905	40	[GDQP2]_ TIP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-102	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-511	11/01/25	
Quản trị đổi mới sáng tạo	EN	3	25D1TEC55006301	40	[GDQP2]_ TIP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-301	03/01/25 - 14/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM53502076	40	[GDQP2]_ TIP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/04/25	
Triết học Mác Lênin		3	25D1PHI51002326	40	[GDQP2]_ TIP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-705	03/01/25 - 21/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	LMS	28/02/25	
						6	5	12g45 - 17g05	ONLINE	07/03/25 - 14/03/25	

[CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị quốc tế		3	25D1BUS50329802	20	[GDQP2]_ ARP001	5	5	12g45 - 17g05	A317	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A201	07/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020118	20	[GDQP2]_ ARP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	11/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309530	54	[GDQP2]_ ECOP01	5	5	12g45 - 17g05	A114	02/01/25 - 20/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020117	35	[GDQP2]_ ECOP01	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	11/04/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800536	54	[GDQP2]_ ECOP01,A RP001	5	5	07g10 - 11g30	A114	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	12g45 - 17g05	A201	28/02/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002448	54	[GDQP2]_ ECOP01,A RP001	3	5	07g10 - 11g30	A313	07/01/25 - 25/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100254	54	[GDQP2]_ ECOP01,A RP001	7	5	12g45 - 17g05	A114	04/01/25 - 15/03/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700150	54	[GDQP2]_ ECOP01,A RP001	7	5	07g10 - 11g30	A114	04/01/25 - 15/03/25	

[CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020121	50	[GDQP2]_I VP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	
Kinh tế chính trị Mác LêNin		2	25D1POL51002450	95	[GDQP2]_I VP001,IVP 002	5	5	12g45 - 17g05	B2-407	02/01/25 - 20/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100256	95	[GDQP2]_I VP001,IVP 002	3	5	07g10 - 11g30	B2-407	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-307	10/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309532	95	[GDQP2]_I VP001,IVP 002	7	5	07g10 - 11g30	B2-407	04/01/25 - 22/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700152	95	[GDQP2]_I VP001,IVP 002	3	5	12g45 - 17g05	B2-212	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-307	03/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800538	95	[GDQP2]_I VP001,IVP 002	7	5	12g45 - 17g05	B2-311	04/01/25 - 15/03/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020122	50	[GDQP2]_I VP002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	31/03/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020119	60	[GDQP2]_ HRP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002449	100	[GDQP2]_ HRP001,V AP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-310	08/01/25 - 26/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100255	100	[GDQP2]_ HRP001,V AP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-308	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-208	18/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309531	100	[GDQP2]_ HRP001,V AP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-408	03/01/25 - 21/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700151	100	[GDQP2]_ HRP001,V AP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-307	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-208	11/01/25	
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800537	100	[GDQP2]_ HRP001,V AP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-408	03/01/25 - 14/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020120	35	[GDQP2]_ VAP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/04/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020123	50	[GDQP2]_ HQP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	08/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002451	70	[GDQP2]_ HQP001,T AP001	6	5	12g45 - 17g05	A211	03/01/25 - 21/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100257	70	[GDQP2]_ HQP001,T AP001	4	5	07g10 - 11g30	A313	08/01/25 - 12/03/25	Đôi ph.học
						3	5	07g10 - 11g30	A217	18/02/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309533	70	[GDQP2]_ HQP001,T AP001	2	5	07g10 - 11g30	A302	06/01/25 - 24/02/25	Đôi ph.học
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700153	70	[GDQP2]_ HQP001,T AP001	4	5	12g45 - 17g05	A217	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A313	11/03/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800539	70	[GDQP2]_ HQP001,T AP001	2	5	12g45 - 17g05	A302	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	A313	04/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020124	25	[GDQP2]_ TAP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	08/04/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319763	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 49	2	5	07g10 - 11g30	E201	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319764	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 50	2	5	12g45 - 17g05	E201	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319765	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 51	3	5	07g10 - 11g30	E201	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319766	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 52	3	5	12g45 - 17g05	E201	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319767	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 53	4	5	07g10 - 11g30	E201	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319768	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 54	4	5	12g45 - 17g05	E201	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319769	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 55	5	5	07g10 - 11g30	E201	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319770	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 56	5	5	12g45 - 17g05	E201	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319771	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 57	6	5	07g10 - 11g30	E201	03/01/25 - 14/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319772	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 58	6	5	12g45 - 17g05	E201	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319773	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 59	7	5	07g10 - 11g30	E201	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319774	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 60	7	5	12g45 - 17g05	E201	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319775	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 61	2	5	07g10 - 11g30	E202	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319776	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 62	2	5	12g45 - 17g05	E202	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319777	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 63	3	5	07g10 - 11g30	E202	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319778	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 64	3	5	12g45 - 17g05	E202	07/01/25 - 18/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319779	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 65	4	5	07g10 - 11g30	E202	08/01/25 - 19/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319780	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 66	4	5	12g45 - 17g05	E202	08/01/25 - 19/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319781	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 67	5	5	07g10 - 11g30	E202	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319782	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 68	5	5	12g45 - 17g05	E202	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319783	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 69	6	5	07g10 - 11g30	E202	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319784	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 70	6	5	12g45 - 17g05	E202	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319785	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 71	7	5	07g10 - 11g30	E202	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319786	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 72	7	5	12g45 - 17g05	E202	04/01/25 - 15/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319787	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 73	2	5	07g10 - 11g30	E204	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319788	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 74	2	5	12g45 - 17g05	E204	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319789	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 75	3	5	07g10 - 11g30	E204	07/01/25 - 18/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319790	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 76	3	5	12g45 - 17g05	E204	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319791	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 77	4	5	07g10 - 11g30	E204	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319792	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 78	4	5	12g45 - 17g05	E204	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319793	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 79	5	5	07g10 - 11g30	E204	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319794	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 80	5	5	12g45 - 17g05	E204	02/01/25 - 13/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319795	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 81	6	5	07g10 - 11g30	E204	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319796	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 82	6	5	12g45 - 17g05	E204	03/01/25 - 14/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319797	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 83	7	5	07g10 - 11g30	E204	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319798	42	[GDQP2]_ TACOB1.0 84	7	5	12g45 - 17g05	E204	04/01/25 - 15/03/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT KẾ (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319919	42	[GDQP2]_TACTD1.0 19	4	5	07g10 - 11g30	E501	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319920	42	[GDQP2]_TACTD1.0 20	4	5	12g45 - 17g05	E501	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319921	42	[GDQP2]_TACTD1.0 21	7	5	07g10 - 11g30	E501	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319922	42	[GDQP2]_TACTD1.0 22	7	5	12g45 - 17g05	E501	04/01/25 - 15/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319923	42	[GDQP2]_TACTD1.0 23	5	5	07g10 - 11g30	E502	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319924	42	[GDQP2]_TACTD1.0 24	5	5	12g45 - 17g05	A303	02/01/25 - 13/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319925	42	[GDQP2]_TACTD1.0 25	6	5	07g10 - 11g30	A313	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319926	42	[GDQP2]_TACTD1.0 26	6	5	12g45 - 17g05	E502	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25D1ENG51319927	42	[GDQP2]_TACTD1.0 27bs	4	5	12g45 - 17g05	E402	12/02/25 - 09/04/25	Bổ sung

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319513	42	[GDQP2]_ TACELG1. 013	2	5	07g10 - 11g30	E501	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319514	42	[GDQP2]_ TACELG1. 014	2	5	12g45 - 17g05	E501	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319515	42	[GDQP2]_ TACELG1. 015	3	5	07g10 - 11g30	E501	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319516	42	[GDQP2]_ TACELG1. 016	3	5	12g45 - 17g05	E501	07/01/25 - 18/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319517	42	[GDQP2]_ TACELG1. 017	5	5	07g10 - 11g30	E501	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319518	42	[GDQP2]_ TACELG1. 018	5	5	12g45 - 17g05	E501	02/01/25 - 13/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319519	42	[GDQP2]_ TACELG1. 019	6	5	07g10 - 11g30	E501	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319520	42	[GDQP2]_ TACELG1. 020	6	5	12g45 - 17g05	E501	03/01/25 - 14/03/25	

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005916	50	[GDQP2]_ TDTK.13	7	5	07g10 - 11g30	B2-408	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005917	50	[GDQP2]_ TDTK.14	7	5	12g45 - 17g05	B2-408	04/01/25 - 22/02/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005918	50	[GDQP2]_ TDTK.15	6	5	07g10 - 11g30	B2-412	28/02/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-308	21/03/25 - 04/04/25	
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005919	50	[GDQP2]_ TDTK.16	6	5	12g45 - 17g05	B1-405	28/02/25 - 04/04/25	Đổi ph.học

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326449	50	[GDQP2]_ NMTLH.49	2	5	07g10 - 11g30	B2-405	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326450	50	[GDQP2]_ NMTLH.50	2	5	12g45 - 17g05	B2-405	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326451	50	[GDQP2]_ NMTLH.51	3	5	07g10 - 11g30	B2-405	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326452	50	[GDQP2]_ NMTLH.52	3	5	12g45 - 17g05	B2-405	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326453	50	[GDQP2]_ NMTLH.53	4	5	07g10 - 11g30	B2-405	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326454	50	[GDQP2]_ NMTLH.54	4	5	12g45 - 17g05	B2-405	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326455	50	[GDQP2]_ NMTLH.55	5	5	07g10 - 11g30	B2-405	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326456	50	[GDQP2]_ NMTLH.56	5	5	12g45 - 17g05	B2-405	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326457	50	[GDQP2]_ NMTLH.57	6	5	07g10 - 11g30	B2-405	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326458	50	[GDQP2]_ NMTLH.58	6	5	12g45 - 17g05	B2-405	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326459	50	[GDQP2]_ NMTLH.59	7	5	07g10 - 11g30	B2-405	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326460	50	[GDQP2]_ NMTLH.60	7	5	12g45 - 17g05	B2-405	01/03/25 - 05/04/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326461	50	[GDQP2]_ NMTLH.61	2	5	07g10 - 11g30	B2-405	06/01/25 - 10/02/25	Hủy
						5	5	12g45 - 17g05	B2-205	09/01/25 - 16/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326462	50	[GDQP2]_ NMTLH.62	2	5	12g45 - 17g05	B2-405	06/01/25 - 10/02/25	Hủy
						5	5	07g10 - 11g30	B2-207	09/01/25 - 16/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326463	50	[GDQP2]_ NMTLH.63	3	5	07g10 - 11g30	B2-405	07/01/25 - 18/02/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	17/01/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326464	50	[GDQP2]_ NMTLH.64	3	5	12g45 - 17g05	B2-405	07/01/25 - 18/02/25	Hủy
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	17/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326465	50	[GDQP2]_ NMTLH.65	4	5	07g10 - 11g30	B2-405	08/01/25 - 12/02/25	Hủy
						7	5	12g45 - 17g05	B2-207	11/01/25 - 18/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326466	50	[GDQP2]_ NMTLH.66	4	5	12g45 - 17g05	B2-405	08/01/25 - 12/02/25	Hủy
						7	5	07g10 - 11g30	B2-307	11/01/25 - 18/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326467	50	[GDQP2]_ NMTLH.67	5	5	07g10 - 11g30	B2-405	02/01/25 - 13/02/25	Hủy
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	06/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326468	50	[GDQP2]_ NMTLH.68	5	5	12g45 - 17g05	B2-405	02/01/25 - 13/02/25	Hủy
						2	5	07g10 - 11g30	B2-212	06/01/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326469	50	[GDQP2]_ NMTLH.69	6	5	07g10 - 11g30	B2-405	03/01/25 - 21/02/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326470	50	[GDQP2]_ NMTLH.70	6	5	12g45 - 17g05	B2-405	03/01/25 - 21/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326471	50	[GDQP2]_ NMTLH.71	7	5	07g10 - 11g30	B2-405	04/01/25 - 22/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326472	50	[GDQP2]_ NMTLH.72	7	5	12g45 - 17g05	B2-405	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326473	50	[GDQP2]_ NMTLH.73	7	5	07g10 - 11g30	B2-404	04/01/25 - 22/02/25	Hủy
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326474	50	[GDQP2]_ NMTLH.74	7	5	12g45 - 17g05	B2-404	04/01/25 - 22/02/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326475	50	[GDQP2]_ NMTLH.75	6	5	07g10 - 11g30	B2-408	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326476	50	[GDQP2]_ NMTLH.76	6	5	12g45 - 17g05	B2-402	28/02/25 - 04/04/25	

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 2]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122013	100	[GDQP2]_ PTBV.13	2	5	07g10 - 11g30	B2-408	17/02/25 - 24/03/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122014	100	[GDQP2]_ PTBV.14	2	5	12g45 - 17g05	B2-408	17/02/25 - 24/03/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122015	100	[GDQP2]_ PTBV.15	3	5	07g10 - 11g30	B2-408	25/02/25 - 01/04/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122016	100	[GDQP2]_ PTBV.16	3	5	12g45 - 17g05	B2-408	25/02/25 - 01/04/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122017	100	[GDQP2]_ PTBV.17	7	5	07g10 - 11g30	B2-408	01/03/25 - 05/04/25	
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122018	100	[GDQP2]_ PTBV.18	7	5	12g45 - 17g05	B2-408	01/03/25 - 05/04/25	Hủy

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 2) (**CHÍNH THỨC**)
(**DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GDQPAN ĐỢT 3 – THÁNG 10/2025**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	02/01/2025 – 18/05/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 Bổ sung; Điều chỉnh (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) CV Kế hoạch học GDQPAN – K50 (Số 238/CV-ĐT ngày 09/09/2024)
Nghỉ Tết Âm lịch	23/01/2025 – 05/02/2025	
Học online	16/01/2025 – 22/01/2025 06/02/2025 – 18/05/2025	
Thi kết thúc học phần	19/05/2025 – 01/06/2025	
Các ngày nghỉ	01/01/2025, 07/04/2025, 30/04/2025, 01/05/2025 02/05/2025 (lưu ý các lớp có giờ giảng vào ngày 02/05/2025 được nghỉ và bù bằng hình thức online)	
Học GDQPAN Đợt 3	Tháng 10/2025	
Dự trữ KHĐT	02/06/2025 – 15/06/2025	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GD N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GD N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **19/05/2025 đến 01/06/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH DOANH**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	KINH DOANH SỐ	DB0001	DBP001	
2	QUẢN TRỊ KINH DOANH			ADF001, ADF002, ADF003, ADF004
3	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	QB0001	QBP001	
4	NGÂN HÀNG	NH0001, NH0002, NH0003	NHP001, NHP002	NHF001
5	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT0001	TTP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
6	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ0001	LQP001	
7	LUẬT KINH TẾ	EL0001, EL0002	ELP001, ELP002	
8	QUẢN LÝ CÔNG	PM0001	PMP001	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020138	50	[GDQP3]_ DB0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002513	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-407	11/04/25 - 16/05/25	Đổi ph.học
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002461	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-407	28/02/25 - 04/04/25	Đổi ph.học
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100263	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-402	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						3	5	12g45 - 17g05	B2-310	21/01/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100117	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-310	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	16/04/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700158	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-402	08/01/25 - 12/03/25	Đổi ph.học
						3	5	12g45 - 17g05	B2-310	14/01/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800545	80	[GDQP3]_ DB0001,D BP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-404	17/03/25 - 12/05/25	Đổi ph.học
						4	5	07g10 - 11g30	B2-108	23/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020139	30	[GDQP3]_ DBP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	13/05/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002509	50	[GDQP3]_ ADF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-212	12/04/25 - 17/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002457	50	[GDQP3]_ ADF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-212	01/03/25 - 05/04/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109816	50	[GDQP3]_ ADF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-803	20/03/25 - 15/05/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	06/05/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107009	50	[GDQP3]_ ADF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-701	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	15/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706921	50	[GDQP3]_ ADF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-701	13/03/25 - 15/05/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327216	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-204	03/03/25 - 14/04/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122203	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-204	06/01/25 - 24/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020134	50	[GDQP3]_ ADF001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802908	50	[GDQP3]_ ADF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-702	07/01/25 - 11/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	22/01/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197100	50	[GDQP3]_ ADF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-505	04/01/25 - 15/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002510	50	[GDQP3]_ ADF002	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	31/03/25 - 12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002458	50	[GDQP3]_ ADF002	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	17/02/25 - 24/03/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109817	50	[GDQP3]_ ADF002	6	5	07g10 - 11g30	B1-408	21/03/25 - 16/05/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107010	50	[GDQP3]_ ADF002	4	5	07g10 - 11g30	B1-804	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-212	09/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706922	50	[GDQP3]_ ADF002	6	5	12g45 - 17g05	B1-408	21/03/25 - 16/05/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327217	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B2-205	04/03/25 - 08/04/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122204	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B2-205	07/01/25 - 25/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020135	50	[GDQP3]_ ADF002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802909	50	[GDQP3]_ ADF002	4	5	12g45 - 17g05	B1-701	08/01/25 - 12/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-212	16/01/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197101	50	[GDQP3]_ ADF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-701	06/01/25 - 10/03/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-803	13/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002511	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B2-301	08/04/25 - 13/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002459	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B2-301	25/02/25 - 01/04/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109818	50	[GDQP3]_ ADF003	7	5	07g10 - 11g30	B1-505	22/03/25 - 17/05/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107011	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	07g10 - 11g30	B1-701	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-212	10/01/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706923	50	[GDQP3]_ ADF003	7	5	12g45 - 17g05	B1-409	22/03/25 - 17/05/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327218	50	[GDQP3]_ ADF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-701	05/03/25 - 09/04/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122205	50	[GDQP3]_ ADF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-701	08/01/25 - 26/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020136	50	[GDQP3]_ ADF003	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802910	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-701	02/01/25 - 06/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-212	17/01/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197102	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-505	07/01/25 - 11/03/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-206	14/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002512	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	07g10 - 11g30	B2-206	02/04/25 - 14/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002460	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	07g10 - 11g30	B2-206	19/02/25 - 26/03/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109819	50	[GDQP3]_ ADF004	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	25/04/25	
Luật kinh doanh	EN	3	25D1LAW51107012	50	[GDQP3]_ ADF004	7	5	07g10 - 11g30	B1-404	04/01/25 - 15/03/25	Đổi tg.học
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706924	50	[GDQP3]_ ADF004	2	5	07g10 - 11g30	B1-701	17/03/25 - 12/05/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-212	02/05/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327219	50	[GDQP3]_ ADF004	5	5	07g10 - 11g30	B2-301	27/02/25 - 03/04/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122206	50	[GDQP3]_ ADF004	5	5	07g10 - 11g30	B2-301	02/01/25 - 20/02/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020137	50	[GDQP3]_ ADF004	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802911	50	[GDQP3]_ ADF004	6	5	07g10 - 11g30	B1-701	03/01/25 - 14/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197103	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-408	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-206	15/02/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020140	70	[GDQP3]_ QB0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002514	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-311	31/03/25 - 12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002462	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-311	17/02/25 - 24/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100264	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-311	03/01/25 - 14/03/25	
Luật kinh doanh		3	25D1LAW51100118	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-308	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	09/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700159	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-407	03/01/25 - 14/03/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800546	110	[GDQP3]_ QB0001,Q BP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-311	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	02/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020141	40	[GDQP3]_ QBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	15/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020126	55	[GDQP3]_ NH0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002504	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-308	31/03/25 - 12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002452	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	2	5	12g45 - 17g05	B2-308	17/02/25 - 24/03/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100259	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	6	5	07g10 - 11g30	B2-310	03/01/25 - 14/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309534	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	4	5	07g10 - 11g30	B2-308	02/04/25 - 14/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700154	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	6	5	12g45 - 17g05	B2-311	03/01/25 - 14/03/25	
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD		3	25D1STA50800541	110	[GDQP3]_ NH0001,N H0002	4	5	12g45 - 17g05	B2-310	19/03/25 - 14/05/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020127	55	[GDQP3]_ NH0002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002505	56	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	A212	08/04/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002453	56	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	A212	18/02/25 - 25/03/25	Đổi ph.học
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100260	56	[GDQP3]_ NH0003	7	5	07g10 - 11g30	B1-504	04/01/25 - 15/03/25	Đổi ph.học
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309535	56	[GDQP3]_ NH0003	5	5	07g10 - 11g30	A201	03/04/25 - 15/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700155	56	[GDQP3]_ NH0003	7	5	12g45 - 17g05	B1-503	04/01/25 - 15/03/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020128	55	[GDQP3]_ NH0003	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800542	56	[GDQP3]_ NH0003	5	5	12g45 - 17g05	A210	20/03/25 - 15/05/25	
						7	5	07g10 - 11g30	A114	17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020129	50	[GDQP3]_ NHP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002506	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	4	5	07g10 - 11g30	B2-310	16/04/25 - 14/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-108	05/05/25 - 12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002454	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	4	5	07g10 - 11g30	B2-310	05/03/25 - 09/04/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100261	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	2	5	12g45 - 17g05	B2-310	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	18/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309536	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	6	5	12g45 - 17g05	B2-308	11/04/25 - 16/05/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700156	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	2	5	07g10 - 11g30	B2-310	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-211	11/01/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800543	90	[GDQP3]_ NHP001,N HP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-310	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020130	50	[GDQP3]_ NHP002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	17/05/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002507	35	[GDQP3]_ NHF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-506	11/04/25 - 16/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002455	35	[GDQP3]_ NHF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-506	28/02/25 - 04/04/25	
Kinh tế vĩ mô	EN	3	25D1ECO50109815	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-705	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-411	04/03/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25D1BUS50307305	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-805	06/01/25 - 24/02/25	
Nguyên lý kế toán	EN	3	25D1ACC50706920	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-805	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-411	25/02/25	
Nhập môn tâm lý học	EN	2	25D1BUS50327215	35	[GDQP3]_ NHF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-408	03/04/25 - 15/05/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25D1ECO50122202	35	[GDQP3]_ NHF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-408	03/04/25 - 15/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020131	35	[GDQP3]_ NHF001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	EN	3	25D1STA50802907	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-705	06/01/25 - 10/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-411	11/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG51319799	35	[GDQP3]_ NHF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-506	03/01/25 - 14/03/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020132	60	[GDQP3]_ TT0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002508	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-311	10/04/25 - 15/05/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-307	17/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002456	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-311	02/01/25 - 20/02/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100262	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	3	5	12g45 - 17g05	B2-310	25/03/25 - 13/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	28/04/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309537	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	7	5	12g45 - 17g05	B2-407	04/01/25 - 22/02/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700157	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	3	5	07g10 - 11g30	B2-407	25/03/25 - 13/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	05/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25D1STA50800544	100	[GDQP3]_ TT0001,TT P001	7	5	07g10 - 11g30	B2-311	29/03/25 - 17/05/25	
						2	5	12g45 - 17g05	B2-207	21/04/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020133	40	[GDQP3]_ TTP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	12/05/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002519	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	12g45 - 17g05	B2-402	31/03/25 - 12/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002467	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	12g45 - 17g05	B2-402	17/02/25 - 24/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309542	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	07g10 - 11g30	B2-402	02/04/25 - 14/05/25	
Luật dân sự 1		3	25D1LAW51100505	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	6	5	12g45 - 17g05	B2-411	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Luật hành chính		3	25D1LAW51100705	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	12g45 - 17g05	B2-402	19/03/25 - 14/05/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020146	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	15/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)		3	25D1ENG51320105	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	07g10 - 11g30	B1-404	06/01/25 - 10/03/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-206	06/02/25	
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100106	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001,AVTS 01.K49	6	5	07g10 - 11g30	B2-402	03/01/25 - 14/03/25	

[CT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002515	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-501	02/04/25 - 14/05/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002463	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-501	19/02/25 - 26/03/25	
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100102	50	[GDQP3]_ EL0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-501	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	01/03/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309538	50	[GDQP3]_ EL0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-501	11/04/25 - 16/05/25	
Luật hành chính		3	25D1LAW51100701	50	[GDQP3]_ EL0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-501	21/03/25 - 16/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020142	50	[GDQP3]_ EL0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	17/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)		3	25D1ENG51320101	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/01/25 - 12/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	08/03/25	
Luật dân sự 1		3	25D1LAW51100501	50	[GDQP3]_ EL0001,CT LL01.K49	2	5	12g45 - 17g05	B2-501	06/01/25 - 10/03/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-206	15/03/25	
Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam		2	25D1LAW51109601	50	[GDQP3]_ EL0001,PM LL1.K47,P MLL2.K47	6	5	07g10 - 11g30	B2-501	28/02/25 - 04/04/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002516	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-502	03/04/25 - 15/05/25	
Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam		2	25D1LAW51109602	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	01/03/25 - 05/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002464	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	12g45 - 17g05	B2-502	20/02/25 - 27/03/25	
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100103	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	07g10 - 11g30	B2-502	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-212	20/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309539	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	12/04/25 - 17/05/25	
Luật dân sự 1		3	25D1LAW51100502	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	12g45 - 17g05	B2-502	07/01/25 - 11/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-212	13/01/25	
Luật hành chính		3	25D1LAW51100702	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	12g45 - 17g05	B2-502	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020143	50	[GDQP3]_ EL0002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	12/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)		3	25D1ENG51320102	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-502	02/01/25 - 06/03/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B2-410	03/03/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002517	35	[GDQP3]_ ELP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-503	11/04/25 - 16/05/25	
Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam		2	25D1LAW51109603	35	[GDQP3]_ ELP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-503	17/02/25 - 24/03/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002465	35	[GDQP3]_ ELP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-503	28/02/25 - 04/04/25	
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100104	35	[GDQP3]_ ELP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-503	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-212	21/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309540	35	[GDQP3]_ ELP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-503	31/03/25 - 12/05/25	
Luật hành chính		3	25D1LAW51100703	35	[GDQP3]_ ELP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-503	17/03/25 - 12/05/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	14/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020144	35	[GDQP3]_ ELP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	13/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)		3	25D1ENG51320103	35	[GDQP3]_ ELP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-503	03/01/25 - 14/03/25	
Luật dân sự 1		3	25D1LAW51100503	35	[GDQP3]_ ELP001,P MLL1.K48	4	5	12g45 - 17g05	B2-503	08/01/25 - 12/03/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-212	14/01/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002518	35	[GDQP3]_ ELP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-504	12/04/25 - 17/05/25	
Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam		2	25D1LAW51109604	35	[GDQP3]_ ELP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-504	25/02/25 - 01/04/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002466	35	[GDQP3]_ ELP002	7	5	12g45 - 17g05	B2-504	01/03/25 - 05/04/25	
Kinh tế vi mô		3	25D1ECO50100105	35	[GDQP3]_ ELP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-504	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	15/01/25	
Kỹ năng mềm		2	25D1BUS50309541	35	[GDQP3]_ ELP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-504	08/04/25 - 13/05/25	
Luật dân sự 1		3	25D1LAW51100504	35	[GDQP3]_ ELP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-504	02/01/25 - 06/03/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-207	08/01/25	
Luật hành chính		3	25D1LAW51100704	35	[GDQP3]_ ELP002	3	5	12g45 - 17g05	B2-504	18/03/25 - 13/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020145	35	[GDQP3]_ ELP002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	14/05/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP1)		3	25D1ENG51320104	35	[GDQP3]_ ELP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-504	04/01/25 - 15/03/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25D1POL51002520	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-503	08/04/25 - 13/05/25	Đổi ph.học
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25D1POL51002468	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-503	25/02/25 - 01/04/25	Đổi ph.học
Kinh tế vĩ mô		3	25D1ECO50100265	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-212	22/03/25 - 17/05/25	
Luật hành chính		3	25D1LAW51100706	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	5	5	07g10 - 11g30	B1-504	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B1-404	10/01/25	
Nguyên lý kế toán		3	25D1ACC50700160	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-308	22/03/25 - 17/05/25	
Sinh hoạt lớp			25D1ADM535020147	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	16/05/25	
Thống kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25D1STA50800547	71	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-408	02/01/25 - 06/03/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	B2-601	17/01/25	

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 3]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326477	50	[GDQP3]_ NMTLH.77	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326478	50	[GDQP3]_ NMTLH.78	2	5	12g45 - 17g05	B2-502	17/02/25 - 24/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326479	50	[GDQP3]_ NMTLH.79	3	5	07g10 - 11g30	B2-501	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326480	50	[GDQP3]_ NMTLH.80	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	25/02/25 - 01/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326481	50	[GDQP3]_ NMTLH.81	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326482	50	[GDQP3]_ NMTLH.82	4	5	12g45 - 17g05	B2-502	19/02/25 - 26/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326483	50	[GDQP3]_ NMTLH.83	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326484	50	[GDQP3]_ NMTLH.84	5	5	12g45 - 17g05	B2-501	20/02/25 - 27/03/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326485	50	[GDQP3]_ NMTLH.85	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326486	50	[GDQP3]_ NMTLH.86	6	5	12g45 - 17g05	B2-502	28/02/25 - 04/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326487	50	[GDQP3]_ NMTLH.87	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	01/03/25 - 05/04/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25D1BUS50326488	50	[GDQP3]_ NMTLH.88	7	5	12g45 - 17g05	B2-501	01/03/25 - 05/04/25	Hủy

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 3]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122019	100	[GDQP3]_ PTBV.19	2	5	07g10 - 11g30	B2-602	17/02/25 - 24/03/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122020	100	[GDQP3]_ PTBV.20	2	5	12g45 - 17g05	B2-407	17/02/25 - 24/03/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122021	100	[GDQP3]_ PTBV.21	3	5	07g10 - 11g30	B1-404	25/02/25 - 01/04/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122022	100	[GDQP3]_ PTBV.22	3	5	12g45 - 17g05	B1-504	25/02/25 - 01/04/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122023	100	[GDQP3]_ PTBV.23	4	5	07g10 - 11g30	B2-407	19/02/25 - 26/03/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122024	100	[GDQP3]_ PTBV.24	4	5	12g45 - 17g05	B2-311	19/02/25 - 26/03/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122025	100	[GDQP3]_ PTBV.25	5	5	07g10 - 11g30	B2-308	20/02/25 - 27/03/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122026	100	[GDQP3]_ PTBV.26	5	5	12g45 - 17g05	B2-311	20/02/25 - 27/03/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122027	100	[GDQP3]_ PTBV.27	6	5	07g10 - 11g30	B1-403	28/02/25 - 04/04/25	Đổi ph.học
Phát triển bền vững		2	25D1ECO50122028	100	[GDQP3]_ PTBV.28	6	5	12g45 - 17g05	B2-308	28/02/25 - 04/04/25	Đổi ph.học

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 3]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197104	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 85	2	5	07g10 - 11g30	A212	06/01/25 - 17/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197105	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 86	2	5	12g45 - 17g05	A212	06/01/25 - 17/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197106	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 87	3	5	07g10 - 11g30	A212	07/01/25 - 18/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197107	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 88	3	5	12g45 - 17g05	A306	07/01/25 - 18/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197108	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 89	4	5	07g10 - 11g30	A306	08/01/25 - 19/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197109	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 90	4	5	12g45 - 17g05	A212	08/01/25 - 19/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197110	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 91	5	5	07g10 - 11g30	A309	02/01/25 - 13/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197111	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 92	5	5	12g45 - 17g05	A314	02/01/25 - 13/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197112	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 93	6	5	07g10 - 11g30	A309	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197113	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 94	6	5	12g45 - 17g05	A309	03/01/25 - 14/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197114	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 95	7	5	07g10 - 11g30	A309	04/01/25 - 15/03/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP1)		3	25D1ENG513197115	50	[GDQP3]_ TACOB1.0 96	7	5	12g45 - 17g05	E302	04/01/25 - 15/03/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP1) [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 3]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319521	42	[GDQP3]_ TACELG1. 021	2	5	07g10 - 11g30	E502	06/01/25 - 17/03/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319522	42	[GDQP3]_ TACELG1. 022	2	5	12g45 - 17g05	E502	06/01/25 - 17/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319523	42	[GDQP3]_ TACELG1. 023	4	5	07g10 - 11g30	E502	08/01/25 - 19/03/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP1)		3	25D1ENG51319524	42	[GDQP3]_ TACELG1. 024	4	5	12g45 - 17g05	E502	08/01/25 - 19/03/25	Hủy

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ [Dành cho SV Khóa 50 ĐHCQ học GDQPAN Đợt 3]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005920	50	[GDQP3]_ TDTK.17	3	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005921	50	[GDQP3]_ TDTK.18	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	08/04/25 - 13/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005922	50	[GDQP3]_ TDTK.19	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	31/03/25 - 12/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005923	50	[GDQP3]_ TDTK.20	2	5	12g45 - 17g05	B2-502	31/03/25 - 12/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005924	50	[GDQP3]_ TDTK.21	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	12/04/25 - 17/05/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25D1TEC55005925	50	[GDQP3]_ TDTK.22	7	5	12g45 - 17g05	B2-501	12/04/25 - 17/05/25	Hủy